

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



**ISO 9001-2008**

**TÌM HIỂU VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ THÀN ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG**  
**NƠI CỬA BIÊN CÁT HẢI – HIỆN TRẠNG KHAI THÁC VÀ GIẢI PHÁP**  
**PHÁT TRIỂN PHỤC VỤ DU LỊCH ĐỊA PHƯƠNG**

**Người hướng dẫn : TS. Lê Thanh Tùng**  
**Người thực hiện : SV. Vũ Thị Đào**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ THẦN ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG.....</b>	<b>5</b>
<i>1.1.1. Một số nét tổng quan về tín ngưỡng Việt Nam.....</i>	<i>5</i>
<i>1.1.2. Khái niệm và phân loại tín ngưỡng Việt Nam .....</i>	<i>5</i>
<i>1.1.3. Đặc trưng của tín ngưỡng Việt Nam .....</i>	<i>8</i>
<i>1.1.4. Vai trò, giá trị của tín ngưỡng trong văn hóa dân tộc.....</i>	<i>9</i>
<b>1.2. Khái quát về tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương ở Việt Nam.....</b>	<b>11</b>
<i>1.2.1. Một số nét về tín ngưỡng thờ thần ở Việt Nam.....</i>	<i>11</i>
<i>1.2.2. Vài nét về tín ngưỡng thờ Thủy thần và thần biển.....</i>	<i>13</i>
<i>1.2.3. Các vị thần Đông Hải Đại Vương ở Việt Nam.....</i>	<i>15</i>
<b>1.3. Việc thờ tự đối với các vị thần Đông Hải Đại Vương ở Việt Nam.....</b>	<b>17</b>
<i>1.3.1. Mục đích, ý nghĩa của việc thờ tự.....</i>	<i>17</i>
<i>1.3.2. Những vùng và địa phương thờ thần Đông Hải Đại Vương.....</i>	<i>17</i>
<b>Tiểu kết chương 1.....</b>	<b>19</b>
<b>CHƯƠNG 2. ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG ĐOÀN THƯỢNG VỚI CÁT HẢI, HẢI PHÒNG .....</b>	<b>20</b>
<b>2.1. Giới thiệu về Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng.....</b>	<b>20</b>
<i>2.1.1. Thân thế - Sự nghiệp.....</i>	<i>20</i>
<i>2.1.2. Các nơi thờ tự ở Việt Nam.....</i>	<i>30</i>
<b>2.2. Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng với Hải Phòng.....</b>	<b>33</b>
<i>2.2.1. Tìm hiểu về vùng đất Hồng Châu (Hải Dương - Hải Phòng xưa).....</i>	<i>33</i>
<i>2.2.2. Công trạng của Đoàn Thượng với vùng đất Hồng Châu.....</i>	<i>36</i>
<i>2.2.3. Hệ thống các di tích thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở thành phố Hải Phòng hiện nay.....</i>	<i>37</i>
<b>2.3. Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng với huyện Cát Hải - Hải Phòng.....</b>	<b>39</b>
<i>2.3.1. Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng với Cát Hải xưa.....</i>	<i>39</i>
<i>2.3.2. Các lễ hội thờ thành hoàng Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải.....</i>	<i>40</i>

<i>2.3.3. Ý nghĩa của việc thờ thần Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải</i>	45
Tiểu kết chương 2.....	47
<b>CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP KHAI THÁC DI TÍCH – LỄ HỘI THỜ ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG ĐOÀN THƯỢNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐỊA PHƯƠNG.....</b>	<b>49</b>
<b>3.1.Thực trạng khai thác di tích - lễ hội thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải.....</b>	<b>49</b>
<i>3.1.1.Thực trạng khai thác du lịch của Cát Hải.....</i>	<i>49</i>
<i>3.1.2.Thực trạng khai thác các di tích và lễ hội thờ Đông Hải Đại Vương ở Cát Hải.....</i>	<i>51</i>
<b>3.2.Giải pháp bảo tồn, khai thác di tích - lễ hội thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải phục vụ phát triển du lịch.....</b>	<b>52</b>
<i>3.2.1.Bảo tồn, tôn tạo hệ thống di tích.....</i>	<i>52</i>
<i>3.2.2.Giải pháp duy trì tín ngưỡng truyền thống địa phương.....</i>	<i>55</i>
<i>3.2.3.Khai thác lễ hội ở Cát Hải phục vụ phát triển du lịch lễ hội.....</i>	<i>57</i>
<i>3.2.4.Xây dựng chương trình du lịch đến với hệ thống di tích thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng.....</i>	<i>58</i>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>60</b>
<b>PHỤ LỤC 1</b>	
<b>PHỤ LỤC 2</b>	
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xã hội hiện đại, nhu cầu du lịch của con người ngày càng tăng cao. Dưới áp lực của cuộc sống và công việc, càng ngày càng có nhiều người muốn tìm về những nơi còn lưu giữ được nhiều giá trị hoang sơ để cảm nhận, để thưởng thức những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc. Trong số các giá trị văn hóa được nhiều người quan tâm, có thể nói nhóm phong tục tập quán về tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội là một tài nguyên du lịch hấp dẫn không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh ngày càng cao của du khách mà còn đem lại cho họ những trải nghiệm độc đáo.

Du lịch tâm linh là một loại hình du lịch độc đáo, đem lại cho du khách nhiều điều mới lạ và kỳ thú trong việc tìm hiểu thần thánh, và tín ngưỡng văn hóa địa phương khi đi du lịch. Do vậy, thần thánh đã trở thành biểu tượng tâm linh của con người và trở thành một trong những nét tín ngưỡng vô cùng phong phú trong hệ thống văn hóa dân tộc. Tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương nằm trong nhóm tín ngưỡng thờ thần biển, cũng có thể xếp vào nhóm tín ngưỡng thờ thần của cư dân ngư nghiệp. Hình tượng thờ thần Đông Hải Đại Vương có ở nhiều nơi với nhiều nhân vật lịch sử khác nhau được thần thánh hóa. Song đối với cư dân nơi cửa biển Cát Hải, mặc dù cũng lựa chọn thờ thần Đông Hải Đại Vương, nhưng tín ngưỡng thờ thần của họ có thể xem là một quá trình vận động và lan tỏa, trong đó có sự bồi đắp, chong xếp các lớp văn hóa dưới tác động của môi trường sinh thái và nhân văn. Bên cạnh việc được sắc phong là một thủy thần, mà Ngài còn là một nhân vật lịch sử, một nhân thần – một vị tướng quân dưới triều nhà Lý – Đoàn Thượng. Việc phụng thờ thần còn mang thêm một lớp văn hóa đã được bồi đắp từ trước đó là văn hóa thờ thần Cá Ông – Cá Voi của cư dân ven biển. Đây là lớp văn hóa nằm trong dòng chảy tín ngưỡng thờ cá của cư dân Việt vùng châu thổ sông Hồng, xuất phát từ quan niệm thờ thần bảo hộ nghề nghiệp. Khi tiếp xúc với cộng đồng cư dân Nam Đảo, tín ngưỡng thờ cá trở thành biểu tượng của thần biển. Vì thế có thể nói, cũng là tín ngưỡng thờ thần biển, song thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở vùng cửa biển Cát Hải mang khá nhiều nét đặc sắc, gắn liền với đời sống tinh thần của cư dân nơi đây. Tuy nhiên, trải qua thời gian gần 8 thế kỷ, tín ngưỡng này ít nhiều đã bị phai mờ, ngay trong cộng đồng dân cư cũng

rất ít người hiểu được sâu sắc về vị thần mà mình tôn thờ. Cùng với đó, hiện nay ở Cát Hải, để tưởng nhớ đến vị thần bảo hộ nghề nghiệp họ đã và đang gìn giữ những lễ hội vô cùng đặc sắc thể hiện sắc thái riêng của cư dân vùng biển đảo Hải Phòng.

Do đó, việc tìm hiểu tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng nơi của biển Cát Hải là một việc làm vô cùng cần thiết để nhắc lại truyền thống uống nước nhớ nguồn và góp phần phục dựng lại đời sống tâm linh và văn hóa truyền thống độc đáo của một vùng đất nơi đầu sóng ngọn gió của Hải Phòng.

## **2. Mục tiêu của đề tài**

Tìm hiểu về việc thờ tự của nhân dân với các vị thần Đông Hải Đại Vương tại Việt Nam. Để thấy được vai trò và ý nghĩa của thần với đời sống tâm linh của nhân dân.

Đồng thời cũng được tìm lại dấu tích về thân thế, sự nghiệp của Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng, đặc biệt là những dấu ấn lịch sử đã ghi lại công trạng của Ông tại Hải Phòng nói chung và Cát Hải nói riêng. Tìm hiểu những đặc trưng của lễ hội tưởng nhớ đến Ông - lễ hội cổ truyền mà người dân Cát Hải tổ chức hàng năm để tưởng nhớ tới vị thần có nhiều công trạng với Cát Hải đó là các lễ hội Đua Thuyền, lễ hội Xa Mã và một số lễ hội khác ở Cát Hải.

Đề từ đó đưa ra hiện trạng khai thác lễ hội Xa Mã và các di tích thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng tại Cát Hải, và đề xuất giải pháp phát triển giá trị của tín ngưỡng phục vụ cho hoạt động du lịch ở Hải Phòng.

## **3. Tính mới, tính sáng tạo của đề tài**

Với những ngư dân – những người sống bằng nghề sông nước, trong tín ngưỡng truyền thống đã ăn sâu trong tiềm thức của họ đó là thờ Cá Ông – Cá Voi – vị thần bảo hộ nghề nghiệp. Thì với ngư dân Cát Hải, Hải Phòng lại có tín ngưỡng mang đậm nét văn hóa của cư dân nông nghiệp gắn với tín ngưỡng thờ Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng.

Tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương là một trong những tín ngưỡng truyền thống trong hệ thống thờ thần của Việt Nam. Tín ngưỡng thường gắn liền với lễ hội - một trong những lễ hội ít người biết đến và hướng về đó là lễ hội Xa Mã ở huyện đảo Cát Hải, và lễ hội cũng không nhiều được biết đến là lễ hội đua thuyền được tổ chức để tưởng nhớ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng. Đây là nét văn hóa đặc biệt của cư dân vùng biển Cát Hải khác với các cư dân vùng biển khác. Nét văn hóa đặc

biệt này hiện có rất ít tài liệu ghi chép cũng như nghiên cứu. Mặc dù đã có nhiều nhà sử học Hải Phòng đã từng nghiên cứu và tìm hiểu về Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng, như nhà sử học Ngô Đăng Lợi, Đại Tá – Nhà giáo Đoàn Văn Minh... nhưng chủ yếu tìm hiểu về thân thế sự nghiệp và các nơi thờ tự ngài, không nghiên cứu sâu vào các lễ hội thờ Ngài. Hay trong số 231 của chương trình du lịch S Việt Nam đã cho đăng lên các trang phương tiện thông tin đại chúng về lễ hội Xa Mã Rước Kiệu đình Hoàng Châu, xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải, lần đầu tiên lễ hội này được biết đến trên cả nước với nhiều nét độc đáo vốn có... song, tín ngưỡng thờ thần bao giờ cũng có lễ hội. Do đó đề tài được thực hiện nhằm hướng đến khai thác các giá trị văn hóa tâm linh, tín ngưỡng truyền thống của người dân vùng biển Cát Hải với các lễ hội tưởng nhớ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng, cùng hệ thống các di tích thờ Ngài. Để hiểu sâu hơn về tín ngưỡng độc đáo này của người dân nơi đây.

Bên cạnh đó còn phục vụ cho việc phát triển loại hình du lịch tín ngưỡng, du lịch lễ hội ở Hải Phòng; đồng thời lý giải nhiều hiện tượng văn hóa đặc sắc nơi cửa biển Hải Phòng. Đó không chỉ là nét văn hóa đơn thuần của những ngư dân nơi cửa biển mà đó là nét văn hóa đặc sắc có sự giao hòa giữa văn hóa đồng bằng với văn hóa sông nước, giữa văn hóa nông nghiệp với văn hóa ngư nghiệp.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Nhằm hướng đến khai thác tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương nơi cửa biển Cát Hải, nhưng để làm nổi bật lên nét đặc sắc đó đề tài hướng đến nghiên cứu tín ngưỡng thờ thần Biển và các vị thần Đông Hải Đại Vương ở Việt Nam. Gắn với các vị thần là các di tích thờ và các lễ hội trên phạm vi cả nước. Từ đó làm sáng rõ hơn vị trí vai trò của tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải rất đặc biệt. Tìm hiểu về vị thần Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng và hệ thống các di tích thờ tự Ngài. Đặc biệt là khai thác nét đặc sắc của các lễ hội Xa Mã Rước Kiệu tại xã Hồng Châu, lễ hội đua thuyền và một số lễ hội khác ở huyện Cát Hải.

Dựa trên các tài liệu viết về tín ngưỡng thờ thần ở Việt Nam, tín ngưỡng Việt nam, tín ngưỡng thờ thần biển... và các tài liệu thống kê các di tích, lễ hội gắn với việc thờ tự Đông Hải Đại Vương; người nghiên cứu hướng đến nghiên cứu trên phạm vi toàn thành phố Hải Phòng và các nơi thờ tự và trên phạm vi huyện Cát Hải. Để có được những thông tin và tài liệu sát thực nhất cho bài viết, người nghiên cứu còn dựa

theo các tài liệu báo cáo của ban quản lý di tích các đình Hòa Hy, Gia Lộc, Hoàng Châu... và đặc biệt là hương ước các làng Gia Lộc và Hoàng Châu, huyện Cát Hải.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp chung:**

Phương pháp nghiên cứu lịch sử: đây là phương pháp chủ yếu để biên soạn công trình. Trong quá trình nghiên cứu các hiện tượng kinh tế địa phương luôn đặt trong những hoàn cảnh lịch sử xã hội cụ thể và có liên quan điểm lịch sử xác định, ghi chép các hiện tượng văn hóa theo tiến trình lịch sử và sự vận động của lịch sử.

Phương pháp liên ngành: Bản thân các công tác nghiên cứu văn hóa theo thể địa chí đã mang tính liên ngành và đa ngành. sử dụng kiến thức của địa lý, lịch sử, văn học.

Phương pháp nghiên cứu so sánh: Nếu phương pháp nghiên cứu lịch sử nặng về phương pháp nghiên cứu và ghi chép các hiện tượng văn hóa địa phương theo lịch đại thì phương pháp nghiên cứu so sánh chú ý nhiều hơn các nét tương đồng và đa dạng của các hiện tượng văn hóa theo cách nhìn đồng đại. So sánh cho ta các hiện tượng văn hóa theo các vùng có sự giống và khác nhau như thế nào.. và để hiểu rõ hơn bản chất của các hiện tượng văn hóa cũng như đặc thù và sắc thái văn hóa của từng địa phương. Khi so sánh ta phải so sánh trong bối cảnh đồng đại, đồng dạng và đồng loại.

### **5.2. Các phương pháp cụ thể:**

Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu (tiếp cận và phân tích hệ thống): Muốn nội dung công trình chứa đựng vốn hiểu biết toàn diện, có hệ thống và chính xác thì cần có một nguồn tư liệu thực sự phong phú. Do đó công tác sưu tầm là rất quan trọng.

Phương pháp thực địa kết hợp chặt chẽ với phương pháp xã hội học: Phương pháp này là thực hiện công tác nghiên cứu thực tế các hiện tượng văn hóa để tìm hiểu sâu hơn nội dung các vấn đề. Trong đó đặc biệt chú trọng tới phương pháp phỏng vấn sâu (phương pháp xã hội học).

Phương pháp phân tích, so sánh tổng hợp. Sau tất cả quá trình tìm hiểu tài liệu và điều tra thực tế hiện tượng văn hóa, tất cả các thông tin và tài liệu thu thập được sẽ phải thống kê các thông tin, phân tích vấn đề và chắt lọc các thông tin để tổng hợp một cách hệ thống. Có như vậy đề tài mới đảm bảo tính khoa học và hợp lý các thông tin.

## **6. Đóng góp của đề tài**

Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo: Là tư liệu phục vụ cho quá trình tìm hiểu và nghiên cứu văn hóa Hải Phòng, cũng là tài liệu hướng dẫn du lịch.

Những đóng góp liên quan đến phát triển kinh tế: Đóng góp cho sự phát triển du lịch, thúc đẩy nền kinh tế địa phương và cải thiện đời sống nhân dân, góp phần tăng trưởng nền kinh tế Hải Phòng nói chung.

Những đóng góp về mặt xã hội (các giải pháp cho vấn đề xã hội): nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo tồn các di tích, hiểu biết sâu sắc hơn về lịch sử địa phương mình.

Những đóng góp khác như: sự hợp tác đầu tư của các thành phần kinh tế trong mọi mặt, đặc biệt là thương mại.

## **7. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung đề tài chia làm 3 chương:

**Chương 1:** Tổng quan về tín ngưỡng Việt Nam và tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương

**Chương 2:** Thần Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng với Cát Hải, Hải Phòng

**Chương 3:** Thực trạng và giải pháp khai thác di tích – lễ hội thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải phục vụ phát triển du lịch Hải Phòng



## **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ THẦN ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG.**

Một nhà nhân loại học người Anh Edward Burnett Tylor (1832 - 1917)] đã cho rằng: “văn hóa là một tổng thể phức hợp gồm kiến thức, đức tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục, và bất cứ những khả năng, tập quán nào mà con người thu nhận được với tư cách là một thành viên của xã hội”.

Văn hóa chính là bộ phận của đời sống xã hội, là tất cả những gì tồn tại xung quanh con người và ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của con người. Chiếm phần lớn trong bộ phận của văn hóa Việt Nam chính là phong tục tập quán, tín ngưỡng và lễ hội. Nói đến tín ngưỡng là nói đến văn hóa truyền thống Việt Nam, là bản sắc văn hóa, là giá trị truyền thống của người Việt Nam. Ẩn chứa sâu thẳm trong đó là lễ hội truyền thống chính là đạo đức, là lối sống, là dấu ấn văn hóa mỗi thời kỳ lịch sử của dân tộc, mỗi vùng, mỗi địa phương. Và do đó, ở chương 1 người nghiên cứu muốn tìm hiểu rõ hơn về tín ngưỡng và tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương ở Việt Nam.

### **1.1. Một số nét tổng quan về tín ngưỡng Việt Nam**

#### ***1.1.1. Khái niệm và phân loại tín ngưỡng Việt Nam***

##### *1.1.1.1. Khái niệm:*

Nằm trong bề dày của nền văn hóa vốn đã và đang tồn tại những sinh hoạt văn hóa cộng đồng bao gồm nhiều yếu tố tạo thành một hiện tượng văn hóa tổng thể. Trong đó yếu tố tín ngưỡng chiếm phần lớn.

Tín ngưỡng dân gian Việt Nam rất phong phú và có nguồn gốc khá phức tạp. Từ đó, có nhiều học giả, nhiều nhà nghiên cứu đã tìm hiểu và đưa ra nhiều khái niệm khác nhau và song song với nó là các quan niệm khác nhau.

Theo Giáo Sư Tiến Sĩ Ngô Đức Thịnh, “Tín ngưỡng là niềm tin của con người vào thực thể, lực lượng siêu nhiên, hay nói gọn lại là niềm tin, sự ngưỡng vọng vào *cái thiêng*, đối lập với cái trần tục, hiện hữu mà ta có thể sờ mó quan sát được. Có nhiều loại niềm tin nhưng ở đây là niềm tin tín ngưỡng, tức là niềm tin vào *cái thiêng*” [7,tr.9].

Theo Lê Như Hoa, *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, (NXB Văn Hóa Thông Tin, H, 2001, [4,tr.23]) : “Tín ngưỡng dân gian là những hình thái tôn giáo sơ khai, chúng

được hình thành trên cơ sở những tâm cách nguyên thủy để nhận thức hiện thực và tác động đến hiện thực bằng các kỹ xảo của thuyết hồn linh”.

Bên cạnh đó Giáo Sư Tiên Sĩ Ngô Đức Thịnh có quan niệm “đó là một bộ phận của đời sống văn hóa tinh thần con người mà ở đó con người cảm nhận được sự tồn tại của các vật thể, lực lượng siêu nhiên, mà những cái đó chi phối, khống chế con người, nó nằm ngoài giới hạn hiểu biết của con người hiện tại; sự tồn tại của các phương tiện biểu trưng giúp con người thông quan với các thực thể, các sức mạnh siêu nhiên đó; đó là chất kết dính tập hợp con người thành một cộng đồng nhất định và phân định với cộng đồng khác. Tất cả những niềm tin, thực hành và tình cảm tôn giáo tín ngưỡng trên đều sản sinh và tồn tại trong một môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa mà con người đang sống theo cách suy nghĩ và cảm nhận của nền văn hóa đang chi phối họ”.

Mỗi một nhà nghiên cứu hay một cơ quan tổ chức về lĩnh vực văn hóa tín ngưỡng đều có thể đưa ra các khái niệm và quan niệm về tín ngưỡng khác nhau. Tổ chức UNESCO cũng đưa ra quan niệm về văn hóa trong đó có nhắc đến như sau: “nếu chúng ta hiểu văn hóa là hệ thống các biểu tượng, từ đó quy định những ứng xử của cá nhân và toàn thể cộng đồng, tạo nên sự thống nhất của cộng đồng cũng như sự khác biệt giữa cộng đồng này với cộng đồng khác, thì tôn giáo tín ngưỡng cũng chính là văn hóa và là một bộ phận của văn hóa”.

#### *1.1.1.2. Phân loại tín ngưỡng Việt Nam*

Đời sống tâm linh con người được tạo nên bởi niềm tin vào cái thiêng thuộc về bản chất của con người, tồn tại bên cạnh đời sống vật chất, đời sống xã hội, tinh thần – tư tưởng, đời sống tình cảm... Cũng theo hoàn cảnh và theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi dân tộc, địa phương mà hình thành nên các tín ngưỡng tôn giáo khác nhau. Có những tín ngưỡng đã được hình thành từ môi trường sống của con người như tín ngưỡng phồn thực, được bắt nguồn từ nhu cầu thiết yếu của con người và đối với nông nghiệp lại càng bội phần hệ trọng để duy trì cuộc sống, mùa màng tươi tốt.

Hay tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, được hình thành từ môi trường sống gắn bó với thiên nhiên, phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau của tự nhiên hình thành nên tín ngưỡng đa thần. Hình ảnh Bà Chúa Xứ, Bà Chúa Sông, Bà Chúa Lạch, Thổ Công, Hà Bá...nhiều nơi còn gọi là Bà Đất, Bà Nước, Bà Trời; ba Bà này còn được thờ chung tạo thành tín ngưỡng Tam Phủ cai quản ba vùng trời - đất - nước gắn với hình ảnh của Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải. Với cư dân nông nghiệp lúa nước

các vị thần cai quản các hiện tượng tự nhiên hết sức quan trọng do đó trong cuộc sống của họ đã nhào nặn thành hệ thống thần Tứ Pháp, hình tượng Động thực vật như chim, rắn, cá...

Bên cạnh đó theo quan niệm người chết là về với tổ tiên đã hình thành lên trong đời sống tâm linh người Việt Nam với tín ngưỡng sùng bái con người, thờ gia tiên, thờ Thổ Công trong gia đình. Theo Trần Quốc Vượng trong cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo Dục, [11, tr.126 – tr. 142]: “trong phạm vi thôn xã, quan trọng nhất là việc thờ thần làng (Thành Hoàng). Cũng như Thổ Công trong một nhà, Thành Hoàng là vị thần cai quản, che chở, định đoạt phúc họa cho dân làng đó... Không làng nào là không có Thành Hoàng...trong nước, người Việt Nam thờ Vua Tổ - vua Hùng; thờ Tứ bất tử, thánh Tản Viên và Thánh Gióng”.

Theo Tiến Sĩ Trần Diễm Thúy trong giáo trình *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Thông Tin, đưa ra một số tín ngưỡng dân gian Việt Nam như: tín ngưỡng thờ Tổ Tiên, tín ngưỡng thờ Thổ Công - Thần Tài – Ông Táo, Tín ngưỡng thờ Thành Hoàng làng, tín ngưỡng Thờ Mẫu, thờ Quan Công, thờ Tự Nhiên và tín ngưỡng Phồn thực. “Ngoài những tín ngưỡng tiêu biểu trong dân gian người Việt đã trình bày ở trên thì đời sống văn hóa của cư dân Việt còn có một số tín ngưỡng đặc biệt khác, ví dụ: tôn thờ đá, tôn thờ cây, tôn thờ các vị thần thánh khác (như Tứ bất Tử gồm Tản Viên – Thánh Gióng – Chử Đồng Tử - Liễu Hạnh)” [8, tr.141].

Trong mục bàn về *Phong tục tế lễ*, trích trong *Một số phong tục nghi lễ dân gian truyền thống Việt Nam* của Quảng Tuệ, Nxb Thanh Hóa, đã nói đến các phong tục tín ngưỡng dân gian Việt Nam có thờ Thần Thành Hoàng, thờ Chư Vị, thờ Thánh Hiền, thờ Tổ, “trong một số nhà có tục thờ các vị gọi là tạp thờ, đó là Táo Quân, Thổ Thần, Thần Ngũ Tự và Thần Tài” [9, tr.106].

Giáo Sư Ngô Đức Thịnh “đồng tình với cách phân loại tín ngưỡng theo hình thái học và đưa ra cách phân loại tín ngưỡng của các tộc người ở nước ta, coi đó không phải là mục tiêu học thuật của mình, mà chỉ là phương tiện thuận lợi hơn cả để trình bày các hình thức tín ngưỡng mà thôi” (*Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam* [7, tr.13]). Theo đó ông chỉ ra các hình thức tín ngưỡng sau:

- Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ( gia tộc, dòng họ, quốc gia), Tôtem giáo
- Tín ngưỡng thờ Thành Hoàng làng
- Tín ngưỡng vòng đời người:

- Nghi lễ sinh đẻ (thờ Bà Mụ)
- Nghi lễ cưới xin (thờ Ông Tơ, Bà Nguyệt)
- Thờ thần bản mệnh
- Tang ma và thờ cúng người chết
- Tín ngưỡng nghề nghiệp:
  - Tín ngưỡng nông nghiệp (Nghi lễ Phồn thực, Tứ pháp, Thần Nông...)
  - Thờ Thánh Sư (tổ nghề Thủ công)
  - Thờ thần tài (nghề buôn)
  - Các tín ngưỡng của ngư dân (thờ Cá Ông, thờ Cô bác...)
- Tín ngưỡng thờ thần (đạo thờ thần):
  - Đạo Mẫu
  - Đức Thánh Trần
  - Tứ Bất Tử
  - Thờ các anh hùng dân tộc

Cũng như nhiều lĩnh vực khoa học khác, có nhiều ý kiến khác nhau nên sẽ hình thành nhiều cách phân loại khác nhau, trên đây là một số cách phân loại của một số nhà nghiên cứu.

### ***1.1.2. Đặc trưng của tín ngưỡng Việt Nam***

Việt Nam nằm ở trung tâm khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, thiên nhiên tương đối phong phú, đa dạng. Thời xa xưa, người Việt sống chủ yếu dựa vào việc khai thác tự nhiên. Vì vậy, việc thờ cúng các vị thần tự nhiên (nhiên thần) đã sớm gắn gũi với họ. Hơn nữa, Việt Nam lại là ngã ba đường nơi giao lưu của nhiều tộc người, của nhiều luồng văn minh. Hai yếu tố đó làm cho Việt Nam trở thành một quốc gia đa tôn giáo, tín ngưỡng. Tính đa thần ấy không chỉ biểu hiện ở số lượng lớn các vị thần mà điều đáng nói là, các vị thần ấy cùng đồng hành trong tâm thức một người Việt. Điều đó dẫn đến một đặc điểm của đời sống tín ngưỡng - tôn giáo của người Việt đó là tính hỗn dung tôn giáo. Trước sự du nhập của các tôn giáo ngoại lai, người Việt không tiếp nhận một cách thụ động mà luôn có sự cải biến cho gần gũi với tư tưởng, tôn giáo bản địa. Vì vậy, ở nước ta, trong khi các tôn giáo vẫn phát triển thì các tín ngưỡng dân gian vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân.

Cũng chính vì tính hỗn dung tôn giáo ấy mà người Việt thể hiện sự bàng bạc trong niềm tin tôn giáo. Đa số người Việt đều có nhu cầu tôn giáo, tuy nhiên, phần

đông trong số đó không là tín đồ thành kính của riêng một tôn giáo nào. Một người vừa có thể đến chùa, vừa có thể đến phủ miếu là việc làm ấy mang lại sự thanh thản về tinh thần cho họ, có thể thoả mãn điều họ cầu xin. Vì thế, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, một đặc điểm trong đời sống tín ngưỡng - tôn giáo của người Việt là tính dụng. Tôn giáo là để phục vụ nhu cầu cần thiết, trực tiếp của họ trong cuộc sống.

Mỗi tín ngưỡng lại có những đặc trưng riêng theo sắc thái và môi trường xã hội. Tuy nhiên các tín ngưỡng đã phát triển không bao giờ chỉ có các lễ nghi thuần túy. Nghĩa là tín ngưỡng không chỉ biểu đạt bằng các nghi lễ thờ cúng, vật dâng cúng mà còn có lễ hội, còn có các “công cụ” hay “biểu tượng” coi đó như là một thứ ngôn ngữ biểu đạt. Ví như những ngôi đình, mái đền, pho tượng thần linh... đó là những đặc trưng vốn có, và luôn tồn tại của tín ngưỡng.

Tín ngưỡng không thể thiếu các câu chuyện, truyền thuyết, huyền thoại, thần tích, thần phả... để mô tả nguồn gốc, hình trạng, “đời sống” của các thần linh; cũng đôi khi lại là những áng văn vần, thơ ca dân gian như “Mo đê đất, đê nước”, “Mo lên trời” đã nảy sinh trong tín ngưỡng tâm linh của người Mường với các nghi lễ tang ma.

### ***1.1.3. Vai trò giá trị của tín ngưỡng trong văn hóa dân tộc***

Nói đến văn hóa dân tộc là chúng ta nói đến một nền văn hóa đậm đà bản sắc. xuất phát từ gốc văn hóa bản địa là văn hóa gốc nông nghiệp – văn hóa Đông Nam Á. Lại nằm trong khu vực cửa ngõ ra vào thuận lợi giao lưu với các nền văn hóa khác nhau trong khu vực và trên thế giới: ngay từ buổi đầu đã chịu tác động, giao lưu với nền văn hóa Ấn Độ, tiếp nữa là dưới 1000 năm Bắc thuộc của phong kiến Trung Hoa, đến tiếp cận và ảnh hưởng của nền văn hóa Phương Tây đã làm cho nền văn hóa tổng hợp; cùng với 54 dân tộc anh em chung sống trên mọi miền tổ quốc đã tạo cho nền văn hóa Việt Nam đa bản sắc.

Giáo Sư Trần Quốc Vượng định nghĩa văn hóa như sau: “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội”.

Có thể hiểu văn hóa theo nghĩa rộng là bao gồm tất cả từ những sản phẩm tinh vi hiện đại cho đến tín ngưỡng, phong tục, lối sống, lao động... Do đó chứa đựng cả yếu tố vật chất và tinh thần của con người.

Đánh giá vai trò của tín ngưỡng trong văn hóa dân tộc trước hết tín ngưỡng có vị trí vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Đó là niềm tin vào cái siêu nhiên, niềm tin tín ngưỡng thì không mất đi, nó vẫn là một trong những nhân tố mang tính bản chất con người, là thế giới tâm linh của con người. Nên bản thân nó chính là một nét văn hóa rất đặc sắc chứa đựng nhiều yếu tố bao gồm: thần linh, lễ hội, các công trình kiến trúc đình, chùa, miếu, phủ... cũng từ những yếu tố này đã hình thành lên sự phong phú trong nền văn hóa Việt Nam cả về giá trị lịch sử, về kiến trúc nghệ thuật.

Tín ngưỡng tôn giáo là môi trường sản sinh và tích hợp nhiều sinh hoạt văn hóa dân gian. Các hình thức sinh hoạt cộng đồng gắn với cuộc sống con người đã hình thành lên những làng, bản, thôn xóm. Theo điều kiện sống mà có những ngôi nhà sàn, những làng chài, xóm núi... và xung quanh môi trường sống ấy đã tồn tại những lễ hội gắn với các nghi thức riêng có của mỗi vùng quê. Như lễ bỏ mả của người Tây Nguyên, lễ hội Kate của người Chăm, văn hóa đạo Mẫu... Cùng với đó là các giá trị mang tính nghệ thuật cao có giá trị trong nền văn hóa Việt Nam như nghệ thuật nhà mồ Tây Nguyên, hay lễ Mo của người Mường... trong đó ẩn chứa một niềm tin của con người vào một thế giới khác.

Như đã nói, tín ngưỡng tồn tại không chỉ ở một hình thái cụ thể mà nó còn tồn tại ở nhiều hình thái khác. Từ những câu chuyện, truyền thuyết, những áng Mo... đến những bản trường ca, những bài hát văn, hát quan họ, các bài văn khấn, hát dặm, hát xoan, hát ả đào (nhạc lễ), các tích trò diễn xướng dân gian hay múa thiêng... lại là những “công cụ” hay “phương tiện” để truyền đạt, lưu giữ từ đời này qua đời khác. Tín ngưỡng đã sản sinh ra trong tâm thức của con người những hình ảnh của các vị thần linh hay ma quỷ mà họ cho là những người đã gây ra cho họ những khó khăn và cũng là người bạn cho họ những ấm no, hạnh phúc. Những vị thần ấy đã được con người nhân cách hóa và sáng tạo thành những pho tượng, những tranh thờ hình người, cây cỏ, con vật, hay đất đá...

Tín ngưỡng là môi trường đã sản sinh ra các yếu tố văn học, văn hóa nghệ thuật như các câu chuyện, huyền tích, âm nhạc, ca hát và nhảy múa... song song tồn tại với các yếu tố đó chính là hình thành hàng loạt các nghi thức, lễ nghi trong lễ hội mà nguồn cội của nó chính là từ những ngôi đình, mái đền, phủ, miếu... “Lễ hội, một sinh

hoạt văn hóa cộng đồng tiêu biểu của làng (buôn. Plây, bản) của hầu hết các dân tộc ở nước ta cũng đều hình thành và định hình trên cơ sở một nghi lễ tín ngưỡng tôn giáo: Hội chùa (thờ Phật), hội đền (thờ Thần), hội Đình (thờ Thành Hoàng)...Nhiều phong tục tốt đẹp tiêu biểu của văn hóa Việt Nam cũng đều ra đời từ các nghi lễ: sinh đẻ, lễ thành đinh, cưới xin, mừng thọ - lên lão, tang ma..." (*Tín ngưỡng tôn giáo và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Ngô Đức Thịnh, Nxb Trẻ, [7, tr.764]).

Tín ngưỡng đã sản sinh ra các yếu tố văn hóa đó, nhưng chính nó lại đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và giữ gìn những nét sinh hoạt văn hóa này của con người. Những truyền thuyết, bản trường ca...đã ăn sâu trong đời sống con người qua truyền khẩu, và trong tâm thức của họ luôn luôn tồn tại, do đó họ đã thuộc lòng mà không hề ghi chép, rồi cũng từ đây niềm tin đó tồn tại như một chức năng đề giáo dục văn hóa. Bên cạnh đó, với các hình thức văn hóa nghệ thuật như lễ hội, lễ nghi...trong các hình thức diễn xướng, hát văn, ca trù... lại tái hiện lại đời sống tâm linh của thần linh, hay ma quỷ... Rồi, mỗi lần thực hiện các nghi thức này con người lại được một lần để chiêm bái, cầu khẩn, được vui chơi, giải trí, giao tiếp trong bầu không khí của nó. Vô tình hay cố ý tự nó đã lưu lại những giá trị văn hóa đặc sắc mà ngày nay chúng ta đang cần tìm đến và giữ gìn.

Đó lại chính là những nét sinh hoạt văn hóa cộng đồng, văn hóa nghệ thuật dân gian, đặc biệt là trong nghi thức lễ nghi thờ cúng chúng ta không thể thêm bớt hay loại bỏ đi một cách tùy tiện. Tất nhiên ở sự bảo tồn này không hoàn toàn tự nó tồn tại mà các hiện tượng văn hóa, nghệ thuật cũng luôn luôn biến động theo hoàn cảnh xã hội và môi trường tích hợp. Có thể dẫn ra như hát chầu văn được hình thành trong môi trường tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ và hầu đồng của người Việt, nhưng khi đã định hình rồi thì nó lại được các vùng lân cận tiếp nhận và biến đổi không chỉ trong thờ Mẫu nữa mà còn diễn xướng và mang nội dung chính trị xã hội.

Tóm lại, tín ngưỡng tồn tại chính là biểu hiện của sự cố kết cộng đồng, sự cộng mệnh và cộng cảm. Nó chứa đựng các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời thể hiện bản sắc và sắc thái riêng của từng dân tộc, mang giá trị đạo đức là động lực góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

## **1.2. Khái quát về tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương ở Việt Nam**

### **1.2.1. Một số nét về tín ngưỡng thờ thần ở Việt Nam**

Theo sự phân loại trên, trong hệ thống tín ngưỡng dân gian Việt Nam chúng ta dễ nhận thấy, tín ngưỡng Việt Nam vô cùng phong phú, trong đó, tín ngưỡng thờ thần chiếm phần lớn các chuyên mục nghiên cứu của các nhà khoa học. Bởi môi trường sống mà hình thành nên tín ngưỡng đa thần trong đời sống con người. Nếu tín ngưỡng thờ Mẫu được hình thành từ môi trường sống của cư dân nông nghiệp cần lao động và phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, thì hình ảnh Tứ Bất Tử (bốn người không chết : Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử, và Mẫu Liễu Hạnh), “lại là một giá trị văn hóa tinh thần rất đẹp của dân tộc ta, là tinh hoa chất lọc qua suốt chiều dài lịch sử biểu tượng cho sức mạnh liên kết cộng đồng để làm ruộng và đánh giặc, cho khát vọng xây dựng một cuộc sống vật chất phồn vinh và tinh thần hạnh phúc” (trích trong phần *Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Trần Quốc Vượng, Nxb Giáo Dục, [11, tr.142]). Họ đều là những vị thần được nhân dân tôn thờ làm thành hoàng để bảo hộ cho cuộc sống của mình.

Các vị anh hùng dân tộc đã có công trong quá trình dựng nước và giữ nước cũng được nhân dân thờ phụng như vị thành hoàng. Đông Hải Đại Vương là vị thần có nguồn gốc gắn với biển, Ông được phong làm thành hoàng ở nhiều nơi với nhiều tên tuổi khác nhau, nên tín ngưỡng thờ Đông Hải Đại Vương lại có những nét gắn bó mật thiết với văn hóa biển của những ngư dân. Nhưng tất cả các vị thần ấy đều được nhân dân thờ phụng như một vị thần thành hoàng làng. Ở mỗi địa phương có các lễ thờ tự khác nhau tuy nhiên tên tuổi của các vị thần thành hoàng đều gắn với công trạng và nguồn gốc của vị thần ấy, có thần là Thượng Đẳng Thần, Trung Đẳng Thần hay Hạ Đẳng Thần.

Thượng đẳng thần là những thần danh sơn Đại xuyên, và các bậc thiên thần như Đông thiên vương, Sóc thiên vương, Sứ đồng tử, Liễu Hạnh công chúa, Đức thánh Tam Giang...Các vị ấy có sự tích linh dị, mà không rõ tung tích ẩn hiện thế nào, cho nên gọi là Thiên thần. Thứ nữa là các vị nhân thần như: Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo...Các vị này khi sanh tiền có đại công lao với dân với nước; lúc mất đi, hoặc bởi nhà vua tinh biểu công trạng mà lập đền thờ hoặc bởi lòng dân nhớ công đức mà thờ. Các bậc ấy đều có sự tích công trạng hiển hách và họ tên rõ ràng, lịch triều có mỹ tự bao phong làm Thượng đẳng thần.

Trung đẳng thần là những vị thần dân làng thờ đã lâu, có họ tên mà không rõ công trạng; hoặc là có quan tước mà không rõ họ tên, hoặc là những thần có chút linh



vị, tới khi nhà vua sai tinh kỳ đảo võ, cũng có ứng nghiệm thì triều đình cũng liệt vào tự điển, mà phong làm Trung đẳng thần.

Hạ đẳng thần do dân xã thờ phụng, mà không rõ sự tích ra làm sao, nhưng cũng thuộc về bậc chính thần, thì triều đình cũng theo lòng dân mà phong cho làm Hạ đẳng thần.

Sách *Việt Nam phong tục* [2, tr.173] của Phan Kế Bính có chép:

*“Xét về cái tục thờ Thần hoàng (hiểu là thần Thành hoàng) này từ trước đời Tam Quốc (Trung Quốc) trở về trước vẫn đã có, nhưng ngày xưa thì nhà vua nhân có việc cầu đảo gì mới thiết đàn cúng tế mà thôi. Đến đời nhà Đường, Lý Đức Dụ làm tướng, mới bắt đầu lập miếu Thần hoàng ở Thành Đô; kể đến nhà Tống, nhà Minh, thiên hạ đâu đâu cũng có lập miếu thờ.*

*Nước ta thuở bấy giờ đang lúc nội thuộc, tục Tàu truyền sang đến bên này, kể đến Đinh, Lê thì việc thờ quỷ thần đã thịnh hành rồi.*

*Nhưng cứ xét cái chủ ý lúc trước, thì mỗi phương có danh sơn (ngọn núi có tiếng), đại xuyên (sông lớn); triều đình lập miếu thờ thần sơn xuyên (núi sông) ấy để làm chủ tế (người đứng đầu) cho việc âm tế một phương thôi. Kế sau, triều đình tinh biểu (làm cho thấy rõ công trạng, tiết tháo) những bậc trung thần nghĩa sĩ và những người có công lao với nước, thì cũng lập đền cho dân xã ở gần đầu thờ đấy. Từ đó dân gian lần lần bắt chước nhau, chỗ nào cũng phải thờ một vị để làm chủ tế trong làng mình...Dân ta tin rằng: Đất có Thổ công, sông có Hà bá; cảnh thổ nào phải có Thần hoàng ấy; vậy phải thờ phụng để thần ủng hộ cho dân, vì thế mỗi ngày việc thờ thần một thịnh...”*

Hiểu được nhu cầu tâm linh của người dân, cộng thêm ý muốn tạo lập một thiết chế văn hóa - tín ngưỡng chính thống của vương triều, để nhằm xóa bỏ dần tầm ảnh hưởng của các triều đại trước; nên dưới thời các vua đầu nhà Nguyễn, cứ ba năm xét ban sắc phong thần một lần. Chỉ riêng năm 1852, có lẽ đoán trước thời nguy nan của đất nước trước thực dân Pháp, cho nên vua Tự Đức đã sai cấp đồng loạt 13.069 sắc phong cho cả nước (nhiều nhất là ở Nam Bộ), cùng với việc “Quốc điển hóa” sự thờ phụng; cũng chính là để nhanh chóng đạt được mục đích trên.

Từ trên ta có thể hiểu phần nào về tín ngưỡng thờ thần ở Việt Nam. Trước khi đi vào tìm hiểu các vị thần Đông Hải Đại Vương, người nghiên cứu xin đưa ra vài nét về tín ngưỡng thờ thủy thần và thần biển.

### ***1.2.2. Vài nét về tín ngưỡng thờ thủy thần và thần biển ở Việt Nam***

Người Việt sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp, văn hóa bản địa là văn hóa gốc nông nghiệp điển hình, tuy nhiên một số bộ phận dân cư sống tại các vùng biển và ven biển lại có những nét văn hóa tín ngưỡng riêng có và đặc sắc.

Họ sống với sông nước, biển khơi, kiếm sống bằng nghề đánh cá. Họ phụ thuộc phần lớn vào tự nhiên. Sóng to gió lớn gặp nạn trên sông biển khiến trong tâm linh họ là những hình ảnh của các vị Thủy thần. Đặc biệt là những ngư dân từ Trung Bộ vào đến Nam Bộ, hình thức thờ Thủy thần với thần Hà Bá (thần sông), thần Rắn biển (thờ chúa loài rắn biển), thờ các vong hồn bị chết ngoài biển khơi, thờ Tứ vị Thánh Nương, Tống Hậu, Độc Cước... Tùy theo từng địa phương mà mang các danh thần khác nhau, như Long Vương, Đại Càn, Tan Giang, Đông Hải Đại Vương, Nam Hải Đại Vương, Thủy tề Đại Vương, Tây Hải Đại Vương, Linh Lang Đại Vương, Bát Hải Đại Vương, Nam Hải Tứ Vị Hồng Nương, Vĩnh Hải Môn Thần, Trương Hồng – Trương Hát, Tống Hậu...

Các vị Thủy thần tuy có nhiều song, tín ngưỡng nổi bật nhất, và cũng không có vị thần nào được thờ cúng, tôn kính và có các nghi thức, lễ hội uy nghiêm và độc đáo như lễ Nghinh Ông hay lễ thờ Cá Ông của ngư dân.

Đây là lễ hội nổi tiếng và phổ biến nhất của cư dân ven biển thờ Cá Voi. "Cá Ông" ở đây là cá voi lưng xám mà theo ngư dân chính là thần Nam Hải. Ngư dân thường phối thờ Cá Ông cùng các vị thần khác đã giúp đỡ và phù hộ cho ngư dân no ấm như: Ngũ Hành Nương Nương, Hữu Lý Ngư, Tả Lý Lịch, v.v.

Theo Toan Ánh trong *Nếp cũ – hội hè đình đám* [1, tr.134]: “cá voi được ngư dân gọi với nhiều danh xưng, danh thần tôn kính như: Đức Ngư, Đông Nam Hải, Ông Lớn, Ông Cậu, Ông Khơi, Ông Lộng, Ông Thông, Ông Chuông, Ông Máng, Nam Hải Đại Vương Tướng Quân, Cự tộc Ngọc Long Tôn Thần... tuy nhiên tên gọi dùng thông dụng hơn cả là Cá Ông”. Tục thờ cá Ông có nguồn gốc từ tục thờ cá của người Chăm, khi tiếp xúc với cộng đồng cư dân Nam đảo đã bị bản địa hóa bởi cư dân người Việt và người Hoa. Từ đây tín ngưỡng thờ cá trở thành biểu tượng của thần biển. Là lớp văn

hóa nằm trong dòng chảy tín ngưỡng thờ cá của cư dân Việt vùng châu thổ sông Hồng, xuất phát từ quan niệm thờ thần bảo hộ nghề nghiệp.

Có nhiều truyền thuyết xoay quanh sự tích thần cá Voi, tục này từ đời vua Gia Long đã thành tục lệ để cầu yên cho các ngư thuyền ra khơi bình an và mong thu về được mẻ cá lớn. Đối với người Chăm, Cá Ông là một vị thần của Biển Đông được nhân dân kính cẩn. Đối với người Việt và người Hoa, Cá Ông chính là mảnh phách y (áo choàng sau) của Quan Thế Âm (hay Nam Hải Bồ tát) quăng xuống biển để cứu giúp cư dân vùng biển trong cơn giông tố giữa biển. Truyền thuyết kể rằng Nam Hải Bồ Tát đã hóa thân thành Ông Nam Hải đi tuần ở ngoài biển. Một hôm, từ trên tòa sen Ngài nhìn thấy cảnh giông tố bão bùng ngoài biển khơi, nhấn chìm bao thuyền bè và những ngư dân đánh cá. Thấy cảnh đó Ngài đã cởi chiếc phách y trên mình, xé tan chúng và tung xuống biển hóa thành những con cá voi sai đi cứu dân bị nạn. Rồi Bà mượng thêm bộ xương voi ở trên rừng cho cá Voi, biến cá voi thành to lớn, mạnh mẽ để cứu người gặp nạn. Từ đó về sau hễ thấy ở đâu có dân chài bị nạn là ở đó có cá voi. Và hình ảnh cá voi trở thành một người bạn, vị thần bảo hộ của dân chài.

Người dân từ Trung bộ vào đến Nam bộ có những nghi lễ khác nhau để thờ cá ông có nghi lễ tang ma, nghi lễ thỉnh ngọc cốt, lễ Nghinh Ông và hội hát bả trạo... Tùy theo từng địa phương lễ tang cá Voi một khác. Cá Ông chết được gọi là lụy, khi cá Ông lụy sẽ trôi dạt vào bờ mà theo truyền thuyết thì cá Ông được cá Voi khác đưa vào bờ chờ khi nào có ngư dân phát hiện thấy mới trở lại biển khơi. Mỗi làng ven biển đều có một lăng dinh vạn để tổ chức đám tang cho cá Voi, người trông thấy xác cá Voi đầu tiên sẽ phải rước về dinh và được coi là con của cá Voi và phải đứng ra tổ chức tang lễ. tuy nhiên tại mỗi vùng ngư dân sinh sống lại có những cách tổ chức đám tang riêng. Như ở Quảng Nam Đà Nẵng, mổ thi hài cá Voi cho vào nhiều hòm khác nhau hoặc cá Voi quá lớn sẽ để cá rửa ra mới mai táng; còn người dân ở Bình Thuận họ lại cho rằng cá to đến đâu cũng vẫn khiêng về dinh được nhưng phải là người nhìn thấy đầu tiên xác cá Voi và người dân cùng làng với người đó thì mới khiêng về được, và họ chôn cất cá Ông lớn xây bọc bằng ván trên có đổ cát trắng tinh, còn cá Voi nhỏ (cá Ông Cậu) thì mai táng theo mộ phần. Tất cả các nghi thức đám tang đúng như một đám tang truyền thống của ta, từ tang phục đến nghi lễ thờ cúng: tạ mộ, lễ cầu siêu sau 21 ngày, lễ 100 ngày, lễ tiểu tường và lễ đại tường...

Đặc biệt là cũng có lễ cải táng xác cá Ông giống như con người, nhưng xương cá Voi sẽ được đưa về đền, đình hoặc chùa để dân làng thờ tự. Lễ này còn được người dân gọi là lễ Thượng Ngọc Cốt, và sau đó sẽ có các ngày tổ chức nghi lễ kỵ nhật hàng năm. Trong đám tang lễ Cá Ông hay trong các ngày Kỵ nhật hàng năm ngư dân thường có hát Bả trạo (hát chèo đưa Ông). Đó chính là nét đặc biệt trong nghi lễ thờ cá Voi của những ngư dân từ Trung bộ vào đến Nam bộ.

### **1.2.3. Các vị thần Đông Hải Đại Vương ở Việt Nam**

Các vị Thủy thần được tôn thờ phần lớn là được thờ bởi nhân dân sống nơi ven biển hoặc ven các con sông lớn như sông Cầu, Sông Hồng, Sông Đáy... Trong hệ thống các vị thủy thần ấy, được tôn thờ nhiều và phổ biến hơn cả là những vị thần biển. Đặc biệt là những vị Thủy thần là “nhân thần hóa”, thậm chí là “nhân vật hóa” trở thành các vị thần có tên tuổi, gốc tích là những nhân vật lịch sử...

Các vị thủy thần được thờ phụng phổ biến hơn cả là các vị thần biển dưới các vị danh thần: Đại Càn, Nam Hải Đại Hải Vương, Đông Hải Đại Vương, Long Thần, Tổng Hậu, Thánh Nương... theo hoàn cảnh xuất thân, công trạng và quá trình thiêng hóa mà được phong gọi theo các chức danh.

Theo truyền thuyết Đông Hải Đại Vương là anh trai của Tây Hải Đại Vương dưới biển. Từ truyền thuyết Trung Quốc, gắn với nguồn gốc xuất thân từ biển khơi, thần Đông Hải Long Vương cai quản dưới biển, nhưng khi vào Việt Nam truyền thuyết về Đông Hải Long Vương đã thành Đông Hải Đại Vương là nhân vật đã được sắc phong qua các triều đại lịch sử.

Theo ghi chép của lịch sử dưới thời nhà Trần, người dân Việt miền biển Bắc - phần mà họ nhà Trần tập trung từ Nam Định, Hải Dương lan vào nội địa có văn hoá sông nước gắn liền với văn hóa vùng cao tạo thành một bản sắc của văn hóa Việt Nam. Bản chất sông nước của họ Trần được thể hiện : "... xứ Nam có Chủ Đông Tử rồi Mẫu Liễu Hạnh, thì xứ Đông đời đời rạng danh Đông Hải Đại Vương với hàng trăm đền thờ từ Bản Yên Nhân dọc đường 5 xuống tận Hải Phòng" [12, tr.396].

Nhà Trần trở thành hoàng tộc, có gốc là thế giới sông nước và biển nên có cái nhìn về biển rộng rãi hơn. Chính nhà Trần đã chia miền Biển Đại Việt khi ấy thành 2 khu vực quản lý: HẢI ĐÔNG từ cửa Đáy đến giáp (châu) Khâm Liêm, Quảng Đông, HẢI TÂY chạy dọc dài ven biển Thanh - Nghệ - Tĩnh – Bình - Trị - Thiên...". Đông là

hướng đông; Hải là biển, Đông Hải là biển phía Đông. Công trạng của các vị thần này lại gắn với vùng biển khơi sông nước mà được sắc phong là Đông Hải Đại Vương. Một lý giải khác về tên sắc phong này, Đông là Xứ Đông, một trong bốn Xứ Đông, Xứ Đoài, Xứ Nam, và Xứ Bắc. Xứ Đông xưa kia bao gồm địa phận của tỉnh Hải Dương và một phần tỉnh Quảng Ninh, bao gồm cả Hải Phòng ngày nay, là phía Đông của kinh thành Thăng long, Sang thời Lý Hải Phòng thuộc Hồng lộ. Đời Trần Thuận Tông đổi làm trấn Hải Đông. Đặc biệt với các vị Đông Hải Đại Vương đã từng giao chiến, từng đấu tranh và dựng đại bản doanh ở vùng đất này, từ truyền thuyết về nguồn gốc xuất thân, đến những công trạng của họ đã từng trải qua trên mảnh đất này mà được sắc phong là Đông Hải Đại Vương.

Vậy Đông Hải Đại Vương là những ai? Với nhiều tên tuổi khác nhau qua các triều đại lịch sử Đông hải Đại Vương còn được sắc phong theo công trạng. Đế Tam Đông Hải Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng và Đức ông Đông Hải Đại Vương là Trần Quốc Nghiễn, con thứ ba và con cả của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn. Hai Ông có công lớn trong cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam ở thế kỷ thứ XIII chống giặc ngoại xâm và chiến công của ông có gắn bó với vùng đất Quảng Ninh. Khi đi theo dòng lịch sử dân tộc với các danh hiệu sắc phong của các vị danh tướng được nhân dân ta thờ phụng, Đông Hải Đại Vương nổi lên với tên tuổi của tướng quân Đoàn Thượng thời nhà Lý, sang thời nhà Lê nổi lên với tên tuổi của Đông Hải Đại Vương Nguyễn Phục - Tiến sĩ đời Lê Nhân Tông (1442-1459) và đã giữ nhiều trọng trách tại triều. Ông bị tội oan dưới đời vua Lê Thánh Tông. Sau khi chết được rửa oan và sắc phong Đông Hải Đại Vương.

### **1.3. Việc thờ tự đối với các vị thần Đông Hải Đại Vương ở Việt Nam**

#### **1.3.1 Mục đích ý nghĩa của việc thờ tự**

Xét dưới góc độ thờ thần thành hoàng làng nói chung, như trên đã nói, thần Thành hoàng dù có hay không có họ tên, lai lịch; và dù xuất thân bất kỳ từ tầng lớp nào, thì cũng là chủ thể trên cõi thiêng của làng và đều mang tính chất chung là *hộ quốc tỵ dân* (hộ nước giúp dân) ở ngay địa phương đó. Vai trò trên của thần còn có ý nghĩa hơn nữa, nhất là đối với những cư dân từ miền ngoài vào khai khẩn vùng đất hoang, vì lẽ họ đã gặp không ít khó khăn do thiên tai địch họa, do thú dữ hoành hành... Điều đó có nghĩa, thần Thành hoàng đã trở thành một biểu tượng tâm linh; bởi theo họ,

chỉ có thần mới có thể giúp cho *mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt*; giúp cho cuộc sống của họ ngày một thêm ổn định, thịnh vượng.

Thờ thần đã ăn sâu trong đời sống tâm linh con người, thần mang theo niềm tin của dân làng, mong muốn của dân làng và ước vọng cho cuộc sống bình yên. Với họ, mỗi một việc gì đều do thần linh tạo ra và cũng do thần linh che chở. Nông dân thờ phụng với ước mong tránh hạn hán lũ lụt, gặp mùa bội thu; ngư dân mong được trời yên biển lặng, quăng được mẻ cá lớn... Thần linh đóng vai trò ngự trị trong thế giới tâm linh của con người.

Dù là bất kỳ dưới góc độ tâm linh nào thần linh cũng vẫn tồn tại trong ý thức của họ như một vị thần bảo hộ. Và với các vị thần Đông Hải Đại Vương cũng vậy họ không chỉ với mong ước cho cuộc sống của mình mà với họ là sự tri ân, ghi tạc công lao của các vị thần với làng với nước, thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn”. Các vị thần ấy là những người có công lập làng, giữ yên bờ cõi cho đất nước. Họ nhắc nhở con cháu đời sau ghi nhớ công lao ấy mà giữ gìn và duy trì việc thờ phụng.

### ***1.3.2. Những vùng và địa phương thờ thần Đông Hải Đại Vương***

Đông Hải Đại Vương là một vị thần biển, được 72 làng ven biển thờ hay chọn làm thành hoàng, trong đó một số nơi đã "lịch sử hóa" và đồng nhất vị thần này với Đoàn Thượng (đời Lý) và Nguyễn Phục (đời Lê) thành Đông Hải đại vương Nguyễn Phục và Đông Hải đại vương Đoàn Thượng. Một số làng khác thì vẫn thờ Đông Hải đại vương.

Xứ Đông là vùng nổi danh tên tuổi của các vị Đông Hải Đại Vương. Chạy dọc theo sông Hồng và bao quanh khu vực Xứ Đông xưa kia có 72 làng xã thờ phụng, có làng thờ thành ba nơi, tính đến 280 nơi thờ tự.

Thống kê theo các nguồn tài liệu đã được khảo sát tại vùng Hồng Châu xưa, có 12 tỉnh thành phố thờ Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng. Gồm có: Thanh Hóa (3), Hải Dương (125), Hưng Yên (57), Thái Bình (13), Nam Định (13), Ninh Bình (2), Hà Nội (11), Vĩnh Phúc (3), Bắc Ninh (3), Hà Nam (6), Quảng Ninh (2). (*bảng phụ lục 1*). Chỉ riêng Hải Phòng có tới 141 di tích thờ trên toàn thành phố. (*bảng phụ lục số 2*).

## TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Trên đây là những phác thảo hết sức sơ lược về các hình thức tín ngưỡng của người Việt Nam. Là những ý niệm chung nhất về sự đa dạng và phức tạp của một phần đời sống tâm linh con người – tín ngưỡng đa thần.

Nằm trong hệ thống tín ngưỡng đó nhóm tín ngưỡng thờ thần chiếm phần lớn trong tâm thức của con người và dù rằng đa thần nhưng các vị thần có nguồn gốc là các nhân vật lịch sử đã được “hóa thân” hoặc được “nhân cách hóa” đã chiếm số lượng lớn trong hệ thống thờ tự của người dân. Nhưng có sự phân chia rất rõ nét theo môi trường sống của họ.

Trong đó việc thờ tự với các vị thần Đông Hải Đại Vương – những nhân vật lịch sử có thật được hóa thân từ những nhân vật trong truyền thuyết nhưng lại chiếm số lượng lớn về hệ thống di tích và lễ hội. Xuất phát từ quan niệm thờ Cá Ông – cá Voi của cư dân ven biển của các ngư dân miền Trung bộ vào đến Nam bộ, thì với ngư dân nơi vùng biển và ven các con sông lớn của Bắc Bộ thần Đông Hải Đại Vương cũng được thờ tự như vị thần bảo hộ nghề nghiệp cho cuộc sống của họ. Kết hợp với yếu tố văn hóa vùng cao đã trở thành một hiện tượng văn hóa đặc sắc trong hệ thống tín ngưỡng thờ thần ở miền Bắc Việt Nam.

Đặc biệt là sự kết hợp giữa văn hóa ngư nghiệp và nông nghiệp được thể hiện độc đáo trong tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng của ngư dân Cát Hải, Hải Phòng được đề cập chương sau sẽ lý giải được nhiều hơn hiện tượng văn hóa này.

## **CHƯƠNG 2. ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG ĐOÀN THƯỢNG VỚI CÁT HẢI, HẢI PHÒNG**

Cho đến nay, nói đến Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng còn nhiều người chưa từng biết đến, lịch sử nhà Trần ghi chép cũng có đôi phần thiên lệch, nhiều nơi và nhiều địa phương tuy có thờ phụng nhưng lại nhầm Ngài với vị thần khác... việc tìm hiểu về tên gọi, thân thế sự nghiệp và quá trình thiêng hóa của Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng là nội dung chính được đề cập trong chương này.

### **2.1. Giới thiệu về Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng**

#### **2.1.1. Thân thế và sự nghiệp**

Theo một số nhà sử học đã từng khảo sát điền dã cho thấy có những làng trước đây thờ Đức Thánh Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, sau thất lạc ngọc phả thần tích, sắc phong nên không hiểu biết về Ngài đã dỡ bỏ nơi thờ tự, thậm chí là nhầm Ngài với nhân vật lịch sử khác. Vậy Ngài là ai? Câu hỏi đó đến nay vẫn còn nhiều điều không thống nhất về ngày tháng năm sinh cũng như thân phụ và thân mẫu của Ngài. Nhưng đến nay có nhiều nơi tôn thờ Ngài như vị thành hoàng làng, và việc đó đã trở thành tín ngưỡng văn hóa ăn sâu vào trong tiềm thức của người dân ở nhiều địa phương trên nhiều tỉnh thành miền bắc nước ta.

Giải thích về hiện tượng tín ngưỡng thờ cúng Đông Hải đại vương Đoàn Thượng ở Xứ Đông, Cố giáo sư sử học Trần Quốc Vượng cho rằng: “Trong tín ngưỡng tâm linh, nếu xứ Đoài (Sơn Tây) có Thánh Tản (Tản Viên Sơn Thánh - Sơn Tinh của người Việt, vua Pa Ví (Ba Vì) của người Mường), xứ Bắc có Phù Đổng Thiên Vương (Thánh Gióng), xứ Nam có Chử Đồng Tử, rồi Mẫu Liễu Hạnh, thì xứ Đông đòi đòi rạng danh Đông Hải Đại Vương với hàng trăm đền thờ từ Bần Yên Nhân dọc xuống tận Hải Phòng. Thần là ai ? Ai biết đi điền dã dân tục - sử thì sẽ hiểu: Nguyên lai, đây là những đền thờ Cá - Ông - Voi của ngư dân và cư dân ven biển; sau thời Lý sang thời Trần, thần Đông Hải - Hải Đông đã được nhân cách hoá và hoá thân vào nhân vật lịch sử có thật: Đó là tướng quân Đoàn Thượng, người đã cùng tướng quân Hoài Đại Vương xứ Bắc Nguyễn Nộn làm nghiêng ngả lịch sử cuối Lý, đầu Trần...Để cuối cùng vì chia rẽ nhau, cả 2 tướng quân xứ Đông, xứ Bắc đều thua trí, thua lực của dòng họ Trần gốc dân chài xứ Nam...” [12, tr.396].



Một số truyền thuyết cho rằng, Đông Hải Đại Vương là anh trai của Tây Hải Đại Vương, là một trong 50 người con trai theo cha Lạc Long Quân xuống biển. Cùng với đó là truyền thuyết về Đoàn Thượng khi Ngài được sinh ra. Mẹ Ngài là Lý thị mơ thấy bắt được Giao long trên bờ biển Đông rồi bà mang thai, không lâu sau sinh hạ ra Ngài... sự xuất thân gắn với biển khơi sông nước, cũng như nhiều câu chuyện khác về sự nghiệp của Ngài đều cho thấy được tại sao Ngài được sắc phong là Đông Hải Đại Vương.

Theo Đại tá Đoàn Văn Minh, hội viên Hội khoa học lịch sử Hải Phòng nhận định: “Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng là danh tướng đức tài, gồm đủ nhân, trí, dũng, văn võ kiêm toàn, là một đại thần trung thành của vương triều nhà Lý, có công lao to lớn với dân với nước, Ngài thực hành “Quốc dĩ dân vi bản, dân dĩ thực vi tiên”, coi quốc gia là trọng, luôn chăm lo cho nhân dân”.

Theo “*Việt Điện U Linh*” của Lý Tế Xuyên, Đoàn Thượng là một trung thần của nhà Lý “Anh liệt Chinh khí quân”. Sau khi Ngài mất được sắc phong là “Đông Hải Đại Vương Thượng Đẳng Thần” [13, tr.173]. Dù vậy, đến nay vẫn còn nhiều điều không thống nhất về Ngài.

Do Ngọc phả không còn, nhiều nơi thờ tự nhưng lại gắn với nhiều thần tích khác nhau có đôi khi còn nhầm Ngài với các vị thần khác, nên có sự thống nhất về quê quán nhưng lại nhiều sai lệch về ngày sinh và ngày hóa của Ngài. Trước hết theo các truyện và sự tích về ngài đã có sự sai lệch:

TS. Nguyễn Văn Thắng, với luận án tiến sĩ “*Lễ hội cổ truyền ở Hưng Yên*” [10, tr.78] có dẫn chứng sau:

– Theo *Truyện Đoàn Thượng Đông Hải Đại Vương*, Đoàn Thượng sinh ngày mùng 10 tháng 2 năm Giáp Thìn (1184) và hóa ngày mùng 6 tháng 8, thọ 56 tuổi (Bản AEa 5/8)[54, tr.914 – tr.918].

– Nhưng trong *Truyện Đoàn Thượng triều Lý*, Ngài sinh ra tại hương Xuân Độ, huyện Trường Tân, lộ Hồng Châu (nay là Thung Độ, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Ngài hóa ngày 10 tháng 12 tại làng Yên Nhân (Bản Aea 5/1-2) [54, tr.913]

– Trong *Bản Sự tích Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng* ghi Đoàn Thượng hóa ngày 10 tháng Giêng [54, tr.918 – tr.919].

– Nữa là *Bản Sự tích hai anh em Đông Hải Đại Vương và Tây Hải Đại Vương* tại xã Đa Cốc, tổng Đa Cốc, huyện Vũ Tiên lưu truyền Ngài hóa ngày 12 tháng 7 (Aea 5/3 – 2 (3)) [54, tr.922 - 924]’.

Cùng đó là số liệu của các Thần phả tại các đình miếu thờ Ngài cũng có sự sai lệch, có Thần phả ghi Ngài sinh ngày 12 tháng 8, có Thần phả ghi là ngày 10 tháng Giêng. Thần tích tại làng Đại Cầu, tổng Lam Cầu, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam ghi ngày hóa của Ngài là 15 tháng 7.

Cho đến nay vẫn chưa tìm được số liệu chính xác với những tư liệu hiện có như ngày nay. Nhưng theo những thông tin mà con cháu dòng họ Đoàn tại các tỉnh thành trong cả nước cung cấp cho Đại Tá Đoàn Văn Minh, dựa theo các thông tin này có thể dùng số liệu ngày sinh của Ngài là ngày mùng 7 tháng Giêng năm Nhâm Dần (1182), và ngày 12 tháng 8 năm Tân Sửu (1181), tại làng Xuân Độ, còn gọi là Bồng Độ, huyện Trường Tân, lộ Hồng Châu, nay là thôn Thung Độ, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Họ Đoàn là một dòng họ quý tộc, nhiều đời làm quan đại thần và làm tướng cho các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý và có nhiều công lao trong việc xây dựng và bảo vệ nền độc lập của nước Đại Việt. Theo Giáo Sư, nhà sử học Ngô Đăng Lợi: “họ Đoàn là một trong những dòng họ có tiếng của nước ta, thường sản sinh ra những nhân tài danh vọng trên nhiều lĩnh vực. Nhưng dường như họ này phát về văn, còn về võ không nhiều. Vì thế, tướng quân Đoàn Thượng nổi lên như một vị tướng văn võ toàn tài, đạo cao đức trọng của họ Đoàn trong lịch sử. Chính sử nước ta, sự tích của Ngài ghi lại không nhiều, các sử gia triều Trần lại có điều thiên lệch. Nhưng trong dân gian thì khác hẳn, ở các đền miếu thờ Ngài, những bản ngọc phả, sắc phong của các triều đại, những bia ký, hoành phi, câu đối, những huyền thoại đều thống nhất ca ngợi Đông Hải đại vương Đoàn Thượng: sống là danh tướng, thác là thần thiêng; bậc trung thần tiết liệt của triều Hậu Lý (1010-1225), vị trấn thủ miền Hải Đông có nhiều công lao, thành tích giữ yên bờ cõi, chăm sóc dân lành, đem lại cơm no, áo ấm cho gia đình họ...”.

Theo cuốn *Đức Thánh Đông Hải đại vương Đoàn Thượng* [5, tr.9] thì tổ tiên họ Đoàn phát tích tại Sơn Lĩnh, chuyển cư đến Lai Cáo (còn gọi là Noi Cáo hay Lôi Cao) nằm bên bờ sông Nhuệ, nay là địa bàn ba xã Phú Diễn, Cổ Nhuế, Xuân Đình của huyện Từ Liêm, Hà Nội. Vào năm Canh Thân, niên hiệu Thuận Thiên thứ 11 (1020) thì dời về Tô Xuyên, nay thuộc xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, rồi đến

ở đất Hồng Thị, Cổ Phục thuộc Hồng Châu (nay là huyện Kim Thành và Trường Tân - Gia Lộc tỉnh Hải Dương); đến năm 1170 lại chuyển sang định cư ở khu Trại Mát, nay là thôn Tu Trình, xã Thụy Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Về quá trình chuyển cư này đã được phản ánh trên câu đối ở Từ đường họ Đoàn: “Tiền cư Lai Cáo, hậu đáo Tô Xuyên, ký sử Hồng Châu, lưu cổ tích - Ốc tại Tu Trình, an cư Đoàn Xá, vân nhưng kế thế, cái tiền cơ”. Nghĩa là: Họ Đoàn trước ở Lai Cáo, sau đến Tô Xuyên, công huân sử sách ghi tại đất Hồng Châu, thần tích còn lưu giữ ở các đình đền - Góc nhà ở làng Tu Trình, yên cư ở Đoàn Xá, đời đời dòng dõi giữ vững thế gia, mở mang cơ nghiệp tổ tiên.

Đoàn Văn Minh đã dịch sách “*Đoàn tộc đại tôn phả ký*” của cử nhân Đoàn Hải Huệ, tri phủ Vĩnh Khang và con ông là cử nhân Đoàn Việt Yên, Giám sinh Quốc Tử Giám chép năm Quý Mão niên hiệu Hồng Đức thứ 14 (1483) và sách “*Đoàn tộc phả ký*” của Tiến sĩ Đoàn Phúc Luận, làm quan tới chức Tổng tuần sát tam phủ, soạn năm Quý Sửu niên hiệu Hoằng Định thứ 13 (1613), Đại Tá Đoàn Văn Minh đã nghiên cứu một cách đầy đủ về phả hệ 10 đời thống tôn của Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, tính từ Đoàn Liêm Duy, tự Phúc Thái, người làng Lai Cáo (Từ Liêm - Hà Nội), có công phò giúp Khúc Thừa Dụ tấn công phủ Tống Bình, đánh đuổi nhà Đường xâm lược. Đời Tổ chín đời Đoàn Tướng Công húy Liêm Duy, tự Phúc Thái có công giúp Khúc Thừa Dụ đánh đuổi giặc Đường năm 906. Tổ tám đời là Đoàn tướng công húy Duy Thượng, tự Phúc Cao, hiệu Văn Lượng làm đại tướng giúp Ngô Vương Quyền đánh giặc Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm Mậu Tuất (938). Tổ bảy đời là Đoàn tướng công húy Văn Lan, tự Phúc Vạn giúp Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 sứ quân. Tổ sáu đời là Đoàn tướng công húy Văn Liễn, tự Phúc Trung, giúp Lê Hoàn đánh giặc Tống trên sông Bạch Đằng năm 981. Tổ năm đời là Đoàn tướng công húy Văn Khâm, tự Phúc Vắn làm quan Thượng thu bộ công kiêm giáo thụ Quốc Tử Giám đời Lý Nhân Tông. Tổ bốn đời là Đoàn tướng quân húy Thiện Hồng, tự Phúc Hương đỗ khoa thi năm Bính Dần (1086) đời Lý Nhân Tông có công dẹp loạn ở Thượng Nguyên (Thái Nguyên). Tổ ba đời là Đoàn tướng công húy Quang Dao, tự Phúc Trực đỗ khoa thi năm Bính Thân (1116), có công khởi dựng thương cảng Vân Đồn và giữ yên bờ cõi phía Đông Đại Việt. Đoàn Quang Dao sinh ra Đoàn Thiện Hồ, Đoàn Văn An, Đoàn Phúc Lãnh, Đoàn Chủ và Đoàn Thị Ngọc. Tất cả đều là những bậc hiền tài:

Đoàn Thiện Hồ tự Phúc Thung, có tên là Đoàn Hiền làm quan đô đốc thần vũ thủy quân, có công dẹp giặc ở Bãi Ngang ( nay là xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) đời nhà Lý – năm Đại Định thứ 15. Đoàn Văn An tự Phúc Quang làm quan nhà Lý, vợ là bà Trương Thị Ban sinh ra Đoàn Thượng – người có công bình Chiêm Thành được vua Lý Cao Tông phong tước công Bạ Hầu, giúp Đoàn Thượng phù Lý chống Trần.

Đoàn Phúc Lãnh, tự Phúc Hiền, làm quan tới chức Huyện lệnh Trường Tân, lộ Hồng Châu (Gia Lộc – Hải Dương) đời vua Lý Anh Tông, niên hiệu Chính Long Bảo Ứng đời thứ 3. Lại có công trị thủy vùng Đông Bắc, lộ Hải Thanh (nay thuộc Thái Bình, Nam Định). Ngài là chú ruột và cũng là cha nuôi dạy Đoàn Thượng. Phu nhân ngài là bà Lý Thị Thông hiệu Từ Thiên sinh ra Đoàn Văn Lôi, bà cũng chính là nữ mẫu của Đoàn Thượng và Hoàng Tử lý Hạo Sâm, sau là vua Lý Huệ Tông [5, tr.17 – 18].

Đoàn Chủ là tướng nhà Lý, tháng 9 năm Đinh Mão (1207) cùng tướng quân Đoàn Thượng nổi dậy ở Hồng Châu. Còn bà Đoàn Thị Ngọc là hoàng phi của vua Lý Anh Tông.

Đoàn Văn Lôi con của Đoàn Phúc Lãnh và nữ mẫu Lý Thị Thông, là tướng của nhà Lý, được Vua Lý Huệ Tông phong tước Hồng hầu, sinh ra Đoàn Nguyên và Đoàn Cầm cùng Đoàn Thượng phù Lý chống Trần (1217 – 1218).

Đoàn Thiện Hồ sinh ra Đoàn Thượng, Đoàn Đại, Đoàn Hoà, đều làm tướng triều Lý. Đoàn Thượng sớm mồ côi cha mẹ, nhờ chú ruột là Đoàn Phúc Lãnh nuôi dạy, nên được ở với nữ mẫu của vua Lý Huệ Tông trong hoàng cung nhà Lý từ tấm bé, học hành đến nơi đến chốn. Là người có sức khỏe, thông minh, quyền biến, Đoàn Thượng thi đỗ Tiến sĩ khoa thi năm Giáp Tý, niên hiệu Thiên Bảo Gia Hựu thứ 3, đời vua Lý Cao Tông (1204)” [5, tr. 17].

Theo Bản *Đông Hải Đại Vương Thượng Đẳng tối linh thần tích* bằng chữ Hán, được tạm dịch:

*“Đại vương húy Thượng họ Đoàn*

*Thân phụ Ngài là Đoàn Trung, một hào trưởng có thế lực và có uy tín trong vùng*

*Thân mẫu Ngài là Lý thị, người họ hàng gần gũi với Hoàng tộc đương triều*

*Quê Ngài: làng Thung Đô, huyện Gia Lộc, Châu Hồng”.*

Theo ngọc phả ở Hải Dương, ông sinh ngày 10 tháng Giêng năm Giáp Thìn (1184) đời Lý Cao Tông, là con của Đoàn Trung và bà Hoàng Thị Mỹ. Sử sách thống nhất ghi ông người làng Thung Độ, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Cho đến nay thân mẫu của Ngài họ tên là gì? Các sách cổ không chép tên họ của song thân của Ngài, chỉ trong một số đình miếu có ghi nhưng vẫn là của người đời sau gán ghép như kiểu Trần Thị Dung mà thôi. Không bàn đến tên của thân mẫu của Đoàn Thượng mà chỉ bàn đến họ. Bà họ Hoàng hay họ Lý? Các tài liệu chính thức đều xác nhận Đoàn Thượng và Lý Hạo Sâm chung một người vú nuôi. Vậy thì thân mẫu Đoàn Thượng phải là người gần gũi hoặc chính là người của Hoàng Tộc. Nói cách khác Bà có thể là người họ Lý. Họ Hoàng chỉ là một cách gọi không trực tiếp họ Vua.

Như vậy xét theo gia phả dòng họ Đoàn thì Đoàn Thượng là hậu duệ đời thứ 8 của Đoàn Duy Thượng, tự Phúc Cao; và là hậu duệ đời thứ 5 của Đoàn Văn Khâm, tự Phúc Vãn. Con trai của Đoàn Thiện Hồ. Nhưng chẳng bao lâu sau:

*“Mười lăm tuổi, người mẹ hiền từ lâm trọng bệnh đã đứt gánh quy tiên.*

*Bốn năm sau, người cha tôn kính cũng về cùng Tiên Tổ.*

*Niềm đau thương con trẻ mất mát mẹ cha chưa mấy nguôi ngoai.*

*Chí lập nghiệp nam nhi thời ly loạn đã dần nhen nhóm”*

Đoàn Thượng về ở với chú là Phúc Lãnh, được học hành cẩn thận, sớm hưng danh sự nghiệp. Rồi lấy vợ, vợ cả sinh ra Đoàn Hưng Nhượng, năm 1220, làm chủ tướng giữ thành Ngọc Trục, chống Trần phù Lý, lập căn cứ ở vùng đất nay là xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây, có đền thờ ở Ngọc Trục. Người vợ thứ là bà Phạm Thị Đoan, người làng Gia Viên, huyện An Dương, nay là Phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, Hải Phòng. Bà đã sinh hạ cho Ông hai người con là Đoàn Văn và Đoàn Thị Châu. Tướng Đoàn Văn giữ chức Đô thống trấn thủ Vân Đồn, còn gọi là Đảo Quan (nay là huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi thất thủ chạy vào Núi Ngọc, Ái Châu (Thanh Hóa) để khai hoang lập nghiệp.

Đoàn Thượng được ở với nhũ mẫu của vua Lý Huệ Tông nên được học hành đầy đủ, đến nơi đến chốn và nhất mực trung thành với triều đình nhà Lý. Trong dòng họ Đoàn, đời nào cũng là quan cho triều đình nhà Lý, có người làm đến thái sư với nam nhi và dạy dỗ các hoàng tử, công chúa trong cung..., nhưng Đoàn Thượng lại xuất hiện như một người tài giỏi với văn võ thao lược, có sức khỏe, thông minh, siêng học hành lại có tính quả quyết. Sự nghiệp của Ngài chính thức khởi nghiệp từ năm

1204, tức năm Giáp Tý, niên hiệu Thiên Gia Bảo Hựu thứ 3 đời Lý Cao Tông. Ngài đã thi đỗ Mậu tài và ra làm quan cho nhà Lý khi Ngài 23 tuổi.

Từ đó, Ngài được triều đình trọng dụng, một năm sau tức năm Ất Sửu (1205), giặc Muỗi ở Quốc Oai (Hà Tây) chiếm giữ và cướp phá với lực lượng hùng mạnh, Ngài được vua Lý Cao Tông cử về trấn giữ và cai quản vùng Hồng Châu (gồm Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Kiến An, Bắc Thái Bình, Đông Quảng Ninh, Bắc Ninh...). Nhân dân được hưởng ơn Ngài được thay đổi cuộc sống, lại trừ được bọn cướp biển hoành hành tại vùng biển phía Đông...

Nhưng hai năm sau tức năm Đinh Mão (1207), thấy nhân dân lầm than đói khổ, lại bị chính quan lại trong triều cướp bóc, thương dân, Ngài mở kho cứu tế. Nên trong cung bọn gian thần nịnh bợ, sàm tấu Đoàn Thượng làm trái luật lệ triều đình, nên Ngài đã bị bắt giam.

Sinh ra vào thời loạn lạc, cuối thời Lý, đầu thời Trần, lại giữ chữ Trung, một lòng phò giúp nhà Lý. Nhưng lúc này cơ nghiệp nhà Lý đã suy đồi, nhà vua chơi bời vô độ, chính sự, hình pháp không rõ ràng, lại gặp nạn thiên tai mất mùa, đói kém liên miên, giặc cướp nổi lên khắp nơi. Năm 1202, người làng Đại Hoàng bị bắt đi phu xây cửa Đại Thành ở Thăng Long cực khổ quá nên khởi nghĩa. Người chỉ huy là Phí Lang cùng với Đinh Khả, người tự xưng là hậu duệ nhà Đinh. Nhà Lý sai Trần Hình và Từ Anh Nhĩ đi đàn áp nhưng bị đánh bại, Anh Nhĩ chết tại trận. Tháng 5 năm 1205, vua Lý Cao Tông lại sai Đỗ Anh Doãn đi đánh, vẫn thua. Đến tháng 10, Đàm Dĩ Mông đem quân đắp lũy để đánh nghĩa quân, cùng lúc quân Phí Lang đốt hành cung Ứng Phong (Nam Định), phá kho thóc, đốt nhà cửa. Đến tháng 8 năm đó, vua đành phải dụ hòa. Phí Lang và 170 hào trưởng ra hàng, song thực tế từ đó họ đã hoàn toàn chiếm lĩnh Ninh Bình.

Trước những rối ren mà triều đình không còn sức chống đỡ, nhận thấy không thể cứu vãn tình thế của nhà Lý với các chính sách và cai quản không hợp lý của vua Lý Cao Tông. Tháng 3 năm 1207, Đoàn Thượng và Đoàn Chủ nổi dậy chống lại triều đình. Ông xây đắp thành, đắp lũy được nhân dân hết lòng ủng hộ và lực lượng ngày càng lớn do được lòng dân chúng, nên nhân dân theo ông ngày càng nhiều. Lý Cao Tông sai đem đại binh đi đánh. Đàm Dĩ Mông đem quân đạo Đại Thông (miền Hà Đông cũ dọc sông Đáy), Phạm Bình Di đem quân đạo Khả Liễu, Trần Hình đem quân đạo Phù Đái (Vĩnh Bảo, Hải Phòng), Bảo Trinh hầu đem quân đạo Nam Sách (Nam

Sách, Hải Dương), cùng hợp nhau đánh Đoàn Thượng. Thấy thế lực quân triều đình quá mạnh, Đoàn Thượng liền ngầm sai người đem của cải đút lót cho Thượng phẩm phụng ngự Phạm Du, nguyện xin đem quân chúng theo Du. Cuộc liên minh giữa Đoàn Thượng và Phạm Du bắt đầu từ đó. Phạm Du cố vì Thượng mà xin với Cao Tông tha cho ông.

Đầu năm 1209, vua Cao Tông sai Phạm Du coi việc quân ở châu Nghệ An. Du làm trái lệnh chống triều đình. Vua Lý Cao Tông liền sai Phạm Bình Di lấy quân ở Đằng Châu (thị xã Hưng Yên) để đánh Phạm Du. Du trở về Cổ Miệt (Hồng Châu) cùng với Đoàn Thượng, Đoàn Chủ ở hợp binh, đánh Đằng Châu, Bình Di bị thua. Tháng 2 năm 1209, Bình Di lại đem binh ở Đằng Châu, Khoái Châu đi đánh Du. Phạm Du thua trận đành bỏ trốn. Bình Di tịch biên gia sản của Du rồi đốt hết.

Tháng 4 năm 1209, Phạm Bình Di lại đánh quân Đoàn Thượng. Tuy nhiên, trong lúc Đoàn Thượng suy yếu thì Phạm Du ngầm sai người về kinh tố cáo với vua Cao Tông và cho các quan lại trong triều Bình Di đã tàn ác, giết hại người vô tội, Đoàn Thượng bị tình oan, xin về kinh đợi tội. Cao Tông sai Trần Hình triệu Phạm Du về kinh, lại triệu cả Bình Di về triều. Phạm Du đã nhanh chóng về kinh trước hầu Cao Tông, được vua tin theo; Bình Di đến kinh sau, vào triều phụng mệnh. Cao Tông sai bắt Bình Di và con là Phụ giết chết.

Tướng của Bình Di là Quách Bốc nghe tin đó, đem binh lính phá cửa Đại Thanh kéo vào nội điện để cứu chủ. Du cùng em là Phạm Kinh giết Bình Di và con là Bình Di là Phụ rồi cùng Cao Tông chạy trốn. Quách Bốc liền tôn hoàng tử nhỏ là Thâm lên làm vua. Cao Tông chạy về Tam Nông (Phú Thọ) nương nhờ nhà Hà Vạn, một thủ lĩnh miền thiểu số có thế lực.

Thái tử Sảm cùng mẹ là nguyên phi Đàm Thị và hai em gái chạy về Hải Ấp, Thái Bình, được thủ lĩnh địa phương là Trần Lý và Tô Trung Từ lập làm vua, tôn xưng là Thăng Vương. Thấy con gái của Trần Lý là Trần Thị Dung có nhan sắc, Lý Sảm bèn lấy làm vợ, nhân đó Trần Lý được phong làm Minh Tự, Tô Trung Từ làm Điện tiền chỉ huy sứ.

Biết tin thái tử Sảm lập triều đình riêng và tự ý phong tước cho Trần Lý, Tô Trung Từ,... nên vua Lý Cao Tông ở Quy Hoá muốn đánh dẹp, bèn sai Phạm Du đi để liên lạc với Đoàn Thượng. Nhưng Du lại ham sắc, tư thông với công chúa Thiên Cực, nên lỡ hẹn với ông. Khi thuyền của ông đến đón không gặp Du, bèn trở về. Khi Du lên

thuyền khác đi gặp họ Đoàn, tới Ma Lãng thì bị quân của hào trưởng Bắc Giang là Nguyễn Nộn và Nguyễn Nải đón bắt và giết chết. Trần Lý và Tô Trung Từ bèn mang quân đánh về kinh thành dẹp Quách Bốc. Trần Lý tử trận, Tô Trung Từ đón vua Cao Tông về cung.

Năm 1210 Cao Tông chết, thái tử Sảm lên ngôi, tức là Lý Huệ Tông. Tô Trung Từ trở thành quyền thần trong triều. Sau một loạt biến cố, năm 1211, nhiều đại thần nhà Lý và cả Trung Từ bị giết. Cháu gọi Trung Từ bằng cậu là Trần Tự Khánh ở Hải Ấp lại mang quân về kinh, an táng Trung Từ.

Đoàn Thượng và Đoàn Văn Lôi nhân đó nói với vua Huệ Tông rằng: “*Trần Tự Khánh đem binh về kinh sư là muốn mưu đồ việc phế lập*”. Huệ Tông tin theo, nổi giận, bèn hạ chiếu cho các đạo binh đánh Trần Tự Khánh và giáng Nguyên phi Trần thị Dung xuống làm Ngự nữ. Đoàn Thượng và Đoàn Văn Lôi đem binh về kinh sư. Huệ Tông hạ chiếu tấn phong cho Đoàn Thượng là Thái Úy, quyền tiết chế các đạo quan của triều đình. Họ Trần kiểm soát được cả miền Lý Nhân (Hà Nam). Trần Tự Khánh tìm cách liên kết với hào trưởng Nguyễn Tự để đối địch với Đoàn Thượng. Trong thời gian này, nhà Lý hoàn toàn lương nhờ vào lực lượng họ Đoàn để chống lại nhà Trần. Sau đó Ngài được phong nhiều tước hiệu, như: Lý triều Quốc Sư, Thái Sư tể phụ, Kinh Đô phụ quốc, Thái Úy, quyền trưởng các đạo cấm quân, thống lĩnh tổng đốc binh sự, Tiết chế Nguyên Soái, Binh bộ thượng thư, Tham nghị Đô đài ngự sử, Tuần sát sứ giả, Đô Thống, Đốc bộ Sơn Nam, Đông Hải bản lộ Hồng Châu trấn thủ, Trợ tán Hoàng Gia huệ trạch.

Năm 1213, Đoàn Thượng phối hợp với quân triều đình đặng độ với Trần Tự Khánh. Tuy nhiên, lực lượng họ Trần mạnh hơn, có nhiều tướng giỏi hơn; trong khi đó quân nhà Lý do vua Huệ Tông và thái sư Đàm Dĩ Mông không có tài làm tướng chỉ huy nhanh chóng bị thua trận. Đoàn Thượng cử đi một đạo quân do Đoàn Cẩm và Vũ Hốt chỉ huy nhưng do thế lực không cân sức, đã bị bộ tướng của Tự Khánh là Nguyễn Nộn đánh bại. Lý Huệ Tông thân chinh giao chiến nhưng sau lên Lạng châu.

Từ đó Ngài trở về cùng Hồng Châu, tháng 4 năm 1214, anh em họ Đoàn tấn công đất Bắc Giang do tướng của Tự Khánh là Nguyễn Nộn đóng giữ. Hai bên đánh nhau ở núi Đông Cứu (Gia Lương, Bắc Ninh). Lúc đó nội bộ phe Tự Khánh xảy ra phân loạn lớn. Tướng ở Cam Giá (thị xã Sơn Tây) là Đỗ Bị lại nổi lên chống cự. Miền Cam Giá lại tách khỏi phạm vi thế lực của anh em họ Trần, hình thành một thế lực



mới. Cùng lúc đó, Nguyễn Nộn ở Bắc Giang sau khi giao chiến với Đoàn Thượng cũng phản lại Tự Khánh, xây dựng một thế lực rất lớn. Do việc cát cứ của Đỗ Bị, Nguyễn Nộn, kinh thành Thăng Long bị uy hiếp. Tự Khánh phóng hỏa đốt kinh đô rồi chạy về Lý Nhân (Hà Nam). Vua Huệ Tông phải lui đến hương Bình Hợp (Phúc Thọ, Hà Tây).

Sau hàng loạt biến cố khác, thế lực của Trần Tự Khánh ngày càng mạnh hơn, buộc vua Huệ Tông phải dựa vào họ Trần vào tháng 4 năm Bính Tý (1216). Nhiều thế lực cát cứ lần lượt bị Trần Tự Khánh đánh dẹp. Tuy nhiên, bộ tướng của Khánh là Nguyễn Nộn lại phản họ Trần mà cát cứ ở Bắc Giang.

Tháng 6 năm 1217, Đoàn Thượng được phong là Đông Hải Đại Vương nhưng nhà Trần đã gả em gái là Trần Tam Nương cho Đoàn Văn Lôi để bớt đi một thế lực chống đối quan trọng. Thấy thế lực họ Trần mạnh, ông tạm quy hàng triều đình, được phong tước vương và vẫn giữ vùng Hồng châu.

*“Huệ Tông bị ép xuống tóc đi tu chùa Chân Giáo.*

*Chiêu Thánh nhường ngôi báu cho chồng.*

*Nhà Trần tuy chiếm được ngai vàng, nhưng còn đó lưỡng tướng Nguyễn, Đoàn giương cờ phù Lý”.*

Theo “Đại Việt sử ký toàn thư”: “Lý Huệ Tông bị mắc chứng điên, chính sự không quyết đoán, giao phó cả cho Trần Tự Khánh. Quyền lớn trong cả nước dần dần đã về tay kẻ khác” [3, tập I, tr. 337]. Năm Mậu Dần (1218), nhà Trần đã dần tiêu diệt được các thế lực cát cứ. Lý Huệ Tông lại không có con trai chỉ có hai công chúa là Thuận Thiên và Chiêu Thánh.

Sau khi Trần Tự Khánh chết (1223), em họ là Trần Thủ Độ lên thay, tiếp tục thao túng nhà Lý. Năm 1225, ép Lý Huệ Tông nhường ngôi cho Chiêu Thánh mới 7 tuổi và Thủ Độ sắp đặt đưa cháu là Trần Cảnh (con Trần Thừa) lên thay ngôi nhà Lý vào ngày 1 tháng 1 năm 1226, lập ra nhà Trần. Sát hại vua Lý Huệ Tông và hàng loạt các quan đại thần và thân tín nhà Lý.

Trần Thủ Độ mang quân đánh Đoàn Thượng nhưng không thắng, đành phải hứa hẹn phong tước cho ông trong suốt 10 năm. Thủ Độ định ngày hội họp, làm lễ minh thệ, phong vương cho Ông, nhưng Đoàn Thượng không đến họp. Rồi ngầm ngầm cho vàng, gấm vóc cho Nộn, để Nộn đánh Đoàn Thượng. Nộn đã mừng thầm và tin theo.

Rồi trong triều Trần Thủ Độ đã cấu kết với Nguyễn Nộn âm mưu giết hại Phạm Du và Đoàn Thượng. Hai tướng hẹn gặp nhau ở Đòng Dao vào ngày mùng 6 tháng Chạp năm 1238 [5, tr.28]. Nhưng do tính tình Phạm Du ham chơi tiêu sấu mà đã quên mất, trung tín Ngài tin theo và đã đến chỗ hẹn một mình. Rơi vào cạm bẫy của Nộn. Truyền thuyết kể lại rằng khi Ngài bị chém trên cổ chỉ còn dính một ít da và Ngài đã tháo đai lưng ra buộc lại nhưng chạy đến vùng Mao Điền thì nằm xuống và mối đùn thành gò mả, từ đó người dân lập đền thờ cúng.

Sau đó con trai, con gái và gia quyến và sản vật của Hồng Châu đều bị cướp bóc. Và toàn bộ đã về tay nhà Trần khi Nguyễn Nộn đột ngột qua đời.

Xét dưới góc độ lịch sử, tình hình chiến sự thời Lý mạt có nhiều biến động, nhân dân lầm than, đói khổ, vua chơi bời vô độ, thế lực nhà Trần với âm mưu thoán đoạt ngai vàng, lực lượng cát cứ nổi lên khắp nơi, giặc cướp phá hoành hành ngang ngược... Đoàn Thượng đã đứng trên vai trò là đại tướng thương yêu nhân dân, một lòng phù giúp nhà Lý, muốn vực dậy một triều đình đổ nát là việc hoàn toàn khó. Ông quyết định lập bà xưng vương chống lại các thế lực làm mưu hại đến cuộc sống của nhân dân, ông được nhân dân hết lòng hưởng ứng, cảm phục. Nhưng sử sách có phần ghi chép sai lệch và mất nhiều tư liệu nên còn nhiều điều chưa chauanr xác, nhưng trong lòng dân chúng ở khắp nơi Ngài là một người có ơn huệ cao cả, nhân dân được hưởng ơn mưa nóc, đến nay tính chi tính trên địa bàn từ vùng Bần Yên Nhân đến Mao Điền đã có 72 nơi lập đình, đền để thờ Ngài.

### **2.1.2. Các nơi thờ tự ở Việt Nam:**

Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng là vị Viễn tổ thứ 5 ( tính từ Cao tổ Đoàn Văn Khâm). Một đại thần trung thành của vương triều Lý, người rất Đức độ, tài năng và có công lao to lớn đối với dân với nước. Vì vậy Ngài được nhân dân nhiều nơi lập đền thờ, tính tổng số có đến 280 di tích và được các triều đại ghi nhận, sắc phong.

Các thông tin về Đức thánh được sưu tầm từ nhiều nguồn khác nhau: thông tin điện tử, tài liệu từ các kho lưu trữ, sách và công trình nghiên cứu đã xuất bản, thần tích, thần sắc các địa phương...

Sinh thời Đông Hải Đại vương Đoàn Thượng đã được nhân dân làng Định Công, huyện Thanh Trì, Hà Nội lập sinh từ phụng thờ. Sau khi Ngài hiển thánh, theo thống kê chưa đầy đủ ở Bắc bộ và Bắc Trung bộ nước ta đã có hàng trăm làng xã lập

đền, đình, nghè, miếu thờ cúng Ngài. Nhiều nhất là các tỉnh thành Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định... Đặc biệt làng Phong Niên (Cát Hải) lập 3 đình, làng Cổ Trai (Kiến Thụy) lập 2 đình, Đoàn Xá (Kiến Thụy) lập 3 đình thờ Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng. Xét trên địa bàn các tỉnh thành phố thuộc Hồng Châu xưa kia, có các đình miếu thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng như sau:

#### 2.1.2.1. Trên địa bàn thành phố Hưng Yên

Gắn với truyền thuyết “đầu Bàn thân Mao”, nơi đây đã xảy ra cuộc chiến giữa Nguyễn Nộn, Trần Thủ Độ và Đoàn Thượng. Xét xung quanh khu vực Hưng Yên trên địa bàn tỉnh hiện nay có đến 57 di tích thờ. Gồm huyện Mỹ Hào có bốn nơi thờ; huyện Yên Mỹ, nơi tiếp giáp với thị trấn Bàn có 17 nơi thờ; huyện Kim Động 10 nơi; huyện Tiên Lữ 6 nơi; huyện Khoái Châu có 6 nơi; huyện Ân Thi có 5 nơi; huyện Phù Cừ có 4 nơi, thành phố Hưng Yên có 4 nơi và huyện Văn Giang có 1 nơi thờ. Trong đó, khu vực đền Bàn xưa thuộc xã Yên Nhân là nơi thể hiện tín ngưỡng đặc sắc nhất.

#### 2.1.2.2. Trên địa bàn thành phố Hải Dương

Là quê hương nơi Ông sinh ra và nhân dân nơi đây đã được cấp nhiều ruộng đất, miễn giảm tô thuế, mở trường học... Cũng là nơi mà theo truyền thuyết khi bị quân Nguyễn Nộn và Trần Thủ Độ chặt đầu, Ông đã lấy đai lưng buộc lại và phi ngựa chạy về quê hương Mao Điền và hy sinh mỗi đùn thành gò, người dân đã xây dựng đền miếu để thờ tự. Tất cả tỉnh Hải Dương có 25 di tích thờ tự

#### 2.1.2.3. Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Đoàn Thượng đã có công đánh giặc trừ cướp, an dân. Nơi đây chính là nơi con trưởng Đoàn Thượng là Đoàn Văn khi nghe tin cha thất trận, đã hóa trang xuống thuyền chạy vào Châu Ái đến vùng núi Ngọc khai hoang lập làng, sinh họ ở đây, rồi đến thời Bắc thuộc bị giặc Minh đuổi con cháu họ Đoàn ở đây đã tham gia khởi nghĩa cùng Lê Lợi diệt giặc Minh trong phong trào khởi nghĩa Lam Sơn.

#### 2.1.2.4. Trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Theo câu đối ở Từ Đường họ Đoàn:

*“Tiền cư Lai Cáo, hậu đảo Tô Xuyên, Ký sử Hồng Châu, lưu cổ tích.*

*Ốc tại Tu Trình, an cư Đoàn Xá, vẫn nhưng kể thế, cái tiên cơ”.*

Theo phả tộc họ Đoàn ghi chép, Tổ tiên họ Đoàn phát tích tại Sơn Lĩnh, chuyển cư đến Lai Cáo hay Noi Cáo, nằm hai bờ sông Nhuệ, nay thuộc ba xã Phú Diễn, Cổ

Nhuế, Xuân Đỉnh (huyện Từ Liêm, Hà Nội). Niên hiệu Thuận Thiên thứ 11, năm Canh Thân (1020) đến Tô Xuyên, nay thuộc xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Rồi đến ở Hồng Thị, Hồng Châu, Cổ Phục huyện Kim Thành và Trường Tân huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương. Niên hiệu Chính Long Bảo Ứng thứ 8 năm Canh Dần (1170), chuyển cư đến Trại Mắt, nay là thôn Tu Trình, xã Thụy Hồng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tại đây, Đoàn Thượng đã có công trị an lộ Hải Thanh. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 13 di tích thờ Ngài.

#### *2.1.2.5. Trên địa bàn tỉnh Nam Định*

Nam Định thuộc Hồng Châu, lộ Hải Thanh, Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng đã có công đánh đuổi giặc cướp, trị an cho cuộc sống của nhân dân nơi đây. Hiện nay có 13 di tích thờ trên toàn bộ địa bàn của tỉnh.

#### *2.1.2.6. Trên địa bàn thành phố Hà Nội*

Là nơi phát tích của dòng họ Đoàn, tiền thân là Đông Hý Trảng Sơ Nguyên Soái Đô Sát Dực Thánh Quốc Vương Chương long chu thủy đạo Hùng Lạc đại tướng quân, Phụ Chính Quốc tể dực vũ Đại Vương đời vua Hùng, Ngài là Hoàng tử con vua Hùng thứ 17 là Hùng Nghi Vương. Sau khi thắng trận đánh quân Thục xâm phạm bờ cõi Văn Lang, Ngài đã hóa thành Giao Long nhào lộn dưới biển. Và hậu thân chính là Đoàn Thượng mà theo truyền thuyết khi mẫu thân Đoàn Thượng nằm mơ bắt được Giao Long và về mang thai sinh hạ Đoàn Thượng. Hiện nay trên địa bàn Hà Nội có 11 di tích thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng (bao gồm cả Hà Tây cũ).

#### *2.1.2.7. Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*

Trên địa bàn tỉnh có 2 di tích thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng đã có công trừ cướp an dân là Đình Chấn Lữ, tổng Dương Vũ và Đình Thanh Khê tổng Quan Vĩnh, huyện Gia Khánh.

#### *2.1.2.8. Trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc*

Vĩnh Phúc có 3 di tích thờ Đoàn Thượng nằm trên địa bàn huyện Kim Anh là Đình Tào Mai, Đình Song Mai, Đình Thái Phù.

#### *2.1.2.9. Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*

Tỉnh Bắc Ninh hiện nay cũng có 3 di tích thờ Ngài là Đình Làng Bốn, Đình Bái Uyên và Đình Thanh Khê. Gắn với công cuộc xây dựng và bảo vệ Đại Việt thời Lý mạt.

#### *2.1.2.10. Trên địa bàn tỉnh Hà Nam*

Gắn với công lao hưng doanh Đại Việt lại có công trong việc đắp đê trị thủy, Ngài được nhân dân thờ phụng tại 6 di tích trên địa bàn tỉnh.

#### *2.1.2.11. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có hai di tích thờ tại Đền Đông Hải Đại Vương và Đình Trà Cổ gắn với chiến công chặn thủ vùng biển Đông và đánh giặc cướp biển, an cư cho nhân dân.

#### *2.1.2.12. Trên địa bàn thành phố Hải Phòng*

Thông kê theo ông Đoàn Văn Minh và bảng điều tra của các phòng ban văn hóa trong toàn thành phố có đến 141 di tích thờ Đông Hải Đại Vương trong đó có cả thờ chính và phối thờ.

*(bảng phụ lục số 1)*

## **2.2. Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng với Cát Hải, Hải Phòng**

### **2.2.1. Tìm hiểu về vùng đất Hồng Châu**

#### *2.2.1.1. Lịch sử về vùng Hồng*

Để thấy rõ được lịch sử và sự hình thành của vùng đất này, những triều đại trước đã từng thay đổi tên và phân chia các vùng địa lý như sau: Đời Hùng Vương xưa, Hải Dương là bộ Dương Tuyền; thời nhà Hán thuộc quận Giao Chỉ; thời nhà Đông Ngô thuộc Giao Châu; nhà Đường đặt Hải Môn trấn, lại gọi là Hồng Châu. Nhà Đinh chia làm đạo; nhà Tiền Lê và nhà Lý cũng theo như nhà Đinh. Đời nhà Trần đổi làm 4 lộ: *Hồng Châu thượng, Hồng Châu hạ* và *Nam Sách thượng, Nam Sách hạ*. Năm Quang Thái thứ 10 (1397) vua Trần Thuận Tông đổi làm trấn Hải Đông.

Thời kỳ thuộc Minh (1407-1427), thuộc hai phủ Lạng Giang và nhà Lê là Tân An.

Năm Thuận Thiên (1428-1433) vua Lê Thái Tổ cho thuộc Đông Đạo.

Khoảng niên hiệu Diên Ninh (1454-1459) vua Lê Nhân Tông chia làm 2 lộ: Nam Sách thượng và Nam Sách hạ.

Năm Quang Thuận thứ 7 (1466) vua Lê Thánh Tông đặt thừa tuyên Nam Sách; năm 1469, đổi làm thừa tuyên Hải Dương; năm Hồng Đức thứ 21 (1479) đổi làm xứ.

Khoảng giữa năm Hồng Thuận (1510-1516) vua Lê Tương Dực đổi làm trấn.

Nhà Mạc lấy Nghi Dương làm Dương Kinh, trích phủ Thuận An ở Kinh Bắc và các phủ Khoái Châu, Tân Hưng, Kiến Xương, Thái Bình ở Sơn Nam cho lệ thuộc vào Dương Kinh.

Nhà Lê, khoảng niên hiệu Quang Hưng (1578-1599) vua Lê Thế Tông đổi làm trấn theo nguyên như cũ.

Năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741) vua Lê Hiển Tông chia làm 4 đạo: Thượng Hồng, Hạ Hồng, Đông Triều và An Lão.

Nhà Tây Sơn đem phủ Kinh Môn đổi thuộc vào Yên Quảng.

Năm 1802, vua Gia Long đem Kinh Môn thuộc về trấn cũ và lệ thuộc vào Bắc Thành.

Năm 1804, đời Vua Gia Long, li sở Hải Dương được chuyển từ Mao Điền về tổng Hàn Giang, đặt trên vùng đất cao thuộc ngã ba sông Thái Bình và sông Sặt với mục tiêu trấn thành án ngữ vùng biên hải phía đông Kinh đô Thăng Long, chính vì vậy có tên gọi là Thành Đông - có nghĩa: tòa thành ở phía đông.

Năm Minh Mạng thứ 3 (1822) đổi Thượng Hồng làm phủ Bình Giang, Hạ Hồng làm phủ Ninh Giang, còn hai đạo Đông Triều và An Lão thì đặt làm hai huyện.

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) chia thành một hạt độc lập và đổi làm tỉnh Hải Dương gồm 5 phủ 19 huyện.

Năm 1887, thực dân Pháp tách một số huyện ven biển của Hải Dương, đặt thành tỉnh Hải Phòng; đến 1906, đổi thành tỉnh Kiến An.

Năm 1968, tỉnh Hải Dương sáp nhập với Hưng Yên thành tỉnh Hải Hưng, đến năm 1997 lại tách riêng ra với tên gọi như ngày nay.

Như vậy, vùng Hồng Châu xưa chính là vùng đất Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên ngày nay.

Xét theo chiều dài lịch sử, vào thời nhà Lý, Yên Nhân là nơi đặt li sở lộ Hồng Châu, một trung tâm kinh tế chính trị văn hóa xã hội lớn của xứ Đông. Giao thông thuận tiện có con đường cái chính xứ Đông Bắc chạy qua (nay là đường quốc lộ 5). Yên Nhân nằm trên bờ sông Hồng Giang, còn gọi là sông Bàn chảy từ sông Hồng Hà tại Xuân Quan (Mỹ Văn) đổ nước vào sông Thái Bình, đem phù sa tưới mát phủ Thượng Hồng. Lòng sông xưa rộng trung bình khoảng trên 50m, sâu khoảng 10m, tháng Chạp mà nước vẫn đỏ hồng. Cửa Xuân Quan nay đã làm cống Xuân Quan.

Lộ Hồng Châu thời Lý còn có tên là lộ Đông Hải, lớn bằng hai lộ Hồng và Hải Đông thời Trần. Thời Trần, Lộ Hồng là phần đất tỉnh Hải Dương và Hải Phòng ngày nay. Lộ Hải Đông nay là đông Quảng Ninh và Cát Hải, Hải Phòng.

Chiến sự lịch sử diễn ra ở nơi này lịch sử ghi chép còn chưa đầy đủ, nhưng đứng trên góc độ nghiên cứu và tìm lại những dấu tích ở đây có thể hiểu được tình hình lúc đó thế nào trên mảnh đất Hồng Châu này.

Sau khi nhà Lý trong thế suy vi (tháng 9 năm 1207) Đoàn Thượng và Đoàn Chủ đã về Hồng Châu xây dựng căn cứ chống lại nhà Trần, xây thành xung vương. Vua sai Đàm Dĩ Mông, Phạm Bình Di, Trần Hình, Bảo Trinh họp quân đàn áp. Đoàn Thượng không chống nổi, ngầm mua chuộc quan trong triều là Phạm Du tâu vua rút quân về. Từ đó họ Đoàn ngày càng lớn mạnh, ngầm liên minh với Phạm Du, trở thành một trong ba thế lực lớn nhất đất nước thời cuối Lý (họ Trần, họ Đoàn và họ Nguyễn).

Họ Đoàn ở Hồng Châu (Hải Dương, Hải Phòng), thì Họ Trần ở Lưu Xá (Thái Bình). Bắt đầu là ông Trần Lý, vốn nghề đánh cá, sau giàu có, liên kết với họ Tô và họ Lưu trong vùng, mua 1 chức quan nhỏ, trở thành người có thế lực. Mới đầu họ không tham dự gì vào các cuộc phân tranh, chỉ ngầm ngầm mở rộng thế lực, chiếm cứ Hải Ấp ( là Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên ngày nay). Khi Quách Bốc nổi loạn, họ tạm về phe với Quách Bốc. Ngay trong năm 1209, họ Trần thôn tính phe Quách Bốc. Một thời gian sau, Tô Trung Từ qua đời vì tai nạn, nên họ Trần kế thừa luôn lực lượng của Tô Trung Từ rồi mở rộng thế lực. Cát cứ chính ở Thiên Trường, do hai anh em Trần Thừa và Trần Tự Khánh lãnh đạo (huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, phía hữu ngạn sông Hồng). Thế là họ đã bành trướng ra được ba vùng Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, và các địa phương như Bắc Ninh, Bắc Giang,... trở thành phe thống nhất quốc gia sau này. Từ trong tình hình chiến sự thay đổi đó, triều đình nhà Lý đến năm này thì họ chỉ còn nắm được khu vực quanh Thăng Long.

Họ Nguyễn ở Quốc Oai ( thuộc Hà Tây). Cầm đầu bởi Nguyễn Nộn là 1 tướng cũ của nhà Lý chiếm giữ phía bắc sông Đuống – tên cổ thời là sông Thiên Đức, gồm các quận Tiên Du, Từ Sơn, Quế Võ tỉnh Bắc Ninh ngày nay, cũng là một trong ba thế lực mạnh nhất thời cuối Lý.

Phạm Bình Di, Quách Bốc ở Đằng Châu ( Hưng Yên). Vốn là 1 hoạn quan được vua tin cậy. Năm 1209, Phạm Bình Di được lệnh mang quân đánh loạn Phạm Du. Nhưng đánh bại Phạm Du và Đoàn Thượng rồi, ông ta lại bị vu tâu và bắt giam, giết chết. Tướng dưới quyền là Quách Bốc nghe tin giận quá, kéo quân đánh vào kinh đô, khiến Lý Cao Tông phải bỏ chạy. Ban đầu, phe phái này liên minh với họ Trần nhưng ngay trong năm ấy bị chính họ Trần tiêu diệt và thôn tính.

Các thế lực khác tại các vùng lân cận cũng có phần can dự vào chiến sự lúc này: khởi nghĩa Phí Lang ở làng Đại Hoàng (Ninh Bình) nổi dậy như một thế lực khác nhưng cũng bị nhà Trần thôn tính vào tháng 5 năm 1216. Một thế lực cát cứ khác là Ô Kim hầu Nguyễn Bát ở Ô Kim ( Hoài Đức thuộc Hà Tây), cầm đầu bởi 1 tướng cũ của nhà Lý, tuy chống triều đình nhà Lý nhưng không theo họ Trần. Có một đạo nhà Lý phải nương nhờ họ để chống lại Đỗ Át, Đỗ Nhuế ( là Từ Liêm thuộc Hà Nội bây giờ) hai tướng cũ của nhà Lý, nổi loạn vào tháng 4 năm 1216 nhưng không thắng. Khi Lý Cao Tông bị loạn Quách Bốc, Ông đã chạy lên nương nhờ họ Hà ở Quy Hóa (Yên Bái, Tuyên Quang dọc sông Hồng). Một họ miền núi có thế lực... Thế lực này tồn tại đến tận khi nhà Trần thống nhất đất nước, nhưng không can dự gì vào bất cứ cuộc xung đột nào, dù là một phe mạnh.

Do thế lực chưa đủ mạnh để trấn áp tất cả các lực lượng nổi dậy, họ Trần phải dùng chiến thuật khi đánh khi hoà, thậm chí cả biện pháp hôn nhân; và tận dụng sự xung đột của chính các thế lực này tự làm yếu nhau. Cuộc phân tranh bắt đầu chấm dứt vào năm 1225 khi nhà Trần thay thế nhà Lý. Sau khi nhà Trần thành lập, Nguyễn Nộn đánh bại giết chết Đoàn Thượng năm 1228. Nhưng không lâu sau, cuối năm 1229, Nguyễn Nộn ốm chết, lực lượng của Nộn tự tan rã. Nhà Trần chấm dứt được cục diện chia cắt, tập trung củng cố nội chính sau nhiều năm nghiêng ngả dưới thời Lý. (số liệu về năm mất còn nhiều điều chưa thống nhất).

Như vậy, xét trên địa bàn vùng Hồng Châu xưa đã có nhiều lực lượng phân cát lượn tại các vùng khác nhau, do đó óc thế thấy rõ hơn lực lượng và thế lực cát cứ của Đoàn Thượng tại nơi đây.

#### *2.2.1.2. Tài nguyên vùng Hồng Châu*

Lộ Hồng Châu thời Lý ở vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng và sông Thái Bình, phía Đông giáp biển, sản vật nhiều, đất đai phì nhiêu thuộc vào loại thượng hạng. Thế đất rộng rãi, rộng lượn hồ châu, phong vật đông đúc lại được thiên nhiên ưu đãi với khí hậu ôn hòa.

Khi xưa, chợ Hồng Châu còn có tên là chợ Bàn, trên bến dưới thuyền, người buôn kẻ bán tấp nập. Khu vực Yên Nhân khi xưa là nơi đặt lỵ sở vùng Hồng nên đã nổi tiếng với nghề nặn nồi đất nung và làm tương.



Con người nơi đây cần cù chịu khó, chuộng nghĩa khí, giữ chữ tiết, có phong tục lâu đời. Hồng Châu là đất dụng võ của nhiều nhân tài hào kiệt, nổi bật là Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng.

### ***2.2.2. Công trạng của Đoàn Thượng với vùng đất Hồng Châu***

Công trạng của Đoàn Thượng ở vùng đất này phải được kể từ năm Ất Sửu (1205), đời Lý Cao Tông, niên hiệu Trị Bình Long Ứng thứ nhất. Lộ Quốc Oai có giặc Muỗi chiếm cứ vùng núi Tản Viên, cướp phá vùng Thanh Oai với lực lượng lớn và mạnh, dân chúng sợ hãi, không thể chống đỡ nổi, vua sai Đoàn Thượng đi đánh dẹp và hoàn toàn chiến thắng. Vua ban thưởng cho Ngài chức tước và giao trọng trách cai quản vùng biển Đông, hưng danh đất Hồng Châu. Lúc ấy, vùng châu thổ sông Hồng và sông Thái Bình đang hình thành chỗ cao chỗ trũng, thường xuyên lụt lội, Ngài vận động người trong dòng họ và nhân dân chung sức trị thủy, coi đắp bờ vùng, quai đê ngăn lũ, cấp ruộng đất, tìm giống lúa chín thu hoạch trước mùa nước lớn...vừa lo chiến đấu, vừa chăm chỉ trồng trọt, cày cấy, hạn chế thiên tai dịch bệnh... làm cho cuộc sống của nhân dân nơi đây ngày một tăng cao hiệu quả.

Đặc biệt với vùng Hồng Châu, ngài được nhân dân tưởng nhớ như một mẫu tử của dân, miễn lao dịch, mở trường khuyến học, khuyến tài, đánh giặc cướp biển...

Đoàn Thượng đem quân đánh anh em họ Trần ở ải Hoàng Diêm. Trần Tự Khánh sai bộ tướng Lại Linh cùng tướng Khoái Châu là Nguyễn Đường ra chống cự. Nguyễn Đường bị bắt. Tự Khánh bị thua, giận dữ phá đê cho nước sông chảy tràn vào các ấp rồi về. Miền Khoái Châu mất tin tưởng ở họ Trần, theo về với họ Đoàn. Từ đó người dân hết lòng tin theo Đoàn Thượng.

Không chỉ khi sống Ngài luôn được nhân dân tin theo, luôn hết lòng vì dân mà khi đã hóa Ngài vẫn “âm phù vận nước”. Khi vua Lê Thái Tổ đánh giặc Minh, đi qua đền Gia Viên cầu khẩn nằm mộng thấy Ngài hiển linh cứu giúp, được phong là “Đông Hải Linh Ứng Đại Vương”, sau lại được hong là “Phù tộ an dân”; đời Vua Lê Thánh Tông được tặng hai chữ “cương nghị” và được sắc phong “Anh uy hiển ứng”, người dân cầu được ước thấy, mọi sự đều an... hiện nay mới thống kê được tất cả có 17 sắc phong được tạm dịch qua các triều đại Trần, Hậu Lê, Tây Sơn, Nguyễn, và đời nào cũng được sắc phong thượng đẳng thần.

### ***2.2.3. Hệ thống các di tích thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở thành phố Hải Phòng***

Như đã nói trên, Hồng Châu là mảnh đất được bồi tụ phần lớn bởi sông Hồng và sông Thái Bình, bao gồm các tỉnh thành từ Lạng Sơn, Hà Tây đến Nghệ An Thanh Hóa, phân chia thành các lộ tỉnh khác nhau. Vào thời nhà Lý, đại hạt Hải Phòng ngày nay chính là một phần của lộ Hồng Châu, còn gọi là lộ Đông Hải. Thời Trần, một phần Hải Phòng và Quảng Ninh thuộc lộ Hải Đông, phần lớn Hải Phòng và Hải Dương thuộc lộ Hồng. Thời Hậu Lê thuộc đạo thừa tuyên Nam Sách, sau đổi là trấn Hải Dương. Thời Tây Sơn như thời Hậu Lê. Sang đầu thời Nguyễn vẫn là một phần trấn Hải Dương, như đến năm 1831, vua Minh Mạng đổi lại thành tỉnh Hải Dương, trong đó bao gồm cả vùng đất của Hải Phòng ngày nay. Trước năm 1963 là hai đơn vị hành chính : tỉnh Kiến An và thành phố Hải Phòng. Nhưng hệ thống thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng được nhân dân ghi tạc trong các văn bia và thần phả, thần tích tại các đình đền thờ Ngài. Trên toàn thành phố Hải Phòng ngày nay thống kê có 141 di tích thờ tại các quận, huyện.

Xét theo “*Đại nam nhất thống chí*” của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (6), các vùng quận huyện Hải Phòng ngày nay đều thuộc Hồng Châu và chia theo các lộ khác nhau.

a) Quận Hồng Bàng trước kia thuộc Tổng Gia Viên, huyện An Dương, Phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương, lộ Hồng Châu. Khu vực này xưa kia là địa bàn đóng quân của Đoàn Thượng. Hiện nay có hai di tích thờ Ngài là Đình Hạ (trước kia là Đình làng Hạ Lý) và Đình Thượng Lý.

b) Quận Lê Chân hiện nay có một di tích thờ là Đình Hàng Kênh. Nơi đây Đức Thánh Đoàn Thượng được hợp tự thờ để ghi nhớ công lao của Ngài trong đánh giặc trừ trộm cướp, bảo an cho dân, chiêu dân trị thủy, khẩn hoang mở ấp.

c) Quận Ngô Quyền xưa kia cũng thuộc lộ Hồng Châu. Hiện nay có 10 di tích thờ đề tưởng nhờ công ơn khai hoang lập ấp, đánh giặc trừ cướp, an dân, trị thủy, cấp ruộng đất và tìm giống lúa mới...

d) Huyện An Hải là phần đất thuộc lộ Hồng Châu còn gọi là lộ Đông Hải thời nhà Lý đã trừ cướp biển, dạy dân làm muối, và làm nghề cá, mở trường học, lập đồn ở Cửa Tấn, cửa biển Ba Lộ, sau khi mất lại âm phù vận nước... được nhân dân thờ tự tại 33 di tích trên toàn huyện.

e) Huyện An Lão thời cổ thuộc huyện Câu Lậu, thời Lý thuộc lộ Hồng Châu, còn gọi là lộ Đông Hải. Đã có công chiêu dân quai đê trị thủy, dạy dân trồng lúa,

chống giặc cướp và dựng đồn trấn thủ... trên toàn địa bàn huyện hiện nay có 10 di tích thờ tự.

f) Thị xã Đồ Sơn thời Lý thuộc lộ Hồng Châu, còn gọi là lộ Đông Hải, lập đồn lớn ở cửa biển Đại Bàng, đóng quân ở Tiểu Bàng, có công trừ giặc đánh cướp, mở thương cảng giao thương với người Tàu có tên Phố Nhội...

g) Huyện Kiến Thụy là đơn vị hành chính thuộc lộ Hồng Châu thời Lý, thời Trần thuộc lộ Hồng, thời Hậu Lê là huyện Khúc Dương. Sau đổi là huyện Nghi Dương, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương, trước năm 1945 là phủ Kiến Thụy, tỉnh Kiến An. Hiện có 22 di tích thờ. Ngài đã có công dạy dân trị thủy, khuyên dân cấy trồng, đánh cá rồi làm nghề nông, cấp ruộng đất và mở trường khuyến học...

h) Huyện Tiên Lãng dưới thời Lý thuộc lộ Hồng Châu, còn gọi là lộ Đông Hải, thời Trần là Hồng Lộ. Thời Hậu Lê thuộc huyện Tiên Minh thuộc phủ Hạ Hồng, sau là phủ Nam Sách, trấn Hải Dương. Hiện có 17 di tích thờ trên toàn huyện

i) Huyện Vĩnh Bảo thời nhà Lý là vùng đất ranh giới giữa lộ Hồng Châu và lộ Hải Thanh (Thái Bình và Nam Định). Nơi Ông đóng đồn lớn ở khẩu Đài Bàng, còn gọi là Gánh Ba Ra, dạy dân cấy trồng và lấy lương thực nuôi quân, mở trường dạy học tam cương ngũ thường, khai khẩn, trị thủy... có 13 di tích thờ trên toàn huyện.

j) Huyện Thủy Nguyên thuộc lộ Hồng Châu. Có 15 di tích thờ tưởng nhớ đến công khai khẩn, trị thủy, dạy dân cấy lúa, chăn nuôi, trừ cướp, bảo an cho dân...

k) Huyện Cát Hải hiện nay có 13 di tích thờ Ngài tại các đình đền miếu.

*(bảng phụ lục số 2)*

### **2.3. Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng với Cát Hải – Hải Phòng:**

#### **2.3.1. Đông Hải Đại Vương với Cát Hải xưa.**

Hải đảo thời Lý thuộc lộ Hồng Châu, còn gọi là lộ Đông Hải. Thời nhà Trần thuộc lộ Hải Đông, thời Hậu Lê là huyện Ân Phong, Chi Phong, Tư Phong, sau lại được đổi lại là Hoa Phong. Phủ Hải Đông thuộc đạo thừa tuyên An Bang, tên cũ là trấn Triều Dương, còn gọi là châu Vĩnh An, sau đổi thành trấn An Quảng. Thời Nguyễn là huyện Hoa Phong, phủ Hải Đông, trấn Quảng Yên. Từ năm 1841, vua Thiệu Trị đổi tên là huyện Nghiêu Phong (hay Ngao Phong), phủ Sơn Định, tỉnh Quảng Yên. Từ 1945 đến 1956 là huyện Cát Hải, tỉnh Quảng Ninh, từ 1956 đến nay là huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Dưới thời vua Lý Cao Tông, giặc cướp biển hoành hành, lại giặc ngoại bang xâm chiếm, nhân dân phải chịu cảnh khổ cực, khó yên ổn chài lưới kiếm sống... trong triều chỉ có duy nhất tướng quân Đoàn Thượng với văn võ toàn tài, lại từng lập nhiều chiến công, vua đã ban cho Đoàn Thượng chức Đô Nguyên Soái ra trấn giữ vùng cửa biển phía Đông. Gia Lộc là nơi từng đóng quân, lập đồn phòng thủ ở các cửa biển như Ninh Tiếp, đồn lớn ở Đảo Quan nay gọi là đảo Vân Đồn (xưa thuộc châu Vân Đồn, tỉnh Quảng Yên) do con trai của Đoàn Thượng là Đoàn Văn giữ chức Đô thống trấn giữ vùng biển Đông Bắc. Đây là một cửa quan ải mặt biển có tầm chiến lược quan trọng về quốc phòng và giao thương. Và cửa biển Ninh Tiếp, bến Gót, xác định chủ quyền quốc gia, có công đánh giặc, trừ bọn cướp biển đặc biệt nổi lên là bọn cướp Ứng Thiên, giữ cho ngư dân có cuộc sống làm ăn ổn định.

Sau khi vua Lý Cao Tông mất, triều đình về tay nhà Trần, nhận thấy không thể phục hưng lại một triều đình đã suy vi, Ngài trở về vùng Hồng Châu lập căn cứ chống lại nhà Trần, lúc này không những được người dân tin theo khắp nơi, mà Ngài còn coi trọng vùng cửa biển và cho lập căn cứ quân sự ở nơi đây, mở trường khuyến học cho ngư dân, trừ cướp biển, dạy ngư dân trồng lúa, ...

Sau khi Ngài mất, để tưởng nhớ công ơn người dân đã lập đền thờ khắp nơi trên vùng đất Cát Hải, sau khi hóa lại “âm phù vận nước”, “hộ quốc tỳ dân” được sắc phong Dực Vũ Đại Vương Thượng Đẳng Thần, được người dân nơi đây tổ chức lễ hội tưởng nhớ hàng năm.

Hiện nay trên địa bàn thị trấn có 13 di tích thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng. (*bảng phụ lục 2*)

### **2.3.2. Lễ hội thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải**

Thần không thể tách rời di tích, và càng không thể xa được các nghi thức thờ cúng, đó chính là Lễ hội. Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng là một nhân vật có thật trong lịch sử cuối thời Lý đầu thời Trần. Nhiều truyền thuyết và thần tích kể lại, Ngài chính là hóa thân của Giao Long, hay là người con thứ 50 theo cha xuống biển của Lạc Long Quân... Ngài đã có nhiều công lao trong suốt cuộc đời đấu tranh vì dân vì triều đình Nhà Lý, khi hóa lại “hộ quốc tỳ dân” được nhân dân khắp nơi tin theo và thờ phụng. Cùng với các hệ thống di tích đó chính là các lễ hội tưởng nhớ đến Ngài. Khác với lễ hội thờ cá Ông – cá Voi của ngư dân vùng miền Trung, thì ở Bắc Bộ lại thờ Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng như vị thần bảo hộ nghề nghiệp. Một

không gian đa tầng văn hóa hiện ra thật độc đáo với những lễ hội của ngư dân vùng biển Cát Hải, Hải Phòng. Đó là lễ hội Rước Kiệu tại khắp các đình làng, bản thổ Cát Hải, đặc biệt là lễ hội Xa Mã xã Hoàng Châu.

Ăn sâu trong tiềm thức của người dân Cát Hải đó là các ngày lễ lớn trong năm tại đình làng để tưởng nhớ đến vị thần mà họ tôn thờ. Họ có 3 lễ hội lớn và được tổ chức chính hàng năm. Đó là lễ hội Chèo thuyền được tổ chức ngày 21 tháng Giêng; thứ hai là lễ hội cầu ngư tổ chức vào mùng 1 tháng 4 âm lịch; và thứ ba là lễ hội Rước Kiệu thánh ngày 10 đến 12 tháng 6 âm lịch hàng năm. Riêng ở xã Hoàng Châu cúng tổ chức vào những ngày này nhưng có lễ hội độc đáo hơn đó là lễ hội Xa Mã Rước Kiệu. Theo từng làng, xã có các lễ hội khác nữa tuy nhiên ở đây chúng tôi chỉ xin đề cập đến các lễ hội tưởng nhớ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng.

#### 2.3.2.1. Lễ hội Chèo thuyền

Lễ hội này được tổ chức hàng năm vào ngày 21 tháng Giêng. Còn được gọi là lễ hội Chèo thờ Thiên Thánh. Được tổ chức nhằm cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, gặp mùa bội thu.

Tưởng nhớ đến Đức Thánh đã có nhiều công lao trong việc đánh giết bọn cướp biển hoành hành, khi ấy chỉ với công cụ thô sơ và vũ khí đánh giặc chủ yếu là thuyền. Lễ hội này như diễn lại thời hào hùng chống giặc của tướng quân Đoàn Thượng.

Nhưng lễ hội là của cả Tổng chia theo 3 giáp của 6 làng, mỗi giáp dùng một thuyền dài 15 mét, trên thuyền còn có 22 người trạo nhi, một người phát cờ, một người chèo lái, 20 người còn lại chia thành 2 bên mạn thuyền mỗi bên 10 người, chèo thuyền 3 vòng quanh đích và cự ly mỗi vòng 1,5 km.

Lễ hội được tổ chức trong 3 ngày từ ngày 19, công việc đã được chuẩn bị và đọc khai mạc lễ hội có văn nghệ chào mừng. Ngày 20, làm lễ rước nước mời tiên thánh, nước được lấy từ phía xa biển nơi có nước trong, được múc bằng gáo đồng rồi đựng trong chước, rước về tại đình để thờ trong suốt những ngày diễn ra lễ hội.

Cùng ngày đó, lễ rước kiệu thánh về thờ tại đình Gia Lộc. Nghi thức này được thực hiện theo quan niệm và lòng thành kính của người dân là mời cộng đồng tiên thánh về đình làng dự hội. Được nhân dân làm lễ trọng thể vào buổi sáng. Buổi chiều dựng cờ chèo bơi. Có ba loại cờ chèo màu đỏ, màu vàng, màu trắng. Công việc buổi tối là đọc lễ cáo yết làm chính lễ tại làng tại xã. Theo như lời của ban quản lý di tích: “có 3 thuyền rồng, mỗi thuyền có 20 người chèo, một người phát cờ, một người bẻ lái.

Lễ hội này là của huyện đảo, gồm 6 làng xã chia đều thành 3 đội chèo bơi. Hàng năm cứ đến ngày này con cháu xa gần về hết, có các khách từ Trung ương, Thành phố, Bộ Văn hóa thể thao và du lịch, các sở phòng ban, các cơ quan huyện, và UBND các nơi và các xí nghiệp làm mắm tại Cát Hải về dự hội”.

Ngày 21 là ngày tế đại lễ. Công việc được chuẩn bị từ trước đó có hai đội là Nam tế và Nữ tế. Sau lễ tế đại tế là ba đội bốc thăm thẻ cờ, đội nào bốc vào cờ màu nào thì treo cờ màu đó. Họ cũng quan niệm rằng, nếu thuyền cờ màu vàng thắng thì năm đó mùa màng bội thu, nếu cờ màu đỏ thắng thì năm đó dân làng làm ăn không thuận. Họ thi đấu hết mình không vì thừng thua mà vì họ mong cho mùa màng bội thu, mong mưa thuận gió hòa, do đó họ muốn biết năm đó mùa màng của họ sẽ ra sao.

Cùng song song với các nghi thức tế lễ, có các trò vui, trò hội thể hiện đúng văn hóa biển của họ như kéo co, thi đan lưới, thi làm bánh trôi ... để tưởng nhớ đến người có công đã dạy cho họ cách cày cấy. Trong thời chiến loạn, thuyền là phương tiện chiến đấu chủ yếu thì trong thời bình thuyền lại là phương tiện lao động, là công cụ kiếm sống chủ yếu của người dân biển, nghề ngư là nghề phụ thuộc và may rủi, họ tế lễ để cầu mùa, để thể hiện tinh thần yêu lao động, rèn luyện sức khỏe lấy tinh thần xây dựng và phát triển cuộc sống của ngư dân.

#### 2.3.2.2. *Lễ hội Rước Kiệu Thánh đình Gia Lộc*

Đình Gia Lộc được xây dựng trên nền móng của đồn binh cũ nơi Đoàn Thượng tướng quân làm căn cứ quân sự bảo vệ vùng biển phía Đông. Có tên chữ là Thiên Lộc. Đình được xây dựng với quy mô lớn vào thế kỷ XVII. Nhưng do biển lấn đình đã có 3 lần xây dựng lại. Đình hiện nay là được xây dựng lại lần thứ ba năm 1916, cạnh Nghè và chùa Gia Lộc. Đình trước đây hướng ra biển, nhưng đình hiện nay được xây dựng lại quay về hướng Bắc trên vị trí rất cao hướng về làng, người dân quan niệm rằng “thần hướng về làng để bảo vệ dân làng”. Và theo lịch sử thì hướng Bắc là hướng luôn luôn phải đề phòng, muôn thưở phải cảnh giác... Nhưng xét theo nguyên tắc xây dựng đình phải tựa lưng vào tam bảo, do đó đình được xây dựng quay về hướng Bắc. Vị trí ngôi đình là lưng tựa tam bảo, bên trái là dải Hà Sen (đảo Cát Bà), bên phải có Hồ Phục (Đồ Sơn), ở giữa là hai dòng nước tụ lại ở phía trước. Đây là vị trí Rồng Châu Hồ Phục, hội tụ được khí thiêng sông núi, đất trời và biển khơi, nơi bình yên nhất, đẹp nhất và an bình nhất.

Làng Gia Lộc chia thành các giáp, việc tổ chức lễ hội cũng chia theo các giáp, mỗi giáp đăng cai tổ chức lễ hội hàng năm. Việc tổ chức đăng cai của một giáp là phải sắp đủ cỗ cả làng thụ lộc trong mấy ngày hội.

Hội chính của Đình diễn ra từ ngày 11 đến hết ngày 14 tháng 6 âm lịch hàng năm. Đây là lễ hội lớn nhất trong năm gọi là lễ đại khánh kì phúc của Gia Lộc, chính lễ là ngày 12. Công việc tổ chức diễn ra từ ngày 11 là lễ rước nước, ngày 12 chính hội rước kiệu các chư vị tiên thánh về đình dự hội. Đội rước kiệu gồm có một đội nam rước kiệu Ông, một đội nữ rước kiệu Bà, một đội rước kiệu chức sắc (các bài vị sắc phong). Theo truyền thống là yêu cầu người rước kiệu phải thanh tịnh, không vương bụi bặm, sau đó làm lễ tế cáo yết các chư vị trong ngày này. Ngày 13 làm lễ tế đại lễ, ban tế lễ được chia thành tế cao, tế trung, và tế thấp. Họ quan niệm “quần tụ long vân” là ngày các chư vị tiên thánh về hội tụ đông đủ. Các ban ngành từ thành phố, xa phường, thị trấn và các nhà máy xí nghiệp đều tham gia dâng cúng lễ vật tỏ lòng thành kính. Theo truyền thống lễ vật thường có xôi, gà, thịt lợn, kê nhưng ngày nay, lễ vật theo các ban ngành cơ quan hay cá nhân, gia đình tự sửa soạn để cúng tiến, cũng có thể là xôi, gà, oản.. cũng có thể là hoa, quả, bia rượu, bánh kẹo, và tiền vàng...

Ngày 14 làm lễ tế tại thiên quan, tế yên vị tiên thánh tại đình rồi làm lễ rước kiệu tiên thánh hồi cung, và làm lễ rã đám.

Trong suốt những ngày diễn ra lễ hội, các trò chơi thi đấu được diễn ra song song cùng các nghi thức lễ tế, như đan lưới, chèo thuyền, cầu lông, bóng chuyền... mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị truyền thống vốn có của nó.

#### 2.3.2.3. Lễ hội Xa Mã Rước Kiệu đình Hoàng Châu

Đình Hoàng Châu hay còn gọi là đình Vàng Châu, thờ Lý triều quốc sư hiền thánh sắc phong Dục Vũ Đại Vương thượng đẳng thần, húy Đoàn Thượng. Ngài đã có công mở trường khuyến học, đánh giặc Ứng Thiên, bảo an cho nhân dân.

Tại đình có lễ hội truyền thống rất đặc biệt được tổ chức hàng năm vào ngày 9 đến 12 tháng 6 âm lịch đó là lễ hội Xa mã rước kiệu.

Theo truyền thuyết các cụ trong làng kể lại rằng; “trước kia khi đi trấn quan ải Đông Hải Đại Vương thường có hai tuần mã đi trước, đi đến đâu thắng đến đó. Khi Ngài hóa hai tuần mã theo ngài chinh chiến cũng được nhân dân thờ tự, và họ gọi là Ông Xa Mã”. Nhưng cũng có những câu chuyện “khi ngài trấn ải ở nơi đây, ngài chăm lo cho dân, mở hội khao quân dân thường tổ chức hội kéo ngựa cho quân vui”. Theo

bản ghi chép của ban quản lý di tích đình Hoàng Châu, khi xưa giặc xâm chiếm, nhân dân phải chịu cảnh lầm than đói khổ, triều đình sai hai đạo quân ra trấn giữ biên ải, đánh giặc. Hai đạo quân đi đến đâu thắng đến đó, nhân dân được cơm no áo ấm, yên ổn làm ăn... nhiều huyền thoại đến nay với người dân Hoàng Châu đã thành cái lệ. Họ thờ tự, và tổ chức dâng hương lễ hội hàng năm để tái hiện lại không khí thắng trận của hai đạo quân xưa. Do đó mà có cái tên Xa Mã Rước Kiệu.

Cùng với lễ kéo Xa Mã chính là lễ rước kiệu thánh, cũng theo truyền thống, người rước kiệu phải là người thanh tịnh không bụi bần là trai chưa vợ và gái chưa chồng.

Lễ rước chính vào ngày mùng 10 và rước rã đám ngày 12. Lý giải về thời gian tổ chức lễ hội, theo báo cáo lịch sử đình chùa Hoàng Châu của ban quản lý di tích ngày 10 tháng 6 là ngày thắng trận Ứng Thiên, theo các cụ trong làng có khi là ngày giỗ Mẫu, cũng có khi là ngày mà Vua ra lệnh tổ chức để tưởng nhớ công ơn. Theo các cụ già làng kể lại, khi dân làng chuẩn bị làm đình, có cắt cử một số người ra vùng Đông Bắc Quảng Ninh mua gỗ để về làm đình làng, gỗ đã mua xong, họ đã đóng thành bè để theo dòng mà về nhà. Nhưng kỳ lạ thay, ko có gió, trời yên biển lặng, bè không thể di chuyển. Họ đành cầu khẩn thần linh hướng Biển Đông và trời đất cho gió để mang gỗ về xây đình. Rồi chợt gió đông nổi lên rất mạnh như có phép màu nhiệm, thổi gió đưa bè xuôi dòng về kịp thời gian dựng đình. Từ đó người dân lấy ngày 10 tháng 6 hàng năm là ngày dựng đình làm lễ hội tưởng nhớ người các vị thần Đông Hải và Nam Hải.

Nhưng trên thực tế cho thấy, lễ hội thường được tổ chức vào những ngày nông nhàn, để người dân được vui chơi sau những ngày làm việc mệt nhọc. Khác với cư dân nông nghiệp nhàn rỗi những ngày xuân thu nhị kỳ, thì những ngư dân Cát Hải lại có những ngày nông nhàn và tháng 6, họ phụ thuộc vào thiên nhiên, làm nghề chài lưới tháng 6 có gió Nam to, gió Đông lớn không thể đi biển, nên những ngày tháng 6 là những ngày nông nhàn với họ, tập trung đông đủ trong xóm ngoài giáp.

Tổ chức cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, dân Khang vật thịnh cho người dân vùng biển, để tưởng nhớ đến vị thần Bản Thổ, thần hoàng làng, Mẫu và hai vị Xa Mã. Lễ hội được tổ chức hàng năm tại đình Hoàng Châu, xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải. Đình Hoàng Châu hay còn gọi là đình Vàng Châu, thờ Lý triều quốc sư



hiền thánh sắc phong Dực Vũ Đại Vương thượng đẳng thần, húy Đoàn Thượng. Ngài đã có công mở trường khuyến học, đánh giặc Ứng Thiên, bảo an cho nhân dân.

Vào khoảng thế kỷ thứ XVI, đình Hoàng Châu bây giờ cách đình Hoàng Châu xưa kia không quá 3 km, cách Đồ Sơn 3km, sớm tối cùng nhau nghe chung tiếng gà gáy.

Trải qua thời gian, khí hậu, môi trường bào mòn và thiên tai bão lụt... qua mấy trăm năm lịch sử, địa mạo địa chất thay đổi lấn chìm và bào mòn của nước biển đã đẩy lùì Cát Hải ra xa như ngày nay. Làng Hoàng Châu cũng từ đó xa dần và chuyển về hướng đông Chương Cao như ngày nay. Đình Hoàng Châu xưa kia không thể di chuyển theo bởi sự hạn chế về sức người và phương tiện còn nhiều thô sơ, người dân nơi đây đành để lại ngôi đình, giao cho xã Lương Xâm, huyện An Hải, Hải Phòng thờ tự.

Hiện di tích còn lại là chiếc sập đá Long Châu Nguyệt ở đông Chương Cao gần đền La Văn. Đến thế kỷ thứ XVII, nhân dân địa phương có mua một căn nhà gỗ ở Hà Nam thuộc tỉnh Quảng Ninh về làm đình. Đình làng Hoàng Châu hiện nay được xây dựng từ thế kỷ XVII, thời vua Gia Long. Được UBND thành phố Hải Phòng cấp bằng công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp thành phố năm 2005.

Hiện vật của đình tồn tại đến ngày nay còn có 5 bộ kiệu trong đó có 2 bộ kiệu có từ thế kỷ XVII và 3 bộ kiệu thừa thế kỷ XVIII; 2 bộ ngai to và 2 bộ ngai nhỏ; 1 khám và một pho tượng thờ công chúa Liễu Hạnh; 1 đôi long mã có từ thế kỷ XVIII đây là một tuyệt tác nghệ thuật độc đáo tính đến nay đã hơn 289 năm; 2 chắp Kính và 1 long đình của thế kỷ XVIII.

Đình hiện nay được xây dựng và trùng tu qua nhiều lần :

- lần 1 trùng tu năm Bính Thân 1916
- lần 2 năm Canh Thìn 2000
- lần 3 được xây mới lại cung thờ 2009
- năm 2010 tức năm Canh Dần cổng đình làng được xây mới hoàn toàn đánh dấu một công trình tổng thể gồm đình, chùa văn từ và 2 miếu trong làng. Văn từ thờ đức thánh Khổng Tử; Miếu Đông thờ Thành Hoàng Phó Nguyên Sứ, Miếu Tây thờ Đức Bản Thổ Đô Nguyên Sứ, chính cung đình thờ Tiên Thiên Thánh Mẫu – chính vị Bà Đức Chúa Liễu Hạnh; còn chùa Thờ Phật.

Khác với lễ Nghinh Ông của ngư dân miền Trung, họ tổ chức như nghi lễ của một đám tang hay đám cải táng rồi hát bả trạo...giống như đám tang truyền thống Việt Nam, mà với ngư dân Cát Hải, họ thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng như một vị thành hoàng làng với những nghi thức như của cư dân nông nghiệp: có xôi, oản, hương, hoa, thịt lợn, thịt gà, đặc biệt là có bánh giầy – một sản phẩm không thể thiếu với cư dân trồng lúa...có văn tế trong các lễ hội truyền thống nông nghiệp không hát Bả trạo như lễ Nghinh Ông. Bên cạnh đó, lễ hội rước kiệu tế thần được tổ chức theo nghi thức lễ truyền thống của các lễ hội truyền thống miền Bắc Bộ. Các trò hội truyền thống nông nghiệp, ngư nghiệp được kết hợp tổ chức như thi làm bánh giầy, bánh trưng, kéo co, hát quan họ, thi chèo thuyền, đan lưới... tạo cho lễ hội ở nơi đây sự giao hòa giữa văn hóa biển với văn hóa đồng bằng, giữa ngư nghiệp với nông nghiệp.

Việc tổ chức trọng thể được quy định hàng năm vào ngày 10 đến 12 tháng 6 âm lịch, không như lễ Nghinh Ông khi nhìn thấy xác cá Ông trôi dạt vào và tổ chức đám tang, sau đó làm lễ cải táng xác cá Ông. Công việc tổ chức lễ hội được diễn ra từ trước ngày hội chính 20 ngày. Do số lượng người rước kiệu cần nhiều và đội tế cũng vậy, lại có yêu cầu nghiêm ngặt về người tế và rước, do đó công việc thâm nhập chọn nam quan, nữ quan đã được tiến hành sớm gần một tháng. Đội hình rước kiệu có tất cả 24 người, trong đó:

- Kiệu chính có 8 người khiêng
- Kiệu Mẫu có 8 người
- Kiệu nhỏ nam quan có 4 nam khiêng
- Kiệu nhỏ nữ quan có 4 nữ khiêng

Bên cạnh đó, đội tế lễ cũng được chọn lựa kỹ càng; gồm một ông chủ lễ, một ông chào vua, một ông đọc văn làm lễ chính và thành viên của hai đội tế. Các đình phe và các tiểu ban được thành lập; gồm đội nữ nấu oản, xôi..., đội thâm nhập nam quan, nữ quan do 4 trưởng thôn đảm nhiệm, độ xa mã và đội kéo co... tất cả đều được chuẩn bị và chọn lựa thật kỹ càng. Trước ngày hội làng tổ chức một ngày khoán làng để họp bàn thông báo về công tác chuẩn bị của các tiểu ban.

Đến ngày hội được tổ chức từ mùng 9, là ngày thay áo quan bằng nước ngũ vị hương, làm lễ tế mời quan về đình làng, trong cung chỉ có chủ lễ, cai đám và chào vua mới được thay bã trầu. Chính hội ngày mùng 10, sau khi làm lễ tế nghinh rước hai Ông Xa mã ra ngoài xong, làm lễ tế (đội nam tế trước, nữ tế sau), dân được vào làm lễ cùng

các ban ngành cơ quan đoàn thể vào làm lễ dâng hương... các lễ vật thờ cúng truyền thống có đầu lợn, gà nguyên con, chào oản, hương, hoa...trong ngày đó, lễ rước kiệu được tiến hành sau khi chủ lễ đọc văn khấn. Tiếp theo là lễ kéo xa mã để phù giá trước chư vị thần. Không một ai có thể biết trước được là lễ rước kiệu sẽ diễn ra trong bao lâu, nhưng đến 4 hoặc 5 giờ chiều mới được làm lễ tế yên vị rước vào cung.

Ngày 11 làm lễ tế trực nhật và ngày 12 làm lễ rã đám. Kiệu lại được rước lên ban ra ngoài rồi hai giáp lại xa mã phù giá, sau đó làm lễ tế yên vị và đóng cửa đền.

Trong suốt những ngày lễ hội diễn ra, các phần hội được tổ chức xen kẽ vào các hoạt động thờ cúng. Các buổi biểu diễn văn nghệ, hát chầu văn, trò chơi chọi gà, đánh bóng chuyền, đánh cờ người....

Cũng chưa có văn bản nào giải thích đầy đủ tại sao lại có lễ hội đặc biệt này. Đặc biệt không chỉ ở cái tên mà còn ở nghi thức trong lễ tế, không ai giải thích được tại sao kiệu lại “bay”, không ai làm chủ hay sai khiến những kiệu thánh ấy đi dọc hết thôn này làng kia, cũng có năm người dân nói đi cả tiếng đồng hồ trên cả đường lớn và bờ mương... không ai giải thích được rằng những người rước kiệu kia khi khênh kiệu chạy lâu như vậy mà không ai thấy mệt, nhiều khi lao ra biển ướt đẫm người mà họ không hề dừng lại, thậm chí làm họ quay tròn đến mấy vòng liên tục mà không thấy khác lạ gì giữa cái nắng chói chang của mùa hè tháng 6,... tất cả với họ là sự linh thiêng, họ tin vào thần, tin vào sự phù hộ, bảo trợ của thần. Đó chính là nét đặc biệt của lễ hội này khác với lễ Nghinh Ông của ngư dân miền trung.

### ***2.3.3. Ý nghĩa của việc thờ thần Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải***

Từ truyền thuyết sinh ra gắn với biển cả và sông nước, khi lớn lên lại càng anh tài xuất chúng, được triều đình trọng dụng với văn võ toàn tài. Suốt những năm tháng cống hiến cho triều đình, được tin cậy là người có thể gánh đáng được nhiều trọng trách quan trọng, phải gánh vác nhiều trọng trách lớn đặc biệt là giặc cướp biển, bảo an cuộc sống cho nhân dân. Cùng với biển cố lịch sử, Ngài lại trở về vùng Hồng, với quanh năm sông nước bảo vệ cuộc sống nhân dân, chăm lo cày cấy...được nhân dân ủng hộ. Như vậy có thể nhận thấy, với nhân dân nơi đây, tôn thờ Ngài như bậc phụ mẫu, một vị thần Bản thổ của địa phương. Họ tin, họ thờ phụng và trong thế giới tâm linh của họ luôn luôn là một vị thần bảo trợ cho họ.

Mỗi lần lễ hội là một lần họ được tưởng nhớ đến công lao to lớn của Ngài với nhân dân Cát Hải, không chỉ là nơi đóng đồn binh ghi lại dấu ấn lịch sử, mà nơi đây còn là nơi Ngài đã dạy dân cày cấy, dạy dân trồng lúa, dạy dân chữ viết, đánh giặc Ung Thiên giúp cho nhân dân có yên tâm làm ăn, sinh sống...

Đối với mỗi người dân nơi đây, họ kiếm sống bằng nghề sông nước, phụ thuộc chủ yếu vào thiên nhiên, với họ thần thánh luôn là người có thể che chở và bảo hộ cho cuộc sống lành đềm bình cả. Nhưng với họ từ bao đời nay, truyền tụng nhau gìn giữ những giá trị truyền thống mà cha ông đã để lại từ những buổi đầu khai hoang lập ấp.

Đề ngày hôm nay đây, họ tưởng nhớ về với tấm lòng thành kính qua lễ hội trang trọng mà đến nay còn chưa được biết đến nhiều. Bởi cuộc sống của họ xa đất liền nên tín ngưỡng thờ thần Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng đến nay còn ít bị pha trộn và gần như còn nguyên giá trị tâm linh vốn có trong tâm thức mỗi người dân nơi đây.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Những nét đặc sắc hiếm có của lễ hội nơi đây đã làm nổi bật lên công trạng của các vị thần, làm nổi bật lên những nét văn hóa đặc sắc của ngư dân Cát Hải – nơi đầu sóng ngọn gió của Hải Phòng. Nhưng hơn thế nữa, lễ hội không chỉ thể hiện điều đó mà trong lòng người dân nơi đây là sự biết ơn, trân trọng và tưởng nhớ đến Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng, người đã cho họ cuộc sống bình yên, an cư chài lưới...

Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng là một danh tướng tài ba, trung nghĩa, đức độ yêu dân, can đảm mưu lược, “nhân, nghĩa, lễ, chí, tín” có đủ cả. Người đã có công lớn trong việc cứu dân thoát khỏi cảnh cướp bóc, lầm than, giúp dân cày cấy, xây dựng cuộc sống, lại có lòng phò Lý chống Trần. trong suốt 33 năm chiến đấu liên tục, ngài luôn được nhân dân ủng hộ và tin theo. Sau khi Ngài hóa vẫn luôn “âm phù vận nước” cho đến mãi sau này và đến ngày hôm nay.

Được các triều đại nào cũng trao tặng sắc phong, trước năm 1938, mỗi làng đình hoặc đình miếu nơi đâu cũng có đến trên dưới chục sắc phong. Hiện nay trên đại bàn Hải Phòng thống kê được có 6 sắc phong ở các nơi: Đình làng Gia Lộc, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải có 5 sắc phong; đình Gia Viên 1 sắc phong.

Vua Khải Định đã viết một sắc phong được dịch: “Hoàng đế Khải Định triều Nguyễn sắc chỉ ban cho các làng có đình, đền, miếu cùng phụng thờ lý triều Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng, Quốc sư hiển thánh dực vũ Đại Nguyễn Soái, Thái Sư phụ quốc, Thái úy tổng đốc binh sự, Quốc công tiết chế, Binh bộ thượng thư, Tham nghị đô đài ngự sử, Tuần sát sứ giả, Đô thống, Đốc bộ Sơn Nam, Trấn thủ Hồng Châu – Đông Hải, đã từng có công giúp nước cứu dân, một niềm trung nghĩa, đánh giặc trừ tà phù chính, đem lại phúc lành cho nhân dân...; nổi tiếng thiêng liêng, uy linh ứng nghiệm. Nay gặp tuần Đại Khánh, trăm bốn mươi tuổi, ban chiếu báo ơn sâu, lễ thăng lên bậc, sắc phong thượng thượng đẳng phúc thần giúp trăm bảo vệ sự nghiệp trung hưng đất nước, chuẩn cho các làng xã cùng phụng thờ tế lễ như lệ cũ theo sách của triều đình đã ghi những nơi thờ tự. Tôn thần sẽ giúp bảo vệ nhân dân ta. Hãy kính nghe theo sắc.

Niên hiệu Khải Định thứ 9, ngày 25 tháng 7 năm Giáp Tý(1924).”

Có nhiều địa phương trên toàn Bắc Bộ phụng thờ Ngài làm thành hoàng, không chỉ riêng có Hải Phòng. Nhưng trong nếp cũ, trong lối sống, trong tâm linh tín ngưỡng

của người dân. Tướng quân Đoàn Thượng không chỉ là một danh tướng có công trong lịch sử dân tộc, mà còn là một vị thần bảo hộ cho cuộc sống của họ, là một thủy thần đối với những ngư dân Cát Hải, Hải Phòng.

### **CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP KHAI THÁC DI TÍCH – LỄ HỘI THỜ ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG ĐOÀN THƯỢNG Ở CÁT HẢI PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẢI PHÒNG**

#### **3.1. Thực trạng khai thác di tích - lễ hội thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải:**

##### **3.1.1. Thực trạng khai thác du lịch của Cát Hải**

Địa bàn huyện Cát Hải ngày nay vốn là một đơn vị hành chính được thành lập vào loại xưa nhất của thành phố Hải Phòng. Theo các sách chí cũ, thời Bắc Thuộc là huyện Ân Phong (có sách chép là Tư Phong, chữ Ân và chữ Tư giống mặt chữ, có thể do khắc hoặc viết nhầm) thuộc Nham Châu. Sau huyện Ân Phong đổi ra là Chi Phong (chữ Chi có nghĩa là chi, phái). Thời thuộc Minh, huyện Chi Phong lệ vào phủ Tân Yên và phủ lý, phủ Tân Yên có lúc đặt ở xã Hoà Hy của huyện này. Đến thời Lê Sơ, đổi là Chi Phong (chữ “Chi” có nghĩa là cỏ lệ chi) cho lệ vào phủ Hải Đông, sau lại đổi tên huyện Chi Phong thành Hoa Phong.

Thời Tây Sơn, huyện Hoa Phong thuộc phủ Hải Đông trấn Yên Quảng (còn gọi là An Quảng). Trước năm 1813, huyện Hoa Phong gồm 2 tổng với 15 xã, phường là tổng An Khoái (sau đổi Đôn Lương) trên đảo Cát Hải và tổng Hà Liên (sau đổi Hà Sen) trên đảo Cát Bà. Tổng An Khoái tương ứng với phần đất của toàn bộ xã Đồng Bài, một phần xã Gia Lộc, toàn bộ thị trấn Cát Bà, xã Hoàng Châu, xã Nghĩa Lộ, xã Văn Phong trên đảo Cát Hải ngày nay, gồm 10 xã, phường cũ là: An Khoái, An Phong, Đồng Bài, Hoà Hy, Hoàng Châu, Lục Độ, Lương Lãnh, Thiên Lộc, Văn Minh và phường Cao Mại. Sau đổi An Phong thành phong Niên, Cao Mại thành Cao Minh, Lương Lãnh thành Lương Năng, Thiên Lộc thành Gia Lộc. Tổng Hà Liên bao gồm phần đất tương ứng với các xã Trân Châu, Gia Luận, Phù Long, Xuân Đám, Hiền Hào và thị trấn Cát Bà trên đảo Cát Bà ngày nay, gồm 5 xã cũ là: Chân Châu (sau đổi thành Trân Châu). Đường Hào (sau đổi thành Hiền Hào), Xuân Áng (sau đổi thành Xuân Đám), Phù Long, Gia Luận. Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), cắt tổng Vân Hải của châu Vân Đồn cho lệ vào huyện Hoa Phong (tên cũ của huyện Cát Hải ngày nay), sau tổng Vân Hải lại bị cắt trả về châu Vân Đồn như cũ. Năm Thiệu Trị thứ I (1840), huyện Nghiêu Phong được thành lập, về cơ bản vẫn là huyện Hoa Phong cũ. Đời Tự Đức, huyện Nghiêu Phong lệ vào phủ Sơn Định, tỉnh Quảng Yên. Thời Pháp thuộc, đổi huyện Nghiêu Phong thành huyện Cát Hải, vẫn thuộc tỉnh Quảng Yên như cũ. Lúc

này, huyện Cát Hải gồm 2 tổng Đôn Lương và Hà Sen, tổng Đôn Lương có 10 xã và tổng Hà Sen có 5 xã và phố Các Bà.

Sau năm 1945, huyện Cát Hải và thị xã Cát Bà thuộc tỉnh Quảng Yên, đến ngày 5-6-1956, cả hai đơn vị hành chính này được sát nhập vào thành phố Hải phòng.

Ngày 11-3-1977, huyện Cát Bà sát nhập với huyện Cát Hải thành một đơn vị hành chính mới lấy tên là huyện Cát Hải. Ngày 13-3-1979, giải thể xã Cao Minh, huyện Cát Hải còn 11 xã. Ngày 23-4-1988, thành lập thị trấn Cát Bà, giải thể xã Hoà Quang và xã Gia Lộc để thành lập thị trấn Cát Hải. Huyện đảo Cát Hải hiện có 10 xã và 2 thị trấn. Ngoài cư dân bản địa, dân Cát Hải là người cộng đồng muôn phương, thạo nghề sông nước như Thái Bình, Nam Định, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Tây, Quảng Ninh... Bên cạnh cư dân gốc Việt là cơ bản, trước đây còn có khá đông người Hoa sinh sống. Họ từ mọi miền và các tỉnh ven biển của Trung Quốc đến định cư tại Cát Bà. Sau “sự kiện người Hoa” năm 1978, hầu hết người Hoa rời đảo ra đi. Để phân bố lại lực lượng trên địa bàn, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất và bảo vệ đảo, một bộ phận cư dân Đồ Sơn, Tiên Lãng, An Lão được bổ sung cho huyện đảo Cát Hải, nhân dân xã Cao Minh bên Cát Hải được bố trí chuyển cư hẳn sang Cát Bà, do đặc điểm địa hình, nên việc phân bố dân cư của huyện không đồng đều, có nơi dân sống tập trung như thị trấn Cát Bà, thị trấn Cát Hải, xã Nghĩa Lộ; có nơi dân cư sống thưa thớt, biệt lập như Gia Luận, Việt Hải.

Do quá trình hình thành và phân chia địa hình theo suốt chiều dài lịch sử đã cho Cát Hải những nét văn hóa vô cùng đặc sắc giữa văn hóa biển đảo với văn hóa nông nghiệp truyền thống, cùng những di tích, những lễ hội độc đáo mà ít địa danh nào có được. Đến nay đang rất cần được khai thác.

Việc phân bố dân cư và địa hình chủ yếu của Cát Hải đã hình thành cho con người nơi đây môi trường sông nước, họ sinh sống bằng nghề đánh cá, đi biển. Cho đến nay con người nơi đây vẫn không ngừng sản xuất để hình thành cho mình những sản phẩm kinh doanh buôn bán từ môi trường này, hình thành những môi trường sản xuất, những hộ kinh doanh sản phẩm... tạo cho Cát Hải một diện mạo mới với những món đặc sản thu hút khách du lịch từ khắp nơi như nước mắm, muối, cá, tôm...

Như vậy có thể nói, Cát Hải hiện còn lưu giữ nhiều dấu ấn lịch sử trải qua bao trận chiến lịch sử, những con người đã từng đoàn kết gắn bó ngay từ buổi đầu khai hoang lập ấp. Họ lại đang gìn giữ những nét văn hóa còn nguyên vẹn về giá trị truyền



thông mà ít nơi nào có được. Nhưng hiện tại những giá trị đó lại đang tồn tại dưới dạng tiềm năng, chưa được khai thác hết giá trị của nó cho hoạt động du lịch.

Cát Hải nằm trên vị trí tiếp giáp với đảo Cát Bà với đường xuyên đảo thuận lợi cho khách đi lẻ thích trải nghiệm, như tiến hành các chương trình du lịch đồng quê, đạp xe xuyên đảo... Nhưng trên thực tế chương trình du lịch này chỉ có những vị khách tây ba lô thực hiện.

Cùng với những giá trị vốn có từ trong lịch sử còn lưu lại, nằm ở vị trí nơi đầu sóng ngọn gió của Hải Phòng, xuôi theo dòng sông Nam Triệu, với cái nắng trời cùng những cơn gió biển, người dân nơi đây bao đời nay sinh cơ lập nghiệp từ dòng sông này, là dòng sông con của dòng sông Bạch Đằng Giang. Nơi đây năm 938, Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán, mở ra nền độc lập lâu dài của Đại Việt... tất cả đều có giá trị rất lớn trong lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương. Nhưng lại chưa phát triển tương xứng với tiềm năng ấy.

### ***3.1.2. Thực trạng khai thác các di tích và lễ hội thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải***

Như đã nói trên, hiện nay trên địa bàn huyện Cát Hải đều có di tích thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng. Các di tích này hiện nay đều đã được xây dựng lại. Do nhiều nguyên nhân như biển lấn, do điều kiện dân sinh đã phá đình đền để xây dựng nhà ở và xây dựng khu kinh doanh sản xuất... , mà hệ thống các di tích hiện nay đã được thay đổi phần lớn, chỉ còn giữ lại một số di vật, chứng tích có giá trị lịch sử.

Qua khảo sát thực tế cho thấy, phần lớn hệ thống các đình, chùa, miếu ở Cát Hải đã được xây mới lại từ những năm 1997 trở lại đây, và có khi được trùng tu sửa mới từ những năm 2000. Nhưng cũng có một số ngôi đình chùa hiện nay đã quá cũ như đình Hoàng Châu, hệ thống các đồ tế lễ phần lớn đều bị hư hỏng nhiều... do đó rất cần được quan tâm và tôn tạo đúng mức và kịp thời.

Lễ hội ngày nay còn nhiều nét nguyên vẹn song một số kiêng kỵ đã bị cắt bớt, như lễ hội Rước Kiệu ở đình Gia Lộc, trước đây yêu cầu các chân kiệu phải là người trong làng, và trong sạch, là trai chưa vợ, gái chưa chồng, nhưng ngày nay đã không còn như vậy nữa, mà chỉ cần là người thanh tịnh và gốc người làng là được, hay như lễ hội Xa Mã Rước Kiệu đình Hoàng Châu cũng vậy, yêu cầu tuy còn giữ nguyên nhưng vì đồ tế lễ và rước đã quá cũ, bị hư hỏng nhiều nên phần hội đã cắt đi một phần rước kiệu truyền thống vào ngày 12 tháng 6 âm lịch, theo truyền thống lễ hội hàng năm phải

được tổ chức lễ xa mã và lễ rước kiệu hai lần, nhưng hiện nay do nhiều nguyên nhân như yêu cầu về độ tuổi tham gia chân kiệu đi học hoặc đi làm ăn xa... mà lực lượng trực tiếp tham gia lễ hội không nhiều dẫn đến không đủ số người tham gia, nên việc cứ 3 năm mới có rước kiệu lần hai vào ngày 12. Còn đình Gia Lộc, tuy đã được xây dựng lại tương đối hoàn chỉnh, song việc tổ chức lễ hội cũng bị biến đổi tương đối, yêu cầu về các chân kiệu chưa vợ, chưa chồng và là người trong làng đã phải cắt bớt sự khắt khe về các yêu cầu đó.

Do đó, cần có các biện pháp cụ thể trong công tác tổ chức và bảo vệ di tích có hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững và duy trì lâu dài tín ngưỡng truyền thống địa phương.

### **3.2. Giải pháp bảo tồn, khai thác di tích - lễ hội thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng ở Cát Hải phục vụ phát triển du lịch**

#### **3.2.1. Bảo tồn, tôn tạo hệ thống di tích và duy trì lễ hội truyền thống địa phương**

Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về bảo tồn và phát huy lễ hội truyền thống trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Công cuộc đổi mới là một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển đất nước. Những thay đổi sâu sắc nhất bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, ở đó, thay vì nền kinh tế quan liêu, bao cấp, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương thực hiện phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa; một nền kinh tế có nhiều thành phần tham gia. Để có những thay đổi mang tính cách mạng trong đời sống chính trị - kinh tế - xã hội và văn hoá, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành hàng loạt các chủ trương, định hướng, luật, chính sách; những văn bản có ảnh hưởng đến sự phát triển của lễ hội và công tác bảo vệ di tích.

Văn bản quan trọng nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam ảnh hưởng đến sự phát triển văn hoá nói chung hiện nay là Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VIII). “Đây là Nghị quyết được coi là chiến lược văn hoá của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá”.

Trên tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, hàng loạt các giải pháp xây dựng và phát triển văn hoá, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân đã ra đời. Chỉ thị số 27 -CT/TW ngày 12 - 1- 1998, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; Chỉ thị số 14/1998/CT -TTg ngày 28 - 3 - 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nếp sống văn minh

trong việc cưới, việc tang, lễ hội đã dẫn đến việc ra đời Thông tư số 04/1998/TTg – BVHTT ngày 11 – 7 - 1998 của Bộ Văn hoá – Thông tin hướng dẫn thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Hệ thống luật pháp có liên quan đến văn hoá cũng đang trên đường hoàn thiện, trong đó có những văn bản liên quan đến lễ hội cổ truyền, như những văn bản được cụ thể hoá bằng các luật như Luật Di sản văn hoá, bằng các quy chế như Quy chế tổ chức lễ hội. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã tiến hành đầu tư qua Chương trình Quốc gia có mục tiêu về văn hoá cho việc nghiên cứu, sưu tầm, phục hồi các giá trị văn hoá phi vật thể, nhờ đó, huy động sự quan tâm của cộng đồng đối với các sinh hoạt văn hoá phi vật thể (trong đó có lễ hội).

Để bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống của người dân nơi đây, theo đúng sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đến một số vấn đề về công tác bảo tồn di tích, Chính quyền địa phương cần có các biện pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện và phổ biến hệ thống văn bản pháp quy về Di tích và lễ hội; thể chế hoá, cụ thể hoá và phổ biến các văn bản pháp quy về di tích và lễ hội. Các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý địa phương có nhiệm vụ thường xuyên tuyên truyền giáo dục nhân dân góp sức bảo vệ di tích lịch sử- văn hoá; tăng cường phổ biến thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm sách báo... để giúp cho nhân dân và du khách hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng, giá trị văn hoá - lịch sử của di tích, từ đó tạo dựng trong họ mối quan hệ đồng cảm, gắn bó, ý thức giữ gìn di tích. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hải Phòng cần nâng cao nhận thức cho du khách, làm cho họ có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ giá trị văn hoá của di tích và lễ hội truyền thống nơi đây.

Thứ hai, quản lý, tổ chức và khai thác lễ hội, phát triển du lịch lễ hội; có chính sách đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học về lễ hội. Việc định hướng tổ chức các hoạt động văn hoá nghệ thuật của lễ hội phải được dựa trên những nghiên cứu khoa học về mỗi loại lễ hội cụ thể, để phát hiện ra các giá trị đích thực của mỗi lễ hội. Cần phân định rõ trách nhiệm của Ban Văn hoá xã, của các cơ quan nghiên cứu văn hoá và cơ quan văn hoá địa phương cũng như sự phối kết hợp giữa các cơ quan này trong việc nghiên cứu lịch sử, tính chất, đặc điểm, đặc trưng, đặc sắc... của mỗi lễ hội. Với các cơ quan nghiên cứu văn hoá, cần có sự nhìn nhận và đánh giá một cách khách quan đâu là giá trị tích cực của lễ hội cần phát huy, đâu là những yếu tố tiêu cực cần hạn chế thậm chí loại bỏ. Cụ thể, phải nhận diện được đâu là tín ngưỡng dân gian, đâu là mê tín dị

đoan: đâu là những giá trị vốn có, đâu là những yếu tố lai tạp, vay mượn, chấp vá... phải đặt lễ hội truyền thống trong chính cuộc sống hôm nay, tức cần nghiên cứu, đánh giá xem lễ hội truyền thống đáp ứng nhu cầu gì cho xã hội đương đại và xã hội tương lai, sức hấp dẫn của lễ hội nằm trong những yếu tố, hoạt động, lễ thức nào..., từ đó mới có chính sách quản lý, sử dụng, đầu tư và khai thác lễ hội một cách hợp lý. Trên cơ sở các nghiên cứu khoa học về lễ hội, cần có biện pháp cụ thể để phục hồi và quản lý khoa học, không làm mất đi sắc thái riêng của từng lễ hội truyền thống.

Nhận thức đúng đắn vấn đề xây dựng mô hình lễ hội, không nên áp đặt một mô hình cố định với những chi tiết cụ thể cho phương thức thể hiện các sinh hoạt lễ hội càng không thể áp đặt những cải biến (dưới danh nghĩa thử nghiệm hay nghiên cứu khoa học) cho bất cứ lễ hội truyền thống nào. Mô hình các lễ hội phải là một mô hình gợi mở cho những sáng tạo cá thể. Những sáng tạo cá thể ấy, nếu đáp ứng được yêu cầu thể hiện bản sắc văn hoá cộng đồng, được cộng đồng chấp nhận, tự nó sẽ gia nhập và trở thành những yếu tố bền vững của mô hình, làm cho mô hình được biến đổi theo hướng tự hoàn thiện hơn. Mọi sự can thiệp thô bạo và áp đặt đều có thể làm mất đi sắc thái riêng trong hoạt động của mỗi lễ hội truyền thống của địa phương.

Cơ quan văn hoá địa phương phải chịu trách nhiệm về việc lựa chọn người đứng ra tổ chức lễ hội. Do đó phải đề ra những tiêu chuẩn cụ thể, ví dụ ngoài những tiêu chuẩn cơ bản như có đạo đức, có uy tín, còn phải là người có năng lực tổ chức và đặc biệt phải hiểu biết cặn kẽ về lịch sử, nguồn gốc, nội dung cũng như các lễ thức của lễ hội truyền thống ở địa phương, tránh tình trạng vay mượn lễ thức giữa các lễ hội một cách tùy tiện.

Việc bảo tồn lễ hội phải được tiến hành theo hai hướng. Thứ nhất là lưu giữ, tức là bảo tồn các hiện tượng sinh hoạt lễ hội ở ngoài môi trường nó nảy sinh và tồn tại, trên cơ sở tiến hành điều tra sưu tầm, thu thập và lưu giữ bằng văn bản, băng hình, phim ảnh làm cơ sở để nghiên cứu, phục hồi những hình thức sinh hoạt lễ hội đã bị mai một, những nghi thức, nghi trình đã bị thất truyền. Thứ hai là trả lễ hội về với môi trường nguyên hợp của nó, tức bảo tồn ngay trong chính đời sống cộng đồng đã sản sinh ra nó, trong chính môi trường xã hội mà nó nảy sinh, tồn tại, để nó tiếp tục biến đổi và phát huy vai trò dưới tác động của những điều kiện xã hội cụ thể. Để thực hiện hiệu quả hai hướng bảo tồn trên, bên cạnh đẩy mạnh công tác quản lý tổ chức lễ hội, cần thiết phải lập và triển khai các chương trình quốc gia về bảo tồn và phát huy các di

sản văn hoá lễ hội truyền thống, tăng cường sưu tầm, bảo lưu, nghiên cứu giới thiệu rộng rãi các giá trị văn hoá lễ hội truyền thống ở các địa phương trong huyện, tạo nên lòng tự hào về di sản văn hoá lễ hội, ý thức giữ gìn, bảo vệ, phát huy lễ hội cổ truyền trong mỗi người dân, ví dụ cần có nhiều chương trình thực tế hơn nữa giống như chương trình du lịch S Việt Nam.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thành phố cần tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn lễ hội truyền thống. Những tài liệu về lễ hội đã sưu tập, nghiên cứu được trong thời gian qua chỉ là một phần nhỏ. Nhiều tư liệu quý hiếm còn nằm trong đời sống nhân dân và đang đứng trước nguy cơ bị mai một, rất cần đầu tư bảo vệ.

Chú trọng chính sách đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động bảo tồn và khai thác lễ hội; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử-văn hoá và tổ chức các hoạt động lễ hội truyền thống để duy trì tín ngưỡng văn hóa đại phương; chỉ đạo, quản lý, tổ chức tốt lễ hội, quan tâm đến việc khôi phục, phát huy các lễ hội của địa phương.

Trong các lễ hội truyền thống nơi đây, cần nâng cao chất lượng phân lễ và phần hội, tránh sao chép các mô hình không phù hợp, tránh đơn điệu, nhàm chán, tránh phát sinh các hiện tượng tiêu cực, như cờ bạc, bói toán cùng các biểu hiện phi pháp khác. Mặt khác, cần quan tâm hơn nữa công tác vệ sinh, môi trường nơi diễn ra lễ hội.

Về chính sách đầu tư tài chính. Đối với ngành Văn hoá, Thể thao và du lịch, việc tổ chức thường xuyên các hoạt động lễ hội thường gặp không ít khó khăn về mặt kinh phí. Trước đây lễ hội được tổ chức nhờ nguồn đóng góp vật chất của nhân dân địa phương nơi mở lễ hội, phụ thuộc chủ yếu vào kết quả sản xuất của người dân. Được mùa thì hội to, mất mùa thì hội nhỏ, thậm chí không tổ chức hội. Nay việc tổ chức lễ hội phụ thuộc vào kinh phí ít ỏi đóng của nhân dân địa phương và ngân sách nhà nước. Vì thế, để tổ chức lễ hội truyền thống một cách thường xuyên, đều đặn rất cần đến sự đóng góp nguồn thu từ ngành “kinh tế du lịch lễ hội”. Việc sử dụng, khai thác tài chính thu được từ lễ hội và di tích gắn với lễ hội cần phải được định hướng cụ thể. Trong nhiều trường hợp, kinh phí thu được đã không được tái sử dụng phù hợp để tôn tạo di tích và tái tổ chức lễ hội, hoặc nếu có thì ở mức độ chưa được thoả đáng.

Chính vì vậy, cần sớm ban hành thông tư liên bộ, giữa Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch với Bộ Tài chính quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ lễ hội mang lại, điều hoà ngân sách tài chính thu được từ du lịch cho tu bổ di tích và tổ

chức lễ hội truyền thống ở các cấp, nhất là cấp cơ sở như các lễ hội truyền thống ở Cát Hải.

### **3.2.2. Giải pháp duy trì tín ngưỡng truyền thống địa phương**

Trong một vài thập kỷ gần đây, vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo có xu hướng phát triển và có những diễn biến phức tạp liên quan đến vấn đề xung đột dân tộc, sắc tộc ở nhiều quốc gia dân tộc đã và đang thu hút sự quan tâm, nghiên cứu của nhiều người, đặc biệt là các nhà nghiên cứu, các nhà chính trị, các nhà hoạch định chính sách... Trong giai đoạn hiện nay, xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt, đối với văn hóa, quá trình toàn cầu hóa đã và đang gây ra nguy cơ suy thoái văn hóa, bị nô dịch về văn hóa ở một số quốc gia, mà trước hết là các nước chậm và đang phát triển. Chính vì vậy, việc bảo tồn và phát triển văn hóa bản địa là một nhu cầu cấp thiết nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của mỗi quốc gia, dân tộc.

Đối với việc duy trì tín ngưỡng truyền thống địa phương, cần có nhiều biện pháp thiết thực:

Tuyên truyền phổ biến rộng rãi các văn bản pháp luật của nhà nước về bảo tồn và duy trì tín ngưỡng truyền thống địa phương, tránh hiện tượng mê tín dị đoan...

Cần có các biện pháp thiết thực trong công tác tổ chức các lễ hội ở Cát Hải. Trong những năm qua, công tác tổ chức và quản lý lễ hội ở địa phương cần có nhiều chuyển biến tích cực, từ tư duy nhận thức của các cấp lãnh đạo và người dân địa phương; việc ban hành và thực thi các văn bản quản lý trong công tác tổ chức, công tác thanh tra, kiểm tra lễ hội cho đến việc phục hồi và phát huy có hiệu quả lễ hội, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân địa phương.

Các lễ hội cần được tiếp tục tổ chức các nghi thức cúng lễ trang trọng, linh thiêng và thành kính. Chương trình tham gia phân hội phong phú hấp dẫn, bảo tồn có chọn lọc những phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương theo xu hướng lành mạnh, tiến bộ, tiết kiệm, tổ chức các hoạt động văn hóa dân gian, diễn xướng dân gian... để quảng bá, giới thiệu những giá trị văn hóa của địa phương.

Những công tác bảo tồn tôn tạo hệ thống di tích cần có khoa học và quan tâm đúng mức tránh làm biến dạng để bảo tồn các giá trị truyền thống vốn có, đồng thời để người dân nhận thức đúng đắn hơn về vị thần được thờ.

Công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức như, loa phát thanh, đài báo... là biện pháp hiệu quả nhất để nhắc lại, truyền đạt đến người dân địa phương về các vị thần, về lịch sử đình làng và lễ hội. Giúp người dân hiểu rõ hơn về tín ngưỡng truyền thống địa phương mình, bên cạnh đó còn là cơ hội để quảng bá lễ hội truyền thống địa phương đến du khách trong và ngoài thành phố.

### **3.2.3. Khai thác lễ hội ở Cát Hải phục vụ phát triển du lịch lễ hội**

Với tư cách là tài nguyên du lịch nhân văn đặc biệt, bản thân các lễ hội hay việc tổ chức các lễ hội kết hợp phát triển du lịch là mô hình mới được hình thành những năm gần đây và đang trên đà phát triển mạnh, đem lại những hiệu quả văn hóa và kinh tế thiết thực như những đánh giá của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Hội nghị triển khai công tác văn hóa, thể thao và du lịch: “Hoạt động lễ hội đã thực sự trở thành hoạt động văn hóa du lịch, quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế”.

Nhờ công tác chỉ đạo quyết liệt của Bộ và sự vào cuộc của các cơ quan chuyên môn như Thanh tra Bộ, Cục Văn hóa cơ sở, Cục Di sản Văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, trong mùa lễ hội vừa qua, một số tồn tại trong công tác quản lý, tổ chức lễ hội ở Cát Hải đã có những thay đổi cơ bản.

Trong kỷ nguyên công nghiệp hoá, hiện đại hoá, toàn cầu hoá, xã hội phát triển toàn diện thì cuộc sống của nhân dân lao động sẽ không ngừng được cải thiện và nâng cao về mọi mặt, nhất là với một huyện đảo như Cát Hải lại càng có điều kiện để thay đổi. Do vậy, nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần sẽ cao hơn nhiều so với xã hội hiện nay. Khi ấy nhu cầu về tín ngưỡng, tâm linh của nhân dân lao động trở thành nhu cầu cấp thiết không thể thiếu được, để cân bằng về mặt tâm lý và tình cảm của con người, sự cộng cảm và cộng mệnh của các cộng đồng người trong đời sống xã hội hiện đại càng được thể hiện rõ nét thông qua các mối quan hệ và giao lưu văn hoá, với lòng thân ái, vị tha và bao dung sâu sắc. Khi ấy lễ hội truyền thống càng đóng vai trò là phương tiện hữu ích cho con người hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hoá. Vai trò, vị trí của lễ hội truyền thống vẫn được xác định là cầu nối liền từ quá khứ- hiện tại- đến tương lai. Do đó mà các hoạt động văn hoá lễ hội cổ truyền sẽ nhộn nhịp, sôi nổi hơn nhiều so với hiện nay, để thoả mãn nhu cầu của đời sống xã hội văn minh hiện đại, nhu cầu đời sống văn hoá tâm linh của nhân dân càng nhiều hơn.

Du lịch được xem như một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng, nhưng mang nội dung văn hóa sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao. Khai thác thế mạnh của văn hoá để phát triển du lịch và du lịch phát triển sẽ lại củng cố phát triển bền vững văn hoá. Từ nội hàm đó cho thấy môi trường văn hoá du lịch - lễ hội - sự kiện ngoài những nét đặc thù riêng – chính là môi trường văn hoá của cộng đồng xã hội và sức hấp dẫn của các sản phẩm du lịch, chính là giá trị văn hoá được kết tinh từ các sản phẩm văn hoá thông qua lễ hội và sự kiện, theo hướng phát triển du lịch bền vững, cần có những định hướng bảo tồn và giới thiệu với du khách các giá trị văn hóa truyền thống, di tích và đặc sắc của từng địa phương, trong đó Hải Phòng không nằm ngoài những tiêu chí ấy. Nhằm tận dụng những tài nguyên, nguồn lực và cơ sở vật chất sẵn có của Hải Phòng tạo ra những sản phẩm du lịch có chất lượng, đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao.

Các lễ hội truyền thống ở Cát Hải hiện nay chưa được biết đến nhiều để phù hợp hơn với giá trị vốn có của nó. Do đó cần có biện pháp thiết thực trong công tác tổ chức và quảng bá lễ hội đến người dân thành phố và các tỉnh thành trong cả nước. Để Cát Hải có điều kiện được biết đến với hình ảnh du lịch lễ hội độc đáo.

#### ***3.2.4. Xây dựng chương trình du lịch đến với hệ thống di tích thờ Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng.***

Hiện nay du lịch đồng quê đang trên đà phát triển mạnh mẽ đặc biệt là giới trẻ với những cuộc hành trình đầy thú vị bên chiếc xe đạp, bên những chiếc xe gia đình du khảo tới các đồng quê trong thành phố. Với một huyện đảo nhỏ như Cát Hải là một địa điểm vô cùng thú vị cho những cuộc hành trình thích trải nghiệm, mang lại những độc đáo và mới lạ.

Theo những gì đã nghiên cứu khảo sát về văn hóa tín ngưỡng lễ hội cũng như các tài nguyên mà Cát Hải hiện có, chúng tôi xin xây dựng và giới thiệu một số chương trình tuor như sau:

*Chương trình 1 ngày (ngày 21 tháng Giêng): Tượng đài Nữ Tướng Lê Chân - Bảo tàng thành phố - lễ hội chèo thuyền đình Gia Lộc – bến phà Gót – đình Hoàng Châu, Hải Phòng.*

Đầu năm thăm cảnh đình chùa đã thành lệ từ lâu trong cuộc sống của con người. Và đối với những du khách muốn tìm cảm giác trải nghiệm để tự mình tham



quan và du lịch đầu năm, có thể tham gia chương trình du lịch này cho gia đình và bạn bè cùng tham gia.

Có thể bắt đầu cuộc hành trình từ 7h30 sáng, đến thăm và tưởng niệm tại tượng đài Nữ Tướng Lê Chân - người đã có công gây dựng trang An Biên tức thành phố cảng Hải Phòng ngày nay. Lê Chân vốn người làng An Biên, huyện Đông Triều, phủ Kinh Môn, xứ Hải Dương. Nợ nước thù nhà với thái thú Tô Định, bà đã đem một số người nhà đến vùng biển An Dương lập trại, lấy tên quê cũ đặt cho vùng đất mới, chiêu mộ người tài gây dựng quân đội chống lại giặc đô hộ. Khi Hai Bà Trưng dấy binh khởi nghĩa, Lê Chân đã cùng nghĩa quân lập được nhiều chiến công vang dội. Sau này Mã Viện đem thêm lực lượng tới tấn công, nghĩa quân không thể bảo toàn được lực lượng, bà đã phải tuấn tiết để bảo toàn danh dự. Để hiểu hơn nữa về vùng đất Hải Phòng, 8h đến thăm Bảo tàng thành phố Hải Phòng để xem lại những dấu ấn của Hải Phòng xưa kia. 9h30 theo tuyến đường Đà Nẵng và 356 đến bến Phà Đình Vũ đi Cát Hải. Mất khoảng 40 phút phà sang đến Cát Hải, 10h50 ăn trưa tại Cát Hải và đến đình Gia Lộc tham dự lễ hội đua thuyền lúc 12h trưa. 3h kết thúc lễ hội, có thể thăm bến Gót, một nơi đã để lại dấu tích lịch sử một thời hào hùng của thành phố một thời khói lửa. Cùng tuyến đường trở về bến phà, ghé lại thăm đình chùa Hoàng Châu – nơi diễn ra lễ hội Xa Mã. Cuộc hành trình sẽ kết thúc 5h30 cùng ngày.

Chương trình này rất thuận lợi cho các chương trình cá nhân, gia đình hoặc nhóm tự tổ chức tham quan và tìm hiểu.

*Chương trình 2 ngày (mùng 9 và 10 tháng 6 âm lịch): xem thi đấu vòng loại chọi trâu Đồ Sơn – tham dự lễ hội Xa Mã xã Hoàng Châu, Cát Hải*

*Ngày 1 (9 tháng 6 âm lịch):* 7h theo tuyến đường 353 đến Đồ Sơn, nhận phòng và đến xem thi đấu chọi trâu vòng loại, ăn trưa. Chiều tự do tham quan tại khu II và Hon Dau Resort, tắm biển. Tối chương trình đốt lửa trại và giao lưu văn nghệ.

*Ngày 2 (10 tháng 6 âm lịch):* tự do tắm biển và ăn sáng, 8h đi phà Đình Vũ đến Cát Hải. Theo tuyến đường 5 và đường 356 khoảng 50 phút đến phà Đình Vũ, đón phà 40 phút sang đảo Cát Hải thăm đình Gia Lộc và bến Phà Gót. 11h ăn trưa và về đình Hoàng Châu tham dự lễ hội Xa Mã lúc 12 h trưa. 3h kết thúc lễ hội, thăm nhà máy chế biến và sản xuất nước mắm sạch ở Cát Hải. 4h15 trở về bến phà và cuộc hành trình kết thúc 6h trong ngày.

Chương trình du lịch này không chỉ được thực hiện bởi cá nhân hay gia đình mà có thể thực hiện theo đoàn. Với những người muốn tham quan và tìm hiểu về văn hóa lễ hội và tín ngưỡng truyền thống địa phương.

Các công ty du lịch hay các gia đình, các nhân đều có thể thực hiện chương trình du lịch kết hợp các chuyến tham quan lễ hội và kết hợp tham quan biển đảo Cát Bà với vườn Quốc gia và các hoạt động tham quan vui chơi khác từ chuyến hành trình kết hợp với văn hóa lễ hội và tìm hiểu tín ngưỡng địa phương.

## KẾT LUẬN

Tín ngưỡng, tôn giáo đã xuất hiện từ xa xưa trong lịch sử loài người. Nó tồn tại, phát triển và có ảnh hưởng mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống xã hội. Với hình thức mạnh nha là tín ngưỡng nguyên thủy như thờ thần, thờ cây, muông thú tới những hình thức tôn giáo có giáo lý, tổ chức chặt chẽ... Tín ngưỡng, tôn giáo đã trở thành một thành tố quan trọng của nền văn hóa, là nhu cầu tinh thần của một bộ phận người, đang và sẽ tồn tại lâu dài cùng tiến trình phát triển của xã hội loài người.

Năm 1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 24, xác định “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân...”. Tiếp theo, ngày 12 tháng 03 năm 2003, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa IX đã ra nghị quyết số 25-NQ/TW, xác định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Các hình thức tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam rất phong phú và đa dạng, trong đó có các hình thức tín ngưỡng phổ biến như: thờ cúng tổ tiên, thờ thần, thờ mẫu, thờ các vị anh hùng dân tộc, những người có công với nhân dân, có công lập ấp, truyền nghề... Những hình thức tín ngưỡng này có lịch sử lâu đời, tồn tại cùng với quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông ta.

Do đó cần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tín ngưỡng truyền thống ở Cát Hải sẽ góp phần không nhỏ vào hệ thống giá trị văn hóa của dân tộc nói chung. Cần tăng cường nhiều biện pháp thiết thực trong công tác tuyên truyền và phổ biến các lễ hội nơi đây một cách hiệu quả.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh. 1991. “Nếp cũ – hội hè đình đám”. NXB Trẻ. Hà Nội.
2. Phan Kế Bính. 1998. “Việt Nam Phong Tục”. NXB Văn Học. Hà Nội.
3. Ngô Sĩ Liên. 1993. “Đại Việt Sử ký toàn thư”. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội.
4. Lê Như Hoa. H, 2001. “Tín ngưỡng dân gian Việt Nam”. NXB Văn hóa thông tin. Hà Nội.
5. Đoàn Văn Minh. 2002. “Đức Thánh Đông Hải Đại Vương Đoàn Thượng”. NXB Hải Phòng. Hải Phòng.
6. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. 2009. “Đại Nam nhất thống chí”. NXB Lao Động. Hà Nội.
7. Ngô Đức Thịnh. 2012. “Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam”. NXB Trẻ. Hà Nội.
8. Trần Diễm Thúy. 2009. “Cơ sở văn hóa Việt Nam”. NXB Thông tin. TP Hồ Chí Minh.
9. Quảng Tuệ. 2012. “Một số phong tục nghi lễ dân gian truyền thống Việt Nam”. NXB Thanh Hóa. Thanh Hóa.
10. Nguyễn Văn Thắng. Luận án tiến sĩ “Lễ hội cổ truyền ở Hưng Yên”
11. Trần Quốc Vượng. 1999. “Cơ sở văn hóa Việt Nam”. NXB Giáo Dục. Hà Nội.
12. Trần Quốc Vượng. 1996. “Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam”. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội.
13. Lý Tế Xuyên. 1994. “Việt Điện U Linh”. NXB Thế Giới. Hà Nội.



Tiền đường đình Hòa Hy, Cát Hải, Hải Phòng



Toàn cảnh đình Hòa Hy

Cổng tam quan đình Hòa Hy



Tiền đường đình Gia Lộc



Hậu tiền đường đình Gia Lộc (nơi diễn ra lễ rước kiệu) - ảnh tư liệu





Tiền tế và khu vực tiếp khách đình Gia Lộc



Chùa Gia Lộc (cạnh Đình Gia Lộc)



Lễ rước kiệu nam đình Gia Lộc (ảnh tư liệu)



Lễ rước kiệu nữ (ảnh tư liệu)





Lễ rước kiệu đình Hòa Hy (*ảnh tư liệu*)



Lễ rước nước (*ảnh tư liệu*)



Đình Hoàng Châu



Tòa Thiêu hương đình Hoàng Châu

**PHỤ LỤC 1**  
**DI TÍCH THỜ ĐÔNG HẢI ĐẠI VƯƠNG ĐOÀN THƯỢNG**  
**(Tại các tỉnh thành phố khác)**

Các di tích thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng được thống kê trên cơ sở Tổng kiểm kê sơ bộ các di tích lịch sử năm 2002 và Tổng điều tra di tích văn hóa phi vật thể của Bảo tàng tỉnh Hưng Yên năm 2006; từ tài liệu điền dã của tác giả luận án từ năm 2004-2008...Các tư liệu này được đối chiếu cuốn Đức thánh Đông Hải đại vương Đoàn Thượng của Đoàn Văn Minh. Tổng số có 280 di tích.

***Tỉnh Hưng Yên (57 di tích):***

***Thị xã Hưng Yên:***

1. Đình làng Thượng, Thượng Làng, xã Bảo Khê, thờ Đông Hải đại vương, Hoa Lâm Kiều Quốc, Diêm La, Trung Chính;
2. Đình Tiên Thắng, làng Tiên Thắng, xã Bảo Khê, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
3. Đình Phù Phụng, làng Phù Phụng, phường Hồng Châu, thờ Đoàn Thượng Đông Hải đại vương;
4. Đình Cao Phụ, làng Đăng Châu, phường Lam Sơn, thờ Đông Hải đại vương, An Nam Trung Thành linh ứng đại vương;

***Huyện Mỹ Hòa:***

5. Đền Bần, xã Yên Nhân (nay Cộng Hòa, thị trấn Bần), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
6. Đình Bần, làng Cộng Hòa, thị trấn Bần, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
7. Đình Lê Xá, làng Lê Xá, xã Dương Quang, Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
8. Đình Phú Đa, làng Phú Đa, thị trấn Bần, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

***Huyện Văn Lâm:***

9. Đình Lương Tài, làng Lương Tài, xã Lương Tài, thờ Đoàn Thượng;

***Huyện Văn Giang:***

10. Đình Thủ Pháp, làng Thủ Pháp, xã Nghĩa Trụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

***Huyện Yên Mỹ:***

11. Đình xóm Trong, ĐỒNG MỸ, xã Lý Thường Kiệt, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Gia Hồng Ân;
12. Đình Liêu Trung, làng Liêu Trung, xã Liêu Xá, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Gia Hồng Ân;
13. Đình Trì Nội, làng Trì Nội, xã Nghĩa Hiệp, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
14. Đình Ngọc Tĩnh, làng Ngọc Tĩnh, xã Ngọc Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
15. Đình Long Vĩ, làng Long vĩ, xã Thanh Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
16. Đình Bắc Khu, làng Bắc Khu, xã Minh Châu, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
17. Đình Yên Phú (Trà), Làng Yên PHÚ, xã Giai Phạm, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
18. Đình Giữa (đình Ngự), làng Yên Phú, xã Giai Phạm, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
19. Đình Tử Cầu, làng Tử Cầu, xã Giai Phạm, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
20. Đình Xuân táo, làng Xuân Táo, xã Trung Hòa, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
21. Đình Dịch Trì, làng Dịch Trì, xã Ngọc Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
22. Đình Yên Thổ, làng Yên Thổ, xã Nghĩa Hiệp, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
23. Đình Yên Đô (Sùng Phúc), làng Yên Đô, xã Tân Việt, thờ Trung Quốc đại vương và Đoàn Thượng;
24. Đình Đại Hạnh, làng Đại Hạnh, xã Hoàn Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
25. Miếu TRẤN ĐÔNG, làng TRẤN ĐÔNG, xã Hoàn Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
26. Đền Ngọc Long (Đổng Vàng), làng Ngọc Long, xã ngọc Long, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

27. Đình làng Vương, xã Ngọc Long, Thờ Đoàn Thượng.

**Huyện Ân Thi:**

28. Đình Văn Trạch, làng Văn Trạch, xã Văn Nhuệ, thờ Đoàn Thượng;

29. Đình Lưu Xá, làng Lưu Xá, xã Hồ Tùng Mậu, thờ Sơn Tinh, Túc Minh đại vương;

30. Đình Đồng Bạ, làng Đồng Bạ, xã Cẩm Ninh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

31. Nghè Đông Bạ, làng Đông Bạ, xã Cẩm Ninh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

32. Đình Đông, làng Đào Xá, xã Đào Dương, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

**Huyện Kim Động:**

33. Đình Đống Lương, làng Đống Lương, xã Hiệp Cường, thờ Cao Sơn, Hối Thiên cư sĩ, Đông Hải đại vương, Diêm La đại vương;

34. Đình Cốc Khê, làng Cốc Khê, xã Phạm Ngũ Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

35. Đình Nghĩa Giang, làng Nghĩa Giang, xã Toàn Thắng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

36. Đình Bình Đôi, làng Bình Đôi, xã Vũ Xá, Thờ Đoàn Thượng;

37. Đình Trương Xá, làng Trương Xá, xã Toàn Thắng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

38. Đình Lương Xá, làng Lương Xá, xã Hiệp Cường, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

39. Đình Dưỡng Phú, làng Dưỡng Phú, xã Chính Nghĩa, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

40. Đình Vĩnh Hậu, làng Vĩnh Hậu, xã Vĩnh Xá, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Ngũ Vị đại vương;

41. Đình Bùi Xá, làng Bùi Xá, xã Đồng Thanh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Quý Minh;

42. Đình Bằng Ngang, làng Bằng Ngang, xã Lương Bằng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

**Huyện Khoái Châu:**



43. Đình Thượng, làng An Vĩ, xã An vĩ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
44. Đình An Thái, làng An Thái, xã An Vĩ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
45. Đình Thuận Lễ, làng Thuận Lễ, xã Thuận Hưng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Ling Lang đại vương, Đô Thiên đại vương, Nhã Công, Nguyễn tuấn đại vương;
46. Đình Đại Quan, làng Đại Quan, xã Thuận Hưng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Ling Lang đại vương, Đô Thiên đại vương, Nhã Công, Nguyễn tuấn đại vương;
47. Đình Đông Kim, làng Đông Kim, xã Đông Tảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Quý Minh đại vương, Chử Đồng Tử, Tiên Dung, Tây Sa;
48. Miếu Đại Quang, làng Tân Hưng, xã Chí Tân, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Linh Lang đại vương, Đô Thiên đại vương, Nhã Công, Nguyễn Tuấn đại vương;

***Huyện Phù Cừ***

49. Đình Thọ Lão, thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, thờ Đông Hải đại vương
50. Đoàn Thượng và Trần Quốc Tuấn;
51. Đạm Trà Bồ, làng Trà Bồ, xã Phan Sào Nam, thờ Đông Hải vương Đoàn Thượng, Tĩnh Minh, Quý Minh;
52. Đình Đoàn Đào, làng Đoàn Đào, xã Đoàn Đào, thờ Đông Hải đại vương, Bùi Đăng Châu;
53. Đình Cầu Khoái, làng Hà Linh, xã Đình cao, thờ Quý Minh, Linh Lang, Đông Hải đại vương Đoàn Thượng, Nam Hải đạị vương;

***Huyện Tiên Lữ:***

54. Miếu Già , làng Dị Chế, xã Dị Chế, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Quyền
55. Đình Cao Đông, làng Nhật Tân, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Trần Hưng Đạo
56. Đình Cao Đoài, làng Cao Đoài, xã Nhật Tân, thờ Trần Hưng Đạo, Đoàn Thượng, Nguyễn Đại Vương
57. Đình Đông, làng Dung, xã Hưng Đạo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

58. Đình Hậu Xá, làng Hậu Xá, xã Hưng Đạo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

59. Đình Nội Linh, làng Nội Linh, xã Ngô Quyền, thờ Nguyễn Cao Sơn, Đào Tu Thành, Đông Hải đại vương, Nguyễn Đông Hải;

***Tỉnh Thanh Hóa (3 di tích):***

60. Đình núi Ngọc, Đồi Nội, xã Ngọc Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

61. Đình Phượng Đình, xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

62. Đình Đồi Nội, huyện Nga Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

***Tỉnh Hải Dương (24 di tích):***

63. Đình Bồng Độ (Xuân Độ), làng Thung Độ, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

64. Đền Thung Độ, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

65. Đình Thung Du, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

66. Đình Đỉnh Đào, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

67. Đình Hoàng Du, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

68. Đình An Đình, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

69. Đình Đào Giang, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

70. Đình Hội Xuyên, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

71. Đình Gia Xuyên, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

72. Đình An Tân, xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

73. Đình Thông Khê, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

74. Đình Làng Sáu, tổng Đoàn Bái, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

75. Đình làng Nam, tổng Lạc Thi, huyện Gia Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

76. Đình Cáp Thượng, tổng Cáp Nhất, huyện Thanh Hà, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
77. Đình làng Sáu, tổng Đại Bối, huyện Thanh Hà, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
78. Đình làng Năm, tổng Tiên Liệt, huyện Thanh Hà, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
79. Đình đền làng Bốn, tổng Mao Điền, huyện Cẩm Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
80. Đình La Trữ, tổng Kim Quan, huyện Cẩm Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
81. Đình, đền Bái Giang, huyện Cẩm Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
82. Đình Tú La, huyện Cẩm Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
83. Đình Kim Uyên, huyện Cẩm Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
84. Đình Cáp Thượng, làng Vang, tổng Bát Khê, huyện Ninh Giang, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
85. Đình làng Hai, tổng Phù Nội, huyện Thanh Miện, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
86. Đình Lang Gia, tổng Từ Ô, huyện Thanh Miện, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
- Tỉnh Thái Bình (12 di tích):***
87. Đình lộng, xã Trần Lãm, thị xã Thái Bình, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Đoàn Duy thượng, tướng của Ngô Vương Quyền;
88. Đình Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
89. Đình làng Bốn, tổng Hà Lý, huyện Duyên Hà, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
90. Đình Sa Cát, tổng Cát Đàm, huyện Thái Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
91. Đình làng Hai, tổng Trùng Hoài, huyện Thái Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
92. Đền thờ tổ họ Đoàn, làng Tu Trình, xã Thụy Hồng, huyện Thái Thụy, thờ Đoàn Công Phúc Lãnh và phu nhân Lý Thị Làng và hậu duệ họ Đoàn;



93. Đình làng Hai, tổng Đô Kỳ, huyện Tiên Hưng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
94. Đình Lộng Khê, làng Lộng Khê, xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
95. Đình thanh Khê, tổng tân Bồi, huyện Thái Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
96. Đình An Hiệp, huyện Quỳnh Phụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
97. Đình Thượng Phúc, huyện Quỳnh Phụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
98. Đình làng Đồi, xã Tứ Thanh, huyện Quỳnh Phụ, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
- Tỉnh Nam Định (13 di tích):***
99. Đình Đồng Nhuệ, làng Lê Xá, tổng Cao Đài, huyện Mỹ Lộc, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
100. Đình An Nông, tổng An Nông, huyện Nam Trực, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
101. Đình Đỗ Xá, tổng Đỗ Xá, huyện Nam Trực, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
102. Đình Đồng Bạ, tổng Cổ Liêu, huyện Nghĩa Hưng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
103. Đình Tam Tri, làng Thái La, tổng Bào Ngũ, huyện Vụ Bản, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
104. Đình Đồng Đội, tổng Đồng Đội, huyện Vụ Bản, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
105. Đình An Thứ, tổng Hiển Khánh, huyện Vụ Bản, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
106. Đình Đại Lai, tổng Hồ Sơn, huyện Vụ Bản, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
107. Đình Hoàng Lê, tổng An Lạc, huyện Ý Yên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
108. Đình Tổng Xá, tổng Vũ Xá, huyện Ý Yên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

109. Đình làng Năm, tổng Túc Mặc, huyện Ý Yên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
110. Đình làng Một, xã Thanh Khê, huyện Nghĩa Hưng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
111. Đình Thanh Khê, tổng Kiên Lao, huyện Xuân Trường, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
- Tỉnh Ninh Bình (2 di tích):**
112. Đình Chấn Lữ, tổng Dương Vũ, huyện Gia Khánh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
113. Đình Thanh Khê, tổng Quang Vĩnh, huyện Gia Khánh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
- Thủ đô Hà Nội (11 di tích):**
114. Đình Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
115. Đình Ngọc Giang, tổng Thuần Lễ, huyện Phúc Yên, phủ Đông Anh (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
116. Đình Thụy Lợi, tổng Xuân Nộn, huyện Phúc Yên, phủ Đông Anh (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
117. Đình, đền, miếu Nhược Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
118. Đình làng Ba, tổng Mỹ Lâm, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
119. Đình làng BA, tổng Thịnh Đức Thượng, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
120. Đình làng Tám, tổng Vạn Diển, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
121. Đình Hoàng Xá, tổng Vạn Diển, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
122. Đình Ngọc Trục, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và con trai ngài là Đoàn Hưng Nhượng
123. Đình Trầm Lộng, xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và con trai ngài là Đoàn Hưng Nhượng

124. Đình Mộc Hoàn, huyện Phú Xuyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

***Tỉnh Vĩnh Phúc (3 di tích):***

125. Đình Tào Mai, làng Mai Nội, tổng Phù Lỗ, huyện Kim Anh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

126. Đình Song Mai, huyện Kim Anh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

127. Đình Thái Phù, tổng Phù Xá, huyện Kim Anh, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

***Tỉnh Bắc Ninh (3 di tích):***

128. Đình làng Bón, tổng Hà Lỗ, huyện Tiên Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

129. Đình Bái Uyên, tổng Nội Duệ, huyện Tiên Du, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

130. Đình Thanh Khê, tổng Lại Thượng, huyện Lương Tài, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

***Tỉnh Hà Nam (6 di tích):***

131. Đình làng Hai, tổng Kim Bảng, huyện Kim Bảng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

132. Đình Lão Cầu, xã Lam Cầu, huyện Duy Tiên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng cùng hai vị tướng của ngài là Đoàn Bảng và Đoàn Lã;

133. Đình Thanh Khê, tổng Thanh Hòa, huyện Thanh Liêm, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

134. Đình làng Lã, xã Ô Mễ, huyện Bình Lục, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

135. Đình Đình Xá, huyện Bình Lục, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

136. Đình Ngô Khê, huyện Bình Lục, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

***Tỉnh Quảng Ninh (2 di tích):***

137. Đền Đông Hải Đại Vương, thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

138. Đình Trà Cổ, huyện Móng Cái, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng.

**PHỤ LỤC 2**  
**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  
**(141 di tích)**

***Huyện An Hải***

1. Đình Định Vũ, xã Tràng Cát, huyện An Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
2. Đình Miếu Hạ Đoạn, xã Đông Hải, huyện An Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
3. Đình Trục Cát, xã Tràng Cát, huyện An Hải, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương
4. Đình miếu Lương Khê, xã Tràng Cát, huyện An Hải, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương;
5. Đình miếu Cát Bi, xã Tràng Cát, huyện An Hải, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương;
6. Đình Cát Khê, xã Tràng Cát, huyện An Hải, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương
7. Miếu Hai Xã, (miếu chung của hai xã Dư Hàng và Dư Kênh, vốn là 1 làng sau tách ra), huyện An Hải, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương

***Huyện Hải An***

8. Miếu Thượng Đoạn, xã Đông Hải, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương và Ngô Vương Thiên Tử;
9. Đình Đoạn Xá, xã Đông Hải, huyện Hải An, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương
10. Đình miếu Phương Lưu, xã Đông Hải, huyện Hải An, thờ Ngô Vương Quyền, Thái Tử Ngô Xương Ngập và Đông Hải đại vương
11. Đình miếu Bình Kiêu, xã Đông Hải, huyện Hải An, thờ Ngô Vương Quyền và Đông Hải đại vương
12. Đình Tê Chử, xã Đông Thái, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
13. Đình Bạch Mai, xã Đông Thái, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
14. Đình Hoàng Mai, xã Đông Thái, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
15. Đình Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;

16. Đình Tri Yếu, xã Đặng Cương, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
17. Đình Đào Yếu (Điều Yếu), xã Quốc Tuấn, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
18. Đình Nhu Kiều, xã Quốc Tuấn, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
19. Đình Kiều Thượng, xã Quốc Tuấn, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
20. Đình Kiều Trung, xã Quốc Tuấn, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương;
21. Đình Kiều Hạ, xã Quốc Tuấn, huyện Hải An, thờ Đông Hải đại vương

***Huyện An Lão***

22. Đình Quán Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
23. Đình Nghĩa Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
24. Đình Trực Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
25. Đình Hạ Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
26. Đình Ích Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
27. Đình Đại Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
28. Đình Trung Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
29. Đình Thượng Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
30. Đình Trực Đào, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
31. Đình Trực Định (Chân Định), xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

***Huyện Cát Hải***

32. Đình Nghè Gia Lộc (Thiên Lộc), thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

33. Đình nghề Đô Lương, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  34. Đình nghề Phonh Niên, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  35. Đình Miếu Gia Luận, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  36. Đình Nghĩa Lộ, xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  37. Đình Nghè Phù Long, xã Phù Long, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  38. Đình miếu Văn Chấn (Văn Minh), xã Văn Phong, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  39. Đình Lục Độ, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  40. Đình miếu Lương Năng (Lương Lãnh), thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  41. Đình miếu Hòa Hy, xã Hào Quang, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  42. Đình miếu Hoàng Châu (Vàng Châu), xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  43. Đình miếu Đồng Bài, xã Đồng Bài, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  44. Đình Trân Châu (làng Nang), xã Trân Châu, huyện Cát Hải, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
- Thị xã Đồ Sơn***
45. Đền Hòn Dấu trên đảo Hòn Dấu, thị xã Đồ Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  46. Đình miếu Bàng Động (Đại Bàng), xã Bàng La, thị xã Đồ Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  47. Đình Phụ Lỗi (Phụ Nội), xã Bàng La, thị xã Đồ Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

48. Đình miếu Tiểu Bàng (Hoàng Tiểu), xã Bàng La, thị xã Đồ Sơn, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

***Quận Hồng Bàng***

49. Đình Hạ, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thờ Ngô Vương Thiên Tử và thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

50. Đình Thượng Lý, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thờ Ngô Vương Thiên Tử và thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

***Huyện Kiến Thụy***

51. Đình Cao Bộ (Kiện Bộ), xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

52. Đình Nhân Trai, xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

53. Đình Đại, làng Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

54. Đình Đoài, làng Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

55. Đình Làng Đoan Xá (Đoàn Xá), xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

56. Đình Đắc Lộc, xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

57. Đình Đông Xá, xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

58. Đình Phúc, xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

59. Đình miếu Phúc Lộc, xã Đa phúc, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

60. Miếu Đông Chanh, làng Đại Lộc, xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

61. Đình Quý kim, xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

62. Đình Hồi Xuân, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

63. Đình Kim Sơn, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  64. Đình Kỳ Sơn, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  65. Đình Lão Phong, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  66. Đình miếu Nghi Dương, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Tây Hải Quý Công đại vương;
  67. Đình Mai Dương, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  68. Đình miếu Quế lâm, xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  69. Đình miếu Xuân La, xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  70. Đình Tam Kiệt, xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  71. Đình miếu Thọ Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  72. Đình miếu Thù Du (Cung Hiệp), xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
- Huyện Tiên Lãng***
73. Đình Duyên Lão (Diên Lão), xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thờ Đông hải đại vương Đoàn Thượng và Đông hải Đoàn Thượng công chúa;
  74. Đình miếu Đông Ninh (Đông Minh), xã Tiên Minh, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  75. Đình Chàng Xuyên (Trình Xuyên), xã Tiên Minh, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  76. Đình miếu nghe dư Đông, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  77. Đình Đông Côn, xã Tiên Minh, huyện Tiên lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;



78. Đình Thái Hòa, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  79. Đình miếu Tiên Lãng (Tân Minh), xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  80. Đình miếu Nhuệ Ngự (làng Ngự), xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  81. Đình Phương Đồi (Hoa Đồi), xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  82. Đình An dụ (An Hựu), xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  83. Đình An Tử Ngoại, xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  84. Đình mỹ Huệ (Mỹ Lộc), xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  85. Miếu Mỹ Khê, xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  86. Đình Lao Chử, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  87. Đình lao Khê, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  88. Đình Hán Nam (Nam Tử Hạ), xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  89. Đình miếu sinh Đan, xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  90. Đình Đốc Hành (Giá Hành), xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
  91. Đình miếu An Lư (An Các), xã An Lư, huyện Tiên Lãng, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
- Huyện Thủy Nguyên***
92. Đình nghề Do Nghi, xã tam hưng, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;

93. Đình miếu My Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
94. Đình miếu Mỹ Đông, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
95. Đình miếu Trung Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
96. Đình Nghè Mỹ Giang, xã kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
97. Đình miếu Phục Lễ (Phổ Lễ), xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
98. Đình miếu Phục Lễ, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
99. Đình Lập Lễ, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
100. Đình Trúc Sơn, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
101. Đình miếu Tuy Lạc, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
102. Đình Giáp Động, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
103. Đình miếu Thiểm Khê, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và các tướng Tế Công, Lại Công, Độ Công, tướng của hai Bà Trưng;
104. Đình miếu Trà Sơn, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng;
105. Đình Trại Kênh, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
- Huyện Vĩnh Bảo***
106. Đình An Ninh, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng
107. Đình nghè Cung Phúc, xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng

108. Đình An Biên, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương  
Đoàn Thượng
109. Đình miếu Đông Lôi, xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải  
đại vương Đoàn Thượng
110. Đền, đình Đông Am, xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại  
vương Đoàn Thượng
111. Đình Đông Hà Phương, xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải  
đại vương Đoàn Thượng
112. Đình Hội Am, xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương  
Đoàn Thượng
113. Miếu Hàm Dương, xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại  
vương Đoàn Thượng
114. Đình Kênh Hữu (Kinh Hữ), xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải  
đại vương Đoàn Thượng
115. Đình Lôi Trạch, xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại vương  
Đoàn Thượng
116. Đình miếu Liễu Kinh, xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại  
vương Đoàn Thượng
117. Đình miếu Nghĩa Lý, xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại  
vương Đoàn Thượng
118. Miếu Nhân Giả, xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, thờ Đông Hải đại  
vương *Đoàn Thượng*
- Quận Lê Chân***
119. Đình Hàng Kênh, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thờ Đông Hải đại  
vương Đoàn Thượng
- Quận Ngô Quyền***
120. Đình An Khê, phường Cát Bi, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại  
vương Đoàn Thượng
121. Đình Đông An, phường Cát Bi, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại  
vương Đoàn Thượng
122. Đình Đồng Xá, phường Cát Bi, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại  
vương Đoàn Thượng

123. Đình Đông Khê, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền
124. Đình miếu Gia Viên (Da Viên), phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền
125. Đình miếu Hào Khê, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền
126. Đình Lạc Viên, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền
127. Đình Phụng Pháp (làng Phụng), xã Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền
128. Đình Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền
129. Đình An Đà (An Châu), phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thờ Đông Hải đại vương Đoàn Thượng và Ngô Vương Quyền.